THẾ KỶ - HÀ THANH

QUẢNG NGÃI

GIAI THOẠI - TRUYỀN THUYẾT

鄉家的故美麗

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG NGÃI

QUẢNG NGÃI
GIAI THOẠI TRUYỀN THUYẾT

Kính biếu

Anh: Trịnh Thanh Tuấn

Gs. Lê Đình Ky *giới thiệu*

NHỮNG NGƯỜI CỘNG TÁC

HOÀI ĐỨC LÊ HỒNG LONG
TRẦN VĂN THẬN
NGUYÊN MINH SAN
NGUYỄN ĐỨC QUYỀN
NGUYỄN TRUNG HIẾU
PHAN THỊ ĐÀO
TẠ XƯỞNG
KIM LONG
HUỲNH VĂN NHỰ
CHẾ LINH
CAO CHƯ
HỒNG KHÁNH
NGUYỄN HAI HẰNG
NGUYỄN HAI VÂN
ĐINH MIỀN TÂY
HỒ NHẬT LỆ
LÊ XUÂN THU

398.2259753
Qu 106 NG

THẾ KỶ - HÀ THANH

QUẢNG NGÃI

GIAI THOẠI TRUYỀN THUYẾT

(TẬP II - QUẢNG NGÃI QUÊ HƯƠNG TÔI)

THƯ VIỆN T. QUẢNG NGÃI
ĐỊA CHỈ
THƯ VIỆN T. QUẢNG NGÃI
ĐỊA CHỈ

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN & THỂ THAO QUẢNG NGÃI

LỜI GIỚI THIỆU

Quảng Ngãi, tên gọi ấy, đã trở thành nỗi nhớ niềm thương không chỉ riêng với những ai đã sinh trưởng trên mảnh đất này mà còn với cả những du khách đã có dịp ghé qua và dừng chân lại nơi đây, dù chỉ một lần.

Con người Quảng Ngãi đã từng sống mái với ngoại xâm, bình nội loạn, khai sơn, phá thạch, mở mang bờ cõi... Hồn thiêng sông núi đã hun đúc nên xứ sở có nhiều danh nhân sĩ khí, nhiều phong cảnh hữu tình. Tuy đất hẹp người đông, nhưng Quảng Ngãi cũng là nơi ẩn chứa kho tàng tài nguyên và đặc sản phong phú.

Trải qua dâu bể, quê hương địa linh, nhân kiệt đã sản sinh những giai thoại và truyền thuyết, được nhân dân nhắc nhở và truyền tụng. Đó là những danh thần hậu duệ trung nghĩa, chu toàn sứ mệnh phò vua giúp nước, như: Lê Ủy Đà, Tạ

Công Tôn, Bùi Tá Hán... Những chí sĩ cách mạng, nêu cao tinh thần yêu nước thương dân, như: Lê Trung Đình, Nguyễn Thụy, Nguyễn Công Phương... Mỗi khúc sông, ngọn đồi, mỏm đá đến hố bàu, khe lạch... đều gắn bó gần xa với các sự kiện lịch sử và mang nhiều yếu tố thần kì lí thú, đã in sâu trong kí ức người dân Quảng Ngãi.

Bao nhiêu chuyện người, chuyện đời, bao kì tích, nguồn gốc địa danh trên non nước quê hương đã được các tác giả gom vào trong hơn 50 mẩu chuyện sưu tầm - ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, đa dạng, hấp dẫn.

"QUẢNG NGÃI - GIAI THOẠI, TRUYỀN THUYẾT" là tập thứ hai viết về nơi chôn rau, cắt rún của cùng tác giả với "QUẢNG NGÃI QUÊ HƯƠNG TÔI" (Tập I), đã phát hành năm 1991.

Trong lúc các tác phẩm văn hóa "đen" đang là nỗi nhức nhối, tiếp tục tìm mọi chỗ hở để chen vào cả trên bình diện rộng, tập sách này được ra đời, quả đáng trân trọng.

"QUẢNG NGÃI - GIAI THOẠI, TRUYỀN THUYẾT" là một công trình sưu tầm, nghiên cứu được sự đầu tư, bảo trợ của Ban Khoa học kỹ thuật và Sở Văn hóa Thông tin và thể thao Quảng Ngãi,

nhằm phát huy giá trị tinh thần trong hồn nước, tình quê, tình người bền lâu, đằm thắm, góp phần tích cực vào việc đưa nền văn hóa địa phương Quảng Ngãi, trở về cội nguồn dân tộc.

G.S LÊ ĐÌNH KI

VÀI NÉT VỀ CÔNG TRÌNH

Đề tài "QUẢNG NGÃI - GIAI THOẠI, TRUYỀN THUYẾT" với mục tiêu nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn những giai thoại, truyền thuyết ở tỉnh Quảng Ngãi một cách có hệ thống, nhằm góp phần gìn giữ và làm phong phú thêm văn hóa quê hương, giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho thế hệ trẻ, đáp ứng phần nào nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân.

Chủ đề phù hợp với ý định viết về quê hương của các tác giả đã có từ lâu và mong muốn được thực hiện khi đất nước hoàn toàn thống nhất. Nay được Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao, Ban Khoa học và Kĩ thuật đồng ý, Hội Đồng Khoa học Kĩ thuật tỉnh thông qua và ủy ban Nhân Dân tỉnh duyệt đưa vào kế hoạch nghiên cứu năm 1992, là một quyết định đúng hướng cho một đề tài Khoa Học Xã hội. Trước khả năng động viên lớn lao đó,

các tác giả công trình đã cố gắng nghiên cứu, sưu tầm và sáng tạo, đáp ứng nội dung, mục tiêu, tiến độ thực hiện đề tài.

Với sự cộng tác của nhiều cán bộ nghiên cứu trong tỉnh: Hoài Đức Lê Hồng Long, Trần Văn Thận, Tạ Xưởng, Nguyễn Đức Quyền, Văn Sơn, Chế Linh, Đinh Miền Tây, Nguyễn Thị Hải Vân, Huỳnh Văn Nhự, Lê Xuân Thu... Cán bộ giảng dạy và sinh viên trường Đại học Tổng hợp Huế: Phan Thị Đào, Nguyễn Thị Hải Hằng, Nguyễn Thanh Hiền... Cán bộ giảng dạy Văn học trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh: Kim Long - Viện Văn hóa Hà Nội: Nguyễn Minh Sang...

Công trình đã sưu tầm, lựa chọn được các truyền thuyết đúng là những câu chuyện hay, vui, người ta thường nhắc đến và những giai thoại đúng theo đặc điểm thi pháp của nó là hư cấu thành các truyện kể dân gian về các sự kiện, nhân vật lịch sử, qua trí tưởng tượng thêm bớt của người đời. Có thể ghép giai thoại của nhân vật này cho nhân vật khác, mà ý nghĩa tốt, xấu lại ngược hẳn nhau.

Ta lấy chuyện "răng cắn lưỡi" của hai ông Vua, ở hai thời điểm cách xa nhau để chứng minh - Sau vụ án Vua Tự Đức giết anh ruột là Hồng Bảo, để

bảo vệ ngai vàng, trong một bữa yến tiệc, nhà vua vô ý để răng cắn nhằm phải lưỡi. Vua bèn gợi ý để các quan ứng khẩu làm thơ. Ông Nguyễn Hàm Ninh đọc ngay bốn câu sau đây:

"*Sinh ngã vi sơ, nhỉ vị sinh*

Nhỉ sinh chi hậu, ngã vi huynh

Đồng thời cộng hưởng trân cam vị

Hà nhẫn tương vong cốt nhục tình?"

(Dịnh nghĩa - "Thuở tớ sinh ra chú chửa sinh. Khi sinh ra chú tớ là anh. Ngọt bùi ta hưởng cùng nhau cả. Ruột thịt sao đang cắt đứt tình?"

Nghe thơ xong, Tự Đức nói: "Bài thơ của khanh rất hay, đáng thưởng mỗi câu một lạng vàng. Nhưng rõ ràng là có ác ý, cũng đáng phạt mỗi câu một roi". Sự thực chỉ đến đó, về sau có người còn kể thêm rằng - Nghe Tự Đức nói thế, lập tức ông Nguyễn Hàm Ninh nằm úp xuống, vén áo, tuột quần cho lòi mông ra, ngay trước mặt nhà vua.

Đến truyện kể về Quang Trung - Nguyễn Huệ, người ta truyền lại rằng - Ngày xưa khi thành Qui Nhơn bị vây chặt, Nguyễn Nhạc (anh của Nguyễn Huệ) chỉ còn biết kêu lên "nồi da nấu thịt". Một bữa, Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ đang hầu cơm

bên cạnh, biết nhà vua vô tình để răng cắn phải lưỡi. Trần Văn Kỷ liền ứng khẩu bốn câu hệt như bài thơ của Nguyễn Hàm Ninh, chỉ khác đi mấy chữ :

"Ngã ký sinh tiền, nhữ hậu sinh
Nhỉ ưng vị đệ, ngã vi huynh..."

Còn hai câu cuối thì không sai chữ nào. Nghe thơ xong, Vua Quang Trung vái lạy Trần Văn Kỷ và hạ lệnh giải vây thành Qui Nhơn. Tình anh em ruột thịt một nhà càng thêm thắm thiết.

Rõ ràng chuyện Vua Tự Đức kể ra là để miệt thị, khinh thường. Còn truyện kể về Vua Quang Trung - Nguyễn Huệ là đề cao, kính trọng.

Trên hai trăm truyện sưu tầm, góp nhặt, chúng tôi đã đem ra so sánh, với các giai thoại, truyền thuyết đã xuất bản trong cả nước những năm gần đây, kể cả các tập ấn hành từ trước năm 1975 ở miền Nam, như : "Non nước xứ Quảng" của Phạm Trung Việt, "Nước non Bình Định" của Quách Tấn.

Điều khó khăn ở đây không phải là sự trùng lặp giữa các câu chuyện, vì chuyện nước này giống nước khác là phổ biến, thì tinh này, tinh nọ có

chuyện giống nhau, đâu phải lạ ? Nhưng chuyện Quảng Ngãi, chứ không phải chuyện của một nơi nào khác - Đó mới là những khó khăn cần phải vượt qua suốt cả giai đoạn thực hiện công trình.

Việc loại bỏ những gì trùng lặp nguyên si rất đơn giản. Nhưng những người thực hiện đề tài không chỉ là người sưu tầm, biên soạn, mà còn là "người giữ của" cho quê hương. - Vì phải tìm cho ra những truyện chính của Quảng Ngãi đang tiềm ẩn ở khắp mọi nơi trên đất nước. Muốn làm cho ra giai thoại, truyền thuyết Quảng Ngãi không chỉ gắn vào tên đất, tên người nào đó ở địa phương mình, mà phải chọn những chuyện tự thân nó toát ra tính cách Quảng Ngãi. Cái khó sau các câu chuyện có phải của Quảng Ngãi không, là ở chỗ này.

Ví như cái tên: "Cao Biền" đâu phải riêng ở Quảng Ngãi mới có? Nó được lặp đi, lặp lại qua hàng chục truyện trong cả nước. Không thể lấy truyện "Cao Biền" ở Hà Bắc, Lạng Sơn, thay đổi tên đất, tên người vào, để thành truyện "Cao Biền" của Quảng Ngãi. Vì thế, chúng tôi chỉ đưa vào đây một số mẩu chuyện kể từ những vùng dân cư ven sông Trà Khúc. Có chuyện đủ đầu, thiếu đuôi. Có

chuyện râu ông nọ cắm cằm bà kia. Nhưng khi lựa chọn đưa vào công trình, nhóm truyện "Cao Biền" trong tập này đã phản ánh được sự đàn áp của bọn thống trị Trung Hoa suốt ngàn năm dân ta nô lệ. "Cao Biền" ở Quảng Ngãi hoàn toàn khác - Sau khi Y thực hiện mọi thủ đoạn của một tên xâm lược: Trấm long mạch (Quan Chiếu Vương), sát hại rắn linh (Hắc Xà), giết chết vị thần cưỡi con trâu nước (Hòn Nghê), Y liền bày binh bố trận tại La Hà (La Hà Thạch trận). Nhưng uế khí của người con gái Việt đã làm cho toàn bộ trận đồ của hắn hóa đá.

Nỗi tuyệt vọng đó, đã đẩy Cao Biền lên diều giấy, bay chệnh choạng về hướng Đông Nam. Một cơn gió xoáy từ lòng đất Chương Nghĩa nổi lên, dìm diều giấy xuống đất. Xác Y đã bị vùi ngay dưới cồn cát lanh dọc An Chuẩn, Kỳ Tân, kết liễu đời tên xâm lược phương Bắc, kết thúc thời kỳ Bắc thuộc người Tàu trên đất Giao Châu. (Lấy bẩy như Cao Biền dậy non).

Trong truyện "Lấy bẩy như Cao Biền dậy non", ông cha ta đã cho Cao Biền biết đủ điều: Tài địa lý, tài hô phong, hoán vũ... Nhưng, có một điều y không thể nào biết được là "Trà giang cửu khúc chuyển di địa tiền", Y cũng không biết thế nào là

"dự báo", thế nào "chân mạng", nên đã tưởng mơ ước của thằng bé chăn trâu là sự thật...

Những nhận thức trên, chính là tri thức, là văn hóa tư tưởng của người xưa. Nó là tiền đề của sức mạnh chống ngoại xâm, tiền đề của sự phát triển xã hội, theo đúng qui luật khách quan : Thời đại sau tiến bộ hơn thời đại trước.

Về miền núi có tới hàng trăm truyện. Những chuyện sinh thời Đinh Xăng Hiền - nhà văn dân tộc Hơ-Rê (Sơn Hà) đã kể, nay trùng với một số chuyện đã in trong tập "Truyện cổ Hơ-Rê" và tập "Truyện cổ Kà Dong" của cùng tác giả. Nếu chuyện nào đưa vào công trình này, chúng tôi cũng ghi "trích" và tên người viết. Các truyện dân tộc COR, trùng với chuyện trong tập "Truyện cổ COR" cũng vậy.

Riêng hai chuyện "DO OAT và COR", "HẠT VÀNG TRONG ĐẤT" ở đây, do Đinh Xăng Hiền kể, khi anh còn sống, cho số sinh viên trường Đại Học Tổng hợp Huế ghi từ năm 1980 - "DO OAT và COR", nói lên hai dân tộc Kinh - Cor như tay với chân trong cùng cơ thể, như anh em con cùng một mẹ (Bà Đá). Còn "HẠT VÀNG TRONG ĐẤT",

nêu bật chủ đề - tình máu mủ ruột thịt còn quí hơn vàng, không ai có thể phí phạm được.

Về con người Quảng Ngãi, trong đó có danh thần Bùi Tá Hán - nhân vật mà hiện nay, các nhà sử học đang quan tâm, bàn luận công trình này chỉ ghi lại những câu chuyện mà nhân dân đã truyền tụng. Câu đầu môi "Nhân mã bất tri hà xứ khứ. Huyết y trường giữ thử bi lưu" (tạm dịch: Người lẫn ngựa đi đâu chẳng thấy. Linh còn truyền điếm huyết áo nhung), đã ăn sâu vào dân gian, mỗi khi nhắc đến công đức của "Khuông Quốc Tịnh Biên Thọ Đức Thượng Đẳng Thần Bùi Tá Hán".

Các mẫu chuyện phản ánh nét sinh hoạt văn hóa trong giờ ranh rỗi của nhân dân lao động Quảng Ngãi, sưu tầm được rất nhiều, nhưng chúng tôi chỉ đưa vào công trình một số tiêu biểu. Đó là các cuộc hát hò, hát hố, đối đáp giữa những cặp nam nữ chủ yếu là thanh niên trao duyên, gởi phận. Tuy tức cảnh, tức tình ứng đối nhau quanh cối giã gạo, hoặc tát nước gàu giai, hay đập đất dưới trăng... Nhưng qua đây, người ta thể hiện rõ tính thông minh, dũng cảm và tài hoa của con người, kể cả những con người không bình thường như : Chị mặt rỗ, anh Quẹo, anh mù... Họ vẫn tìm thấy

hạnh phúc của mình trong tiếng hát của tâm hồn. Ta hãy nghe một cô gái hát hỏi anh chân què :

- Điệu nào hay bằng điệu hát điệu hò

Chớ vui gì một cẳng anh còn cò nhót theo ?

Nhanh như chớp, thật như đếm, bên nam đáp lại:

- Nằm nhà chân quẹo buồn teo

Tai nghe tiếng hố, anh nhót theo cho đỡ buồn.

Một chàng mù đi hát hò, bị cô gái làng bên cất giọng khó nghe :

- Lưỡng nhãn vô châu thấy đâu mà bắn ?

Đạn nổ u đầu trợn trắng mắt lên...

Anh mù xốn cả mắt, nhưng tay vẫn cứ cầm chày đáp lại:

- Lưỡng nhãn vô châu, anh bắn thuộc lòng

Họa may tên cắm trúng cái vòng chui vô.

Tuy lời lẽ của anh có hơi "điếm" một chút, nhưng không còn cách nào đẹp hơn.

Về cỏ cây tự nhiên, trong công trình mới đưa được vài loại cá biệt, trong đó có chuyện cây Quế thần. Trong chuyện này, chúng tôi có ý thức dắt dẫn bạn đọc đi từ làng A-Chi xưa, đến thung lũng

Trà Phong ngày nay nơi ta đã chiến thắng 2 tiểu đoàn không vận Hoa-kỳ trong những năm đánh Mỹ. Nơi Quế thần đã tự rạch da mình, để dâng lên Bác Hồ kính yêu. Các chi tiết xưa, nay chen cài vào nhau là có dụng ý trong việc biên soạn. Đây là điều thường thấy của người nay ghi lại chuyện xưa.

Truyện về cảnh vật, núi sông : Sông Trà, núi Ấn, núi Răng cưa, cây thần Brin, Quế thần... Về một loài chim, Hồ nước làng Treng, Bàu Lác, Hố Chình...

Truyện về danh nhân : Truyền thuyết Hòn Ông, Cá Ông, Hô Ông, Tâm thư huyết lệ của Nguyễn Duy Cung, Hổ vồ được vợ, Giai thoại Lê Trung Đình, Ông Giải Nguyên Thuận Phước...

Truyện về sinh hoạt văn hóa : Hò hay lấy được vợ xa không tốn trầu cau lễ lộc, Nhanh trí khỏi mắc tội, Mặt rỗ giỏi đối cũng được vào cung, Tài ứng đối của anh Còng, Chân què còn đi hát hố, Mù mà hò giỏi...

Riêng các truyện "Hộ quốc mẫu nghi", "Tấm lụa may cờ", "Phương thuốc chữa bệnh", "Đập gậy trên đầu Công sứ", "Sống anh dũng, chết hiên ngang", "Câu đối phúng", là của anh Trần Văn Thận - cán bộ giảng dạy văn học VN hơn 20 năm

THƯ VIỆN T. QUẢNG NGÃI
464
ĐỊA CHỈ

THƯ VIỆN T. QUẢNG NGÃI
403
ĐỊA CHỈ 519

ở bậc đại học đã ghi lại. Tuy trong lúc làm công trình, chúng tôi chưa nhận được. Nhưng trong in ấn, xuất bản, chúng tôi cũng xin tác giả đưa vào ở đây, xem như công trình được bổ sung để tập sách được phong phú hơn.

Chúng tôi sắp xếp theo chủng loại tạm phân ra như trên, là để bạn đọc có thể so sánh, đánh giá một cách khách quan. Sự phân loại như vậy cũng chỉ là sự cố gắng tương đối của chúng tôi đối với đề tài. Thực ra các mối liên quan chằng chịt giữa nhân vật, sự kiện trong xã hội, không thể nào đòi hỏi tách bạch, rạch ròi như một đáp số trong khoa học tự nhiên.

Với hơn hai trăm truyện sưu tầm được, chúng tôi đã nghiên cứu lựa chọn công phu, để có được những chuyện gắn bó với những sự kiện lịch sử, với con người Quảng Ngãi, tạo cho đề tài một khái niệm hoàn chỉnh. Đó là sự cố công chưa phải là to lớn, nhưng là cần thiết cho một đề tài sưu tầm, nghiên cứu khoa học xã hội, có hiệu quả.

Bản thân các câu chuyện đã sưu tầm, biên soạn được, có thể mới chỉ toát lên nét đặc trưng phần nào của Quảng Ngãi. Song chúng tôi cũng tự đánh giá là đã thực hiện được mục tiêu cơ bản của đề tài

đề ra trong thời gian một năm. Đó là công việc tự nguyện đầy trách nhiệm với quê hương của các tác giả, cán bộ nghiên cứu trong và ngoài tỉnh tham gia công trình để một sản phẩm văn hóa ra đời ở quê hương, dưới đề tài : " QUẢNG NGÃI - GIAI THOẠI, TRUYỀN THUYẾT".

NGUYỄN MINH SAN
VIỆN VĂN HÓA V.N

ở bậc đại học đã ghi lại. Tuy trong lúc làm công trình, chúng tôi chưa nhận được. Nhưng trong in ấn, xuất bản, chúng tôi cũng xin tác giả đưa vào ở đây, xem như công trình được bổ sung để tập sách được phong phú hơn.

Chúng tôi sắp xếp theo chủng loại tạm phân ra như trên, là để bạn đọc có thể so sánh, đánh giá một cách khách quan. Sự phân loại như vậy cũng chỉ là sự cố gắng tương đối của chúng tôi đối với đề tài. Thực ra các mối liên quan chằng chịt giữa nhân vật, sự kiện trong xã hội, không thể nào đòi hỏi tách bạch, rạch ròi như một đáp số trong khoa học tự nhiên.

Với hơn hai trăm truyện sưu tầm được, chúng tôi đã nghiên cứu lựa chọn công phu, để có được những chuyện gắn bó với những sự kiện lịch sử, với con người Quảng Ngãi, tạo cho đề tài một khái niệm hoàn chỉnh. Đó là sự cố công chưa phải là to lớn, nhưng là cần thiết cho một đề tài sưu tầm, nghiên cứu khoa học xã hội, có hiệu quả.

Bản thân các câu chuyện đã sưu tầm, biên soạn được, có thể mới chỉ toát lên nét đặc trưng phần nào của Quảng Ngãi. Song chúng tôi cũng tự đánh giá là đã thực hiện được mục tiêu cơ bản của đề tài

đề ra trong thời gian một năm. Đó là công việc tự nguyện đầy trách nhiệm với quê hương của các tác gia, cán bộ nghiên cứu trong và ngoài tỉnh tham gia công trình đề một sản phẩm văn hóa ra đời ở quê hương, dưới đề tài : " QUẢNG NGÃI - GIAI THOẠI, TRUYỀN THUYẾT".

NGUYỄN MINH SAN
VIỆN VĂN HÓA V.N

DẢI LUA XANH SÔNG TRÀ

Từ thuở khai thiên lập địa, con người hoàn toàn vô tư, thiện ý, nên tiên phàm dễ gần nhau. Bàn cờ Tiên ở núi Phú Thọ là chứng tích cho các câu chuyện về Thiên đàng - Địa giới gặp nhau còn truyền lại đến ngày nay.

Hồi nhỏ tôi thường nghe bà nội hát ru về các nàng tiên xinh đẹp, đắm say với cảnh trần tục. Trong đó có một nàng, nguyên kiếp trước là một cô gái thùy mị, tha thiết yêu một chàng trai, nhưng vì ngang trái của tục lệ thời ấy, hai người thề hẹn đến kiếp sau, rồi cùng nhảy xuống dòng nước bạc trong một đêm mưa bão.

Vừa lúc đó, các tiên nữ xuống trần đùa giỡn trên vùng cát trắng, đối diện cùng biển cả mênh mông, đã cứu thoát và đưa nàng về trời. Còn chàng thì được Đông Hải Long Vương bảo bọc, đem xuống cho vua Thủy Tề làm con nuôi.

Một hôm được Ngọc Hoàng cho phép, nàng cùng đàn Tiên chị giáng trần, với hi vọng may ra gặp được người xưa. Nàng dụng ý mang theo giải lụa quí để làm quà tặng, nhưng tìm mãi chẳng thấy chàng đâu!

Mãn giờ lưu lại trần gian, đàn tiên chị giật mình, quên cả xiêm y, bay khỏa thân về trời, như người trong tranh Tố nữ. Còn nàng vội vàng thả chéo khăn xanh tại nơi ngày xưa hai người trầm tử, để mong chàng từ Thủy cung lên kịp, nắm lấy chéo khăn cùng bay về Tiên giới. Nhưng dưới Thủy cung, chàng không hề hay biết.

Khi bay đến tận đỉnh Trường Sơn, chiếc thang trời sập xuống, nàng đành thả luôn giải lụa xanh quí lại, như một vạch nối giữa mối tình trời nước đôi đường...

Đàn Tiên nữ trở về - kẻ vì hồn còn tại thế quên cả xiêm y, người vì tình yêu dang dở, đánh rơi lụa quý. Tất cả đều bị Ngọc Hoàng quở trách. Từ đó Thiên đình cấm chỉ các nàng Tiên không được xuống chốn phàm trần.

Không còn cách nào khác, chàng trai phải trộm lệnh vua Thủy Tề dâng nước lên tận Trường Sơn,

thu trọn dải lụa xanh đem về trong một đêm trăng gió.

Thế là đất trời nổi cơn thịnh nộ, sấm sét triền miên. Nước dâng, sóng dậy mấy ngày liền, dải lụa xanh biến dạng.

Đến khi trời quang mây tạnh, những nơi có dải lụa xanh vắt qua ngày nào, nay đã biến thành dòng nước lững lờ tận chóp đỉnh Trường Sơn kéo đến biển đông, tưới mát ruộng đồng, cây cỏ.

Người đời sau, dựa theo truyền thuyết trên, đặt tên cho dòng tình yêu lưu luyến đó là dòng sông Trà Khúc. Dòng sông ước mơ xanh suốt chảy sâu vào tâm hồn cảm xúc của bao người, vào tiếng ru hời ngàn đời của những bà mẹ nghèo trên đôi bờ sông quê hương.

BÃO LŨ SÔNG TRÀ

Dòng sông Trà Khúc vào mùa hè dịu dàng xanh mát bao nhiêu, thì mùa giông bão sóng to gió giật bấy nhiêu.

Đến mùa mưa bão, sông Trà Khúc trước khi chay ra biển, nổi lên những vùng nước xoáy dữ dội. Tất ca cây cối, cưa nhà, dù to nặng bao nhiêu mà gặp phải dòng nước xoáy, cũng đều bị cuốn mất tăm. Ông bà xưa gọi đó là đường xuống địa phủ.

Ghe thuyền ngày xưa qua đây phải khấn vái thần sông phù hộ. Nếu có trường hợp rủi ro, thân nhân người bị nước xoáy hút đi, phải chèo ghe ra tận hòn đá đen ngoài cửa Đại Cổ Lũy, cách Phố An hơn 5 cây số, may ra mới tìm thấy tung tích.

Ở Quang Ngãi, mưa, bão thường đi đôi với nhau, có khi dầm dề cả tháng không ngớt. Người xưa cho đó là Thủy Cung dâng nước lên để lấy gỗ trên nguồn. Thời gian lấy gỗ thường từ đầu hôm cho tới

sáng. Lụt lớn nhỏ, tùy theo Thủy Cung lấy gỗ nhiều hay ít.

Có năm lụt nhiều lần, thường thường lụt sau lớn hơn lụt trước. Các cụ cho là lụt trước Thủy Cung lấy chưa đủ gỗ dùng, nên các ngài phải dâng nước để lấy tiếp. Hoặc gỗ bị trôi dạt mắc vào đâu đó, chưa xuôi được, Thủy Cung bảo thần nước dâng cao thêm, cho đến khi nào kiếm đủ số gỗ mới thôi...

Vì thế, người dân ven sông Trà, chuyên sống nghề vớt củi lụt, gặp những súc gỗ có dấu lạ, dù to, tốt bao nhiêu, họ cũng đẩy nó ra xa cho nước cuốn đi, vì sợ Thủy Cung quở trách.

Muốn con cháu tin, các ông bà già cả xưa, còn kể một cách chắc chắn rằng - Bão lũ sông Trà bao giờ cũng to hơn chỗ khác, vì Long Vương đã hợp cùng Thiên binh, Thiên tướng nên mưa gió, sấm sét cùng một lúc. Gió ngã cây cối, sấm sét cắt cây ra từng đoạn rồi đánh dấu, mưa dâng nước đưa gỗ xuống suối, ra sông, xuôi thẳng về Cửa Đại Cổ Lũy.

Ngay giữa lúc mưa gió, sấm sét, ai có gan cứ lên đỉnh núi Kỳ Lân, Thạch Sơn, nhìn xuống hướng cửa Đại, sẽ thấy một vùng nước xoáy, có ba chiếc Tam bản, trên mặt Tam bản có ba vị thần đội khăn đỏ dáng uy nghi.

Vị thần ở giữa ghi nhận gỗ vào sổ sách. Hai vị thần hai bên - người ra lệnh mở cửa xuống địa phủ, kẻ chỉ đường cho gỗ đi... Khi thấy ba ngọn đuốc trên tay các vị thần tắt ngấm, biết là mọi việc xong xuôi. Ba vị thần kia cũng chẳng còn thấy đâu nữa. Và, chắc chắn là sáng hôm sau, trời quang, mây tạnh...

Mưa bão sông Trà thường xảy ra từ tháng 8 đến tháng 10 âm lịch hàng năm. Ở Quảng Ngãi mưa lụt lớn nhỏ, bà con còn căn cứ vào các hiện tượng tự nhiên của Cửa Lở. Cửa Lở nằm dọc theo bờ biển giữa Phổ An và An Chuẩn Kỳ Tân, cách cửa Đại Cổ Lũy chừng 4km về hướng Nam. Mùa nắng thủy triều đưa nước vào bờ, gió thổi mạnh, cát lấp cửa Lở thành bãi cát phẳng chạy dài hàng cây số. Nhưng đến mùa mưa lũ, nước dòng sông Vệ chảy mạnh, đẩy bãi cát đi, cửa Lở lại mở. Năm nào đã đến mùa mưa bão mà cửa Lở không mở, năm đó tất phai có lụt to.

Vài ba năm, có khi ba bốn năm, lại có một năm cửa Lở không mở. Như năm Thìn (1964) chẳng hạn. Trận lụt rất lớn, lớn chưa từng thấy kể từ vài ba chục năm trở lại đây. Cũng như các nơi khác, Quảng Ngãi thường có cái lụt 23 tháng 10 hàng

năm. Ở đây ai cũng thuộc làu câu: "Ông tha bà không tha, dấn cho cái lụt 23 tháng 10.". Vì vậy đến hết tháng 10, bà con mới khỏi còn lo bão lũ...

ÔNG KHỔNG LỒ

Chuyện rằng: Có một ông vua độc đoán, bắt dân nộp thuế để xây thành Châu Sa.

Tại Làng Đông Dương (Sơn Tịnh), bỗng xuất hiện một chàng trai vóc dáng tầm thước, tính tình cương trực, không biết từ đâu tới, cam kết trước mọi quyền vua phép nước xin làm thay công việc của muôn người, chỉ trong vòng ba tháng. Nếu sai lời chàng xin thọ tội.

Nhà vua tức giận:

- Kinh thành dự tính sẽ hoàn tất sau ba năm, sao nay lại có người không phải là dân bổn địa, dám cả gan đem thủ cấp mình ra đảm nhận hoàn thành công việc trong ba tháng?

Thấy sắc mặt giận dữ của nhà vua, các đao phủ rút gươm khỏi vỏ, nhưng nhà vua đưa tay ngăn lại:

- Biết đâu, trời muốn giúp ta?

Rồi nhà vua quay lại hỏi chàng trai:

- Trước khi vào việc, nhà ngươi cần gì ở ta?

Chàng trai đáp:

- Xin nhà vua hãy bãi bỏ sưu dịch, rộng lòng với muôn dân.

Ngẫm một lúc, nhà vua gật đầu ra lệnh cho người trông coi và theo dõi chàng trai tiến hành công việc.

Thời gian gần hết mà công việc chưa được bao nhiêu, chàng trai bị hạ ngục. Như vậy, chỉ còn một đêm nữa, sáng mai ra pháp trường, nhưng chàng trai vẫn bình thản, mong sao mình có sức giết hết bọn gian thần, vua chúa để mọi người được sống yên vui.

Bên ngoài, tiếng kêu cứu của dân lành vọng vào ngục tối, động tới Thiên đình. Nửa đêm hôm đó, chàng trai bỗng thấy mình to lớn khác thường. Chàng vươn vai xô ngã ngục tù.

Nghe cấp báo, nhà vua thân chinh diệt trừ tên phản loạn. Nhưng khi đối diện - trước mặt nhà vua là một ông khổng lồ đao kiếm, cung tên đầy đủ, Nhà vua bình tĩnh:

- Còn ba ngày nữa... biết đâu phép trời chỉ trong khoanh khắc.

Trong lúc nhà vua đang phân vân, ông Khổng Lồ lên tiếng:

- Hỡi nhà vua, bao giờ trong ngục tối hết người vô tội, ta sẽ hoàn thành công việc như đã hứa.

Nhà vua lại phải chấp nhận, mọi người vui mừng khôn xiết. Thế mới hay "tận nhân lực, tri thiên mạng".

Đúng ba ngày còn lại, công việc của chàng trai chỉ còn đôi chỗ khuyết trống. Muốn cho toàn hảo, chàng trai gánh thêm một gánh đất cuối cùng. Vì cố gánh thật nhiều, nặng, nên chưa kịp trở vai đổ đất, chàng trai đã bị mất thăng bằng, trượt chân ngã ngưa. Mọi người trông thấy, hò nhau chạy lại, nhưng không tài nào đỡ nổi chàng.

Gánh đất đổ xuống hai cánh đồng Sơn Tịnh và Tư Nghĩa. Đầu gánh bên trái là núi Thiên Ấn, đầu gánh bên phải là núi Thiên Bút. Chân trái chàng đạp nghiêng ra cửa Sa Kì, gặp đá cản lại. Bờ đá ở đây có chỗ trồi cao lên, giống hình ông già đang ngồi hút tẩu thuốc, thả khói lên bầu trời. Về sau có nhà thơ đã gọi là "Thạch Ki Điếu Tẩu". Và, bên chân ông Khổng Lồ, còn in dấu lún sâu xuống mặt

tảng đá, bọt sóng phun lên như nồi nước đang sôi. Dân quanh vùng gọi là "Lò nấu rượu của ông già Thạch Ki".

Chân phải chàng trai đạp ra cửa Cổ Lũy (còn gọi là cửa Đại). Đầu chàng gối cao lên dãy núi Trường Sơn. Thân hình chàng lún sâu xuống để nước nguồn chảy theo ra biển. Đó là dòng sông Trà Khúc.

Ngã rẽ dưới rốn chàng trai là Tam Giang - nơi dòng nước chia hai - Một nhánh chảy vòng qua chân núi Thiên Ấn, kinh thành Châu Sa về Mĩ Khê, Sa Kì. Nhánh khác qua Bạch Mã, Kì Lân Sơn chảy thẳng ra cửa Đại Cổ Lũy.

DO-OAT VÀ KOR

Thuở nguyên sơ, con người và các loài thú còn nhận được "tín hiệu" của nhau. Tức là lúc vùng núi, từ Trà Bồng đến chân biển chỉ có cây to, đá lớn. Những già làng hiện còn trên các rẻo cao, thường kể lại cho con cháu một câu chuyện:

Từ rất lâu, không mấy ai nhớ nữa, thuở đất này chưa có tên gọi, trên núi "Đinh Ngok Xú" bỗng mọc lên một tượng đá hình người, đủ cả đầu, mình, chân, tay. Tượng đá to đến nỗi đứng đâu cũng nhìn thấy. Vì phía sau ót trên đầu tượng có nhô ra một mảng đá như búi tóc của người phụ nữ, nên bà con quanh vùng gọi là: "Bà Đá".

Từ khi có "Bà Đá", cây cối mọc um tùm. Mỗi loại cây là một thứ thuốc quí. Hoa trái chín mọng đầy rừng. Nơi "Bà Đá" mưa không lạnh, nắng không nóng. Tay bà chỉ lên trời. Chân bà cắm xuống đất. Muông thú luôn được bà che chở.

Nhưng rồi muông thú đã quên đi thuở cơ hàn, chúng chỉ biết ăn và phá nên rừng thuốc quí ấy dần dần cạn kiệt!

Trong lúc đó, bệnh tật đe dọa cả các loài thú lớn như : Bò mộng, Tê giác, Voi, Cọp, Trâu rừng... Thêm vào đó, những cuộc ẩu đả giữa muôn loài nổ ra liên tiếp, gây nhiều cảnh chết chóc, phần chết vì bệnh tật, phần chết vì tranh giành nhau miếng ăn, nơi ở.

Cả những loài vật thua cuộc phải rời vùng "Bà Đá" lần xuống chân núi, về xuôi. Chính cái hôm Rùa và Khỉ sát phạt nhau, để rồi mỗi loài một ngả, là ngày không thể nào quên!

Một tiếng sấm nổ làm rung chuyển cả đất trời. Đó là cơn giận khủng khiếp của "Bà Đá". Bà tự xé mình ra làm nhiều mảnh. Mảnh đầu bay lên tựa nơi đỉnh núi cao nhất trên dãy "Đỉnh Ngok Xú" để nhìn khắp bốn hướng. Mảnh thân chẻ ra những tảng đá lớn ngăn nước tràn từ trên cao, tạo thành ngọn thác, gầm réo quanh năm.

Còn mảnh tay chân Bà rời ra vẫn nguyên tại chỗ, thành hình hai đứa trẻ, từng phút lớn như thổi. Chỉ sau ba ngày đêm là chúng đã dắt nhau chạy khắp núi cao, rừng rậm.

Hai đứa trẻ, hai anh em một mẹ, như tay chân của một con người. Anh như con cá, bơi rất giỏi, em như con sóc, cây cao, to mấy cũng trèo được dễ dàng. Anh bắt cá được nhiều, em bắn chim không ít.

Không ngờ sức lớn nhanh của người anh và cái tài cung nỏ của em, lại là điều báo trước cho một cuộc chia tay kẻ xuôi người ngược.

Cái sông, cái suối dưới chân núi quá hẹp so với sức lớn cua anh. Anh phải xuôi dần về phía đông bằng chiếc bè nứa, do bàn tay em chặt từ trong rừng ra, kết lại. Em ngược dần lên phía tây bằng cái rìu đá, do bàn tay anh đẽo gọt, từ lúc mới biết đi. Họ chia xa dưới một chiều mưa xối xả, trong tiếng thác gầm sôi cua cơn giận "Bà Đá".

Xuôi mãi đến một nơi mênh mông trời nước, gọi cái "sông không bờ" (biển), thì anh dừng lại lập nên cơ nghiệp, sinh con đẻ cái. Các loài vật theo anh tha hồ sinh sôi nẩy nở trên sông nước. Lúa khoai cũng vì anh mà xanh tươi khắp ruộng đồng. Anh biết sai bao những người dưới quyền của mình trồng tre, xây làng, lập ấp, múc nước biển đem phơi làm muối, giã lúa ra gạo, bắt cá tôm làm thức ăn... Và, biết tự đặt cho mình một cái tên quen thuộc với em là "DO-OÁT" (tức người Kinh).

Em ơ lại trên dãy núi "Đinh Ngok Xú" đốn gỗ

làm cái sàn, đốt rẫy làm cái nương, tỉa, trồng, săn bắn... Bò mộng, Trâu rừng, Gà gô... đầy sân. Trầm, Quế, Xoài, Mít... đầy vườn. Em còn biết rào buôn ngăn thú dữ, đốt lửa sưởi ấm, lấy vỏ cây làm khố che thân... Và, cũng như anh, em tự đặt cho mình một cái tên gần gũi với tên anh là "KOR".

Sản vật của anh làm ra từ miền xuôi đưa lên, đổi lấy những gì do em thu được. Sản vật của em từ miền ngược chuyển xuống, đổi lấy những cái mà anh làm ra. Xuôi ngược nương tựa nhau, như một người trèo cây, bơi suối. Chân đỡ tay, tay đỡ chân; Tay có vít được cành, chân có đạp được gốc, người mới trèo được cao; Tay có sải nhanh, chân có đẩy nước mạnh, người mới bơi được xa...

Cây có cội, nước có nguồn. Vì vậy mà hai dân tộc "Kinh" và "Kor" đời đời gắn bó nhau như chân với tay. Em có giận anh điều gì, trông ra biển là nguôi hết. Anh có ý gì mắc mứu em, ngó lên núi, lập tức nguôi phai. Như mây đen trên đỉnh "Đinh Ngok Xú" không có, thì làm sao có cái lũ về xuôi?

Viết theo chuyện kể
của ĐINH XĂNG HIỀN

THANH GƯƠM TÀ NO

Ngày xưa có người bảo: "Nếu người H'ré và người Kinh lắp liền lại được thanh gươm đó, thì không một kẻ thù nào thắng nổi họ".

Đó là thanh gươm của thần mặt trời bỏ quên cách buôn làng người H'ré vừa một con nước về phía Tây. Nhiều tên chúa đất muốn chiếm làm của riêng, nhưng không làm sao lấy được.

Thế rồi một hôm, có một chàng trai tên là Tà Nọ xuất hiện trước thanh gươm. Tà Nọ là ai? Vì sao chàng biết đường đến đây? Câu chuyện bắt đầu từ những buôn làng trên đỉnh núi Ngô ngày xưa, bị tên chúa đất từ một nơi khác tới chiếm lấy. Những ai còn sống sót phải chui rúc bụi bờ, đói cơm khát nước. Hơ-Nga là người con gái H'ré vừa mới độ dậy thì, xinh đẹp, trên đường trốn giặc, nàng lạc giữa rừng sâu.

Trong cơn đói khát, nàng gặp một bọng nước

trong, dưới gốc xoài ven đường. Nàng đưa tay vốc nước cho vào mồm. Đến vốc thứ ba, có một con nòng nọc nhỏ, không kịp lừa lại, uống xong, nàng lợm lợm... sang ngày thứ ba, nàng thấy trong người khang khác, khó chịu.

Và đến đêm thứ chín, nàng sinh được một đứa con trai khôi ngô. Cậu bé ăn nhiều và lớn rất nhanh, hàng trăm người lớn cũng không ăn uống hơn cậu được. Cũng từ đó, Hơ-Nga khỏi phải lo cõng nước, giã gạo. Nàng đặt tên cho con là Tà Nọ, có nghĩa là "anh hùng dũng cảm".

Tà Nọ thường hỏi mẹ: "Tại sao mẹ ở có một mình?" Hơ Nga nói vui với con: "Mẹ có cả con nữa đó thôi". Nhưng rồi một đêm bên đống lửa rừng, người mẹ kể lại mọi chuyện cho con mình nghe: Chuyện chúa Đất, chuyện dân làng đánh giặc, chuyện kể về con nòng nọc ở vũng nước trong veo dưới gốc Xoài...

Tà Nọ lắng nghe hết thảy. Sáng hôm sau, chàng vác rựa lên rừng, phát thật nhiều rẫy, đến tối mịt mới về và khoe với mẹ. Hơ-Nga mừng rỡ, ôm con vào lòng, nói: "Tà Nọ à, từ nay nhờ có con, mẹ hết lo cái đói rồi, mẹ chỉ còn lo cái lũ chúa Đất thôi!".

Đêm đó, Tà Nọ cũng lặng thinh. Hôm sau,

chàng vác cung tên, dáo mác ra đi một ngày, rồi dừng lại tập luyện một ngày. Cứ thế Tà Nọ đi khắp đó đây, gặp ai chàng cũng rủ họ đi đánh bọn chúa Đất, nhưng chẳng ai dám nhận lời.

Một hôm chàng dừng chân lại, ngả lưng trên một tảng đá nóng, ngủ một giấc ngon lành. Có cụ già tóc như mây, tay chống gậy trúc, đến lay chàng dậy, bảo: "Vùng này có giặc, chúng đốt phá, chém giết không trừ một ai, sao cháu lại dám ngủ đây?".

Thấy cụ già ướt sũng, run lập cập, vừa cởi áo choàng cho ông già, Tà Nọ vừa đáp: "Cháu chờ bọn xấu đến, cháu đánh". Cụ già nhìn từ đầu tới chân một lúc, rồi rỉ tai Tà Nọ: "Thế thì phía trên đầu nguồn, cách đây một con nước, có thanh gươm của thần Mặt trời bỏ quên. Già trông cháu khỏe mạnh, có gan. Cháu xứng đáng cầm được thanh gươm quí kia, trả thù cho buôn làng".

Nói đoạn, cụ già rút từ chiếc khăn bịt đầu ra một sợi chỉ đỏ, dặn chàng phải buộc vào chuôi, trước khi nhấc gươm lên khỏi mặt đất. Tà Nọ vui mừng cúi chào, rồi vút nhanh theo hướng cụ già vừa chỉ. Đến nơi, tiếng hò la của lính giặc bỗng im bặt, tất cả hướng về phía chàng trai H'ré vạm vỡ, đang đi tới.

Đúng là thanh gươm đang nằm đó. Một thanh gươm vỏ bọc cán vàng, dài hơn sãi tay, có chạm hình con cọp vồ mồi...

- Thằng kia - một tên giặc đứng dưới chân chúa đất quát to - mày định nhấc gươm quí lên khỏi mặt đất phải không? Nhấc lên đi! Nếu không, ta sẽ chém đầu cùng những tên nô lệ đã sắp hàng sẵn ngoài kia.

Tên chúa đất đứng trên mỏm đá cao bên cạnh, cười khanh khách, nói tiếp: "Nếu dân tộc H'ré, có người nhấc nổi thanh gươm này, ta thề sẽ không bao giờ đến đây nữa!".

- Tên cướp đất kia - Tà Nọ nổi giận - Các người hãy đứng cách ra một trăm sãi tay.

Tiếng nói của chàng trai vang lên như có phép màu uy vũ, khiến bọn giặc nhất nhất tuân theo. Giữa lúc mọi người chuyển động, Tà Nọ cột sợi chỉ đỏ vào chuôi gươm rồi nâng lên nhẹ nhàng.

Chàng rút gươm, tức thì hào quang sáng lóe. Mây đen ùn ùn kéo đến che kín bầu trời. Mưa đá trút xuống đầu giặc xối xả. Tiếng thét của Tà Nọ: "Phải đuổi hết bọn chúa Đất ra khỏi buôn làng" vang lên như sấm.

Thanh gươm Tà Nọ vung tới đâu, giặc ngã theo như rạ đến đó. Dân làng từ hàng cùng ngõ hẻm xông ra đuổi giặc. Cũng trong chín ngày sau, tên chúa Đất nọ cùng quân lính chúng đã biến thành tro bụi.

Lúc Tà Nọ chém xong tên giặc cuối cùng, lưỡi gươm tuột khỏi cán, văng xuống sông trôi ra biển cả, người Kinh nhặt được. Còn cán gươm thì văng lên đỉnh núi Pa-Rong, người H'ré nhặt được.

Trước kia thế nào không rõ, nhưng đến giữa thập kỉ 70, khi giặc Mĩ rút khỏi đất Quảng Ngãi, thì từ Kinh đến Thượng, từ biển đến nguồn đều thầm bảo nhau rằng: "Thanh gươm Tà Nọ kia đã liền lưỡi, liền cán lại như xưa rồi!".

TỔ ĐÌNH THIÊN ẤN

Thiên Ấn có đủ các hình chất thiên nhiên đặc vị. Bởi có Ấn, lại còn có Triện có Son. Trên núi có "Hổ cứ", dưới nước có "Long ngâm". Đứng ở đâu cũng thấy núi hình thang, giống như cái Ấn. So với các núi khác, Thiên Ấn cao và rộng, thoáng đạt, nên thơ, xem như bậc nhất thắng cảnh, được liệt vào hàng "Tổ Sơn" ở trung châu Quảng Ngãi.

Từ thời Lý Thánh Tông (1054 - 1071) cho mãi đến thời Lê Gia Tông (1672 - 1675) Thiên Ấn vẫn còn hoang sơ u tịch. Dân quanh vùng đã xem Thiên Ấn là linh địa, không ai dám động tới. Dần dà mới có người lân la đốn củi, cắt tranh. Trên đỉnh núi chỉ có trụ mốc, sau này được thay vào đó một thảo am. Thảo am là tiền thân của "Tổ Đình Thiên Ấn".

Hơn hai thế kỷ sau, người ta phát hiện một lối mòn rất nhỏ, từ đỉnh núi xuống lưng chừng đồi.

Ban đầu họ rất sợ, vì tục truyền trên đỉnh núi có năm ông Hổ đi tu, xuống lên uống nước.

Nhưng rồi sau đó được biết, cứ vào khoảng đúng ngọ, có một vị thầy tu đi lấy nước dưới tận chân đồi. Hỏi ra thì đó là người thuộc dòng họ Nguyễn, tục Lê Duyệt, tự Phật Bảo, pháp danh Minh Hải, hiệu Pháp Hóa Hòa Thượng. Ngài từ chùa Chúc Thánh ở Quảng Nam vào, nhìn thấy núi Thiên Ấn phong cảnh quá đẹp, lại nằm ngay giữa "Vương địa linh quyền". Nên ngài dừng chân, sáng lập ra dòng kệ "Lâm Tế", lấy chữ "Minh" đứng đầu là pháp danh "Minh Hai".

"Minh thiệt pháp toàn chương
Ấn chơn như thị đồng
Chúc thánh thọ thiên cửu
Kì quốc tộ địa trường
Đắc chánh luật vi tôn
Tổ đạo giải hành thông
Giác ba bồ đề thọ
Sung mãn nhơn thiên trung"

Tương truyền rằng Pháp Hóa Hòa Thượng là dòng Việt thời Xuân Thu, Quốc vương Câu Tiễn bị nước Sở đánh bại, phải chạy tứ tán xuống phương

Nam. Một nhóm tụ lại ở Phúc Kiến xuất phát với tâm định đi tìm dòng tộc của mình trong dòng Lạc Việt, nguyên cùng nguồn gốc Việt xa xưa.

Pháp Hóa Hòa Thượng tu tịnh và tuyệt cốc. Ngài chỉ ăn rau mọc tự nhiên, uống nước lấy ở khe đá lưng chừng núi. Khe đá đó cho đến nay vẫn còn thấy trước cổng tam quan chùa Thiên Ấn nhìn xuống. Ngài là người dựa theo địa danh đặt tên chùa là "Thiên Ấn tự".

"Thiên Ấn tự" là ngôi chùa có trước tiên trong các chùa tạo dựng sau này ở Quảng Ngãi. Ngoài tính chất Phật giáo cổ truyền, chùa còn mang tính chất "Tiền Hiền" cho các Tổ nghiệp thừa kế.

Cho nên Pháp Hóa Hòa Thượng gọi chùa là "Tổ Đình Thiên Ấn", mà Ngài là "Sơ Tổ" khai sơn đầu tiên, từ đó cho đến ngày nay trong lịch sử "Tổ Đình" đã qua sáu đời "Tổ Tổ".

CHUONG THAN

Câu chuyện xảy ra vào đời vị Tổ thứ ba của Tổ Đình Thiên Ấn: Bảo Ấn Hòa Thượng - năm Thiệu Trị thứ 5, Ất Tị (1845).

Một hôm trong giờ thiền định, Ngài thấy một vị Hộ pháp đến dâng lễ và bạch rằng: "Tại làng Chú Tượng (hiện là thôn Chú Tượng, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức) có quả Đại hồng chung, xin Hòa Thượng cho Sư tăng vào thỉnh". Khi xuất định, Ngài Bảo Ấn rất hân hoan vì từ lâu vẫn mong có quả chuông tốt cho Tổ Đình. Ngài gọi thầy Điền Tọa dặn dò và sai vào làng Chú Tượng hỏi mua Hồng chung.

Vâng lời Hòa Thượng, thầy Điền Tọa tới nơi tìm hỏi, dân làng trả lời không có. Thất vọng, thầy về thưa lại Hòa Thượng rõ.

Ngay đêm hôm ấy, cũng trong giờ thiền định, Ngài Bảo Ấn lại thấy vị Hộ pháp đêm trước đến

bạch lần nữa rằng: "Đại hồng chung làng Chú Tượng đang chờ Hòa Thượng thỉnh về cho Tổ Đình Thiên Ấn". Sáng hôm sau, Hòa thượng lại bảo thầy Điền Tọa vào làng Chú Tượng để hỏi lại.

Lần này, dân làng mách thiệt: "Chúng tôi vừa đúc quả Hồng chung cho đình làng dùng, nhưng nó không kêu nên định phá đúc lại. Nếu thầy muốn mua, làng sẽ bán". Thầy Điền Tọa theo lời chỉ dẫn đến thẳng đình làng, thương lượng mua quả Hồng chung với giá 150 quan tiền. Sau khi làm giấy tờ xong, thầy cung nghinh quả Hồng chung về Tổ Đình để Hòa Thượng thiết lễ khai chung.

Lòng mừng vui rộn rã, sau khi thiết lễ, bạch Phật và chú nguyện xong, Ngài Bảo Ấn tay cầm dùi, miệng lâm râm khấn nguyện rằng: "Long thần Hộ pháp có oai danh linh hiển, thì tiếng chuông đầu tiên của tôi được vang ngân trong pháp giới, sau đó tôi nguyện chấn tế cô hồn và cầu siêu cho hương linh bá tánh trọn ba ngọ...".

Trước sự ngạc nhiên kính cẩn của mọi người, quả Đại hồng chung từ lâu câm tiếng bỗng ngân nga lanh lảnh khắp bốn phương, thỏa lòng mong ước của Bảo Ấn Hòa Thượng, khắp tăng chúng và thập phương bá tánh.

Hôm ấy là ngày mồng 10 tháng 4 năm Ất Tị (1845), niên hiệu Thiệu Trị thứ 5. Quả Đại hồng chung ghi ba chữ: "Làng Chú Tượng" hiện vẫn còn treo trên một gác lầu cao, phía tả trước ngôi Chánh điện Tổ Đình.

GIẾNG PHÂT

Thiên Ấn Niêm Hà là một trong những thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi. Đình Thiên Ấn là nơi thu hút khách thập phương.

Khe nước từ thuở khai sơ, Pháp Hóa Hòa Thượng dùng trong những ngày đầu đã cạn. Ngài phải xuống núi múc từng bát nước ruộng về lọc mà dùng. Nhưng những hố nước đó rồi cũng không còn nữa. Nước là một nhu cầu lớn đối với con người nhất là ở trên núi cao. Vì vậy, Ngài phát đại nguyện - cầu sao cho có nguồn nước uống đồi dào.

Mặc dù núi cao, đất dầy đá sỏi, thiếu phương tiện, thiếu nhân lực, Ngài vẫn đích thân kiên trì đào giếng. Giếng nằm trước sân chùa cũ, về hướng Đông Nam, thuộc cung Tốn (Tốn dĩ thuận chi). Cốt yếu là thuận thảo, thu phục nhân tâm.

Ngài khởi công được ba hôm, bỗng có một nhà sư trẻ, xin được vào chùa tá túc. Nhà sư thấy Pháp

Hóa Hòa Thượng một mình khổ hạnh, tình nguyện ở lại góp công lực của mình cùng Ngài đào giếng.

Từ đó, ngày đêm hai thầy trò hì hục đào, xén, suốt ba tháng trời, sâu chưng 15 - 16 thước mà nước vẫn chưa thấy tăm hơi. Càng đào càng vô vọng, nhất là khi khơi trúng một tảng đá bàn chắn ngang, cả hai tưởng như thất bại. Nhưng họ vẫn kiên tâm, trì chí đục phiến đá ra từng mảnh, rồi tiếp tục công việc cho đến khi hoàn tất.

Giếng sâu chừng 55 thước. Nước rất ngon, bốn mùa đều trong xanh, không sợ ngã nước đối với khách từ phương xa đến viếng cảnh, viếng chùa.

Nỗi vui mừng không thể nói hết: Ai cũng mong được nhìn tận mắt đôi bàn tay của người đào giếng. Nhưng riêng vị sư trẻ đã biến đi lúc nào không ai hay biết?

Mọi người băn khoăn - Nhà Sư từ đâu đến? - Tại sao đào xong giếng rồi lại đi và đi đâu? Có người đoán rằng: Long thần Hộ pháp đến thử lòng kiên nhẫn của Hòa Thượng và trợ sức cùng ngài để hoàn thành giếng nước? - Thế là câu chuyện được đồn đãi theo tưởng tượng của dân chúng.

Từ đó, khách bốn phương đổ về để xem giếng nước thần mới hoàn thành. Giếng linh, chùa thiêng, Hòa Thượng tiếng tăm lừng lẫy, cảm hóa

được quan trấn nhậm địa phương và tín đồ theo Phật trong tinh.

Chùa Thiên Ấn đã múc chai nước đầu tiên mừng Khánh lễ, chuyển về triều đình, chúa Nguyễn, dâng cho vua để tỏ lòng tôn kính. Được vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái thứ 8, Đinh mùi (1727) cảm kích ân phong Sắc tứ "Thiên Ấn tự", cho ngôi Tổ Đình mà nay vẫn còn đề trên bảng.

Giếng nước trên chùa Thiên Ấn được xem như giếng Phật, từ đó đến nay đã ăn sâu vào lòng đạo hạnh của các tín đồ.

MỘ CỤ HUỲNH

Cụ Huỳnh Thúc Kháng, tự Giới tử, hiệu Mính Viên. Sinh năm Bính Tí (1876) ở huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Cụ đậu Tiến sĩ năm Giáp Thìn (1904). Thời Pháp thuộc, vào năm 1908, cụ dẫn đầu cuộc biểu tình kháng thuế và bị Pháp bắt đày ra Côn Lôn. Từ năm 1926, cụ đã là chủ bút tờ "Tiếng Dân".

Cách mạng tháng 8 thành công. Năm 1946, cụ được cử làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong chánh phủ Liên Hiệp, cụ là quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Công Hòa. Sau đó, cụ làm Hội trưởng Hội Liên Việt cho đến khi lâm bệnh và từ trần ngày 21 tháng 4 năm 1947, tại huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Theo di chúc, mộ cụ được đưa lên đặt trên đỉnh núi Thiên Ấn, nơi linh địa tích phát của tỉnh Quảng Ngãi. Thời nào, Thiên Ấn Niêm Hà cũng là

một trong 12 thắng cảnh Quảng Ngãi. Tính thiêng liêng địa cuộc, càng làm cho ngôi mộ Cụ thêm phần khí chất uy nghi.

Thân nhân, trí thức, sĩ phu yêu nước tỉnh Quảng Đà trong 21 năm dưới thời của chế độ Sài Gòn cũ, đã nhiều lần có thỉnh nguyện cùng Tỉnh trưởng Quảng Ngãi, xin dời mộ cụ Huỳnh về nơi chôn nhau cắt rún. Nhưng Tỉnh trưởng thời bấy giờ không trả lời ngay, mà lại họp nhân sĩ, trí thức Quảng Ngãi hỏi ý kiến, ai cũng đồng tâm xin để yên, cụ được như vậy là phù hợp với nhân hòa, không kể là thời đại nào.

Có lẽ vì chiến tranh cách trở, thi hài cụ không thể đưa về quê cũ, nơi cũng có núi Ấn, trên có cảnh thờ Thiên Y Tiên Nương, và sông Đà là một chi lưu của sông Cẩm Lệ chảy ra cửa Đà Nẵng. Nay cụ đã an phần trên núi Ấn, có chùa Thiên Ấn và dưới chân có dòng Trà giang chảy ra cửa Đại Cổ Lũy. Ấn Đà hay Ấn Trà cũng là núi sông của linh hồn Chí sĩ.

Việc xin cải táng mộ cụ Huỳnh cứ thế kéo dài hơn ba năm. Dù ý kiến của nhân sĩ, trí thức Quảng Ngãi là hoàn toàn tốt đẹp, thân nhân cụ vẫn chưa đồng tình. Họ lại từ Quảng - Đà vào Sài Gòn thỉnh

nguyện đến Tổng Thống. Nội dung được chuyển sang Cố Vấn, Cố Vấn cho là đất nước còn nhiều việc phải làm, việc này hãy từ từ, rồi chuyển sang Bộ Thông Tin.

Đồng Lý Văn phòng Bộ trả lời: "Việc đặt mộ cụ Huỳnh trên đỉnh núi Thiên Ấn, chứng tỏ sự kính trọng của nhân dân Quảng Ngãi đối với nhà chí sĩ cách mạng. Muốn thỏa nguyện và chính xác hơn nên tiếp ý của chính cụ Huỳnh".

Thế rồi, công việc chuẩn bị cho một cuộc xin ý kiến người quá cố diễn ra bằng cách lập "Đàn Cơ" để cầu Tiên, được tiến hành khẩn trương. Một "Đồng tử" ở Sài Gòn đưa ra. Một "Đồng tử" ở Quảng - Đà đưa vào. Một "Đồng tử" tại Quảng Ngãi cũng tương tự độ tuổi trắng trong 15, 16....

Đứng trước phần mộ cụ Huỳnh, họ gật đầu chào nhau.

Vào một đêm, giờ Tí, giữa bầu trời thanh lặng, ba "Đồng tử" lần lượt xuất khẩu nên ba bài thơ dài. Nhưng cho đến nay, người ta chỉ còn nhớ ba câu đầu của ba bài thơ đó:

Đồng tử Sài Gòn:

"Linh phách Ấn sơn tồn chánh nghĩa

Phiêu bồng kĩ hội mích thần giao"

Đồng tử Quảng - Đà:

"*Ấn sơn phong nguyệt dễ dò*

Linh hồn chí sĩ hẹn hò dài lâu"

Đồng tử Quảng Ngãi:

"*Ấn sơn hồn gởi non côi*

Linh hồn chí sĩ khôi đồi bình sanh".

Rõ ràng là ba Đồng tử ở ba nơi, không hẹn mà gặp chung trong một tinh thần: "Cụ Huỳnh không bảo dời, cũng không bảo là không dời, nhưng cụ nằm đó là đã an phần"

Từ đó, không còn nghe đến chuyện thỉnh nguyện xin dời "địa chỉ" cuối cùng của cụ nữa, chỉ được nghe nhắc mãi ý nguyện lúc sinh thời của cụ khi bị bắt đi đày từ đất liền ra Côn Lôn, cụ đã tỏ bày:

"*Chót núi nơi nào dung tớ đứng,*

Ngắm xem biển Á lớp triều dồn".

Vì vậy, mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng mãi mãi nằm trên đỉnh Thiên Ấn như lòng người đời đời kính vọng Cụ.

CHÙA ÔNG RAU

Từ huyện Mộ Đức xuôi về hướng Đông Bắc khoảng hơn 10 cây số, du khách sẽ bắt gặp một ngôi chùa cổ, lộ thiên, họa hoằn mới có người lui tới. Chùa cao ước chừng 2 thước, rộng khoảng 8 thước. Ba phía đều bằng đá ong, mái cũng là một tầng đá ong ghép lại thành hang.

Chùa được dựng trên lưng đồi núi đỏ, phía đuôi núi Long Phụng, thuộc ấp Hòa Tân, xã Đức Thắng, đó là chùa Ông Rau. Chùa không biết có từ bao giờ, còn tục gọi chùa Ông Rau, vì tương truyền - cách đây trên một trăm năm, có một vị đạo sĩ không biết từ đâu đến tu hành, thuyết lí đạo Lão tại chùa một thời gian khá lâu.

Nền chùa cao, đá sỏi, sát chân chùa về phía Đông Nam là vực suối sâu. Bên kia vực suối có bãi đất hoang rộng. Từ lúc đạo sĩ đến chùa tu luyện

người ta thấy bãi đất hoang bỗng mọc lên những luống rau xanh tươi tốt.

Đến ngày giáp hạt - cơm cao, gạo kém, lũ trẻ mục đồng thấy rau ngon mắt, chẳng biết của ai trồng, chúng cứ ngắt ngọn về luộc ăn. Rau luộc - nước ngọt, cái ngon, mau no, có thể ăn rau trừ bữa. Tiếng lành đồn xa. Thế là bà con kéo nhau lên chùa chứng kiến cảnh vị đạo sĩ mắt sáng, tóc đen, da dẻ hồng hào, sức người khỏe mạnh, chỉ ăn rau xanh và tụng niệm.

Gặp năm trời hạn hán kéo dài, đêm đêm người ta thấy những vòi nước dưới suối phun lên bãi rau. Bà con quanh vùng đồn rằng đó là vòi rồng núi Long Phụng. Có người bảo - chính mắt họ trông thấy vị đạo sĩ trên chùa tát nước tụ dưới suối lên tràn khắp bãi rau xanh. Mặc đồng khô cỏ cháy, rau xanh ngày một trải rộng, cho đến khi kín hết đất hoang.

Bãi rau ngày càng xanh, chùa ngày càng nhiều người lên hương khói. Ít lâu sau, thấy chùa vắng bóng người, nhân dân sở tại kéo nhau lên chùa thì ra... người đạo sĩ tu hành kia đã đi tự bao giờ! Chùa chỉ còn những tấm đá ong ghép lại, vắng lặng, u minh... Nhưng hình ảnh người ăn rau hành đạo được bà con luôn nhắc bằng tên gọi chùa là chùa "Ông Rau".

NÚI THÌNH THÌNH

Từ thị xã Quảng Ngãi, theo quốc lộ 1A ra đến cây số 7, đi về hướng Ba-tân-gân chừng 5 cây số, gặp con đường xoáy trôn ốc lên núi Thình Thình. Núi cao 168 thước so với mặt biển, rộng khoảng 4 hec-ta. Tây giáp Tham Hội, đông giáp Diên Lộc, nam giáp Trường Thọ, bắc giáp Lương Nông. Núi cấu tạo giống hình cá sấu. Độ dốc nghiêng từ 32° - 42°, nên Đông- Tây chênh nhau, dọc theo núi Phụng Hoàng, cắt giữa Trũng Ngói và Hố Chuồng Trâu...

Trên đỉnh núi, trước kia có cái am cũ, lợp tranh không biết ai cất dựng từ bao giờ? Về sau thay vào đó, là một ngôi chùa do Hòa Thượng Thích Diệu Quang trụ trì. Chùa được trùng tu năm 1990, có nhà Tây và nhà Đông. Sau chùa có nhà Chung và trang trí nội thất chùa như sau:

Hàng trên - ở giữa thờ tượng Phật Thích Ca, tả

hữu thờ Như Lai, Bồ Tát. Hàng dưới - ở giữa thờ Chuẩn Đề 18 tay, tả hữu có Địa Tạng - Tiêu Điện. Phía sau điện Phật thờ Tăng Ni đệ tử quá cố. Trước cửa chùa có tấm biển rộng 1, 2 thước sơn vàng, đề chữ: "Thanh Sơn tự".

Trước sân chùa có tháp hình lục lăng, cao 7 thước. Đó là phần mộ của Hòa Thượng Thích Diệu Quang viên tịch. Một chuông đồng nặng 120 ký, đúc vào thập kỉ 40, có khắc bốn chữ "Xuân - Hạ - Thu - Đông". Mùa nào đánh theo chữ ấy. Qui định này chỉ có người trong nhà chùa mới nắm được. Nếu đánh sai qui định trên thì muôn loài sẽ xuất hiện không để đâu cho hết.

Tương truyền: Một hôm có vài người lên viếng chùa, thấy chuông mới lạ, thay phiên nhau cầm dùi đánh lung tung, tức thì muôn loài tụ hội vây quanh mỗi lúc một nhiều. Họ hốt hoảng định chạy xuống chân núi trốn thoát. Trụ trì chùa đã kịp ra giữ khách thập phương ở lại và cầm dùi đánh đúng chữ "Xuân".

Mùa xuân, đánh đúng chữ "Xuân" khắc trên u chuông, nên mọi ác thú lui xa, chỉ còn hoa lá, chim muông, hươu nai, heo rừng, tắc kè và rắn rít... có lẽ vì vậy mà hiện nay các giống vật này còn trên

núi Thình Thình nhiều hơn ở các núi khác trong tỉnh.

Chung quanh những chuyện về chùa Thình Thình, bà con trong vùng còn kể lại rằng: - nguyên bắt đầu từ tiếng "ình ình". Vì khi người lạ đến đánh chuông không đúng qui định, chuông không kêu "uông uông" mà lại kêu "ình ình". Nếu không ai đánh chuông mà có người lạ thì đất cũng kêu "ình ình", như tiếng trống báo động cho nhà chùa biết có kẻ gian đến. Về sau tiếng "ình ình" mới chuyển dần sang "Thình Thình".

"Núi Thình Thình, chùa cũng Thình Thình,
Ai lên tới đó cho mình hỏi thăm,
Vì đâu nên tiếng nên tăm,
Để cho miếng đất ngàn năm Thình Thình".

Trong những năm chống Mĩ cứu nước, nơi đây là cứ địa thuận lợi cho hoạt động của quân du kích. Vì âm thanh "Thình Thình" mà địch đã nhiều lần lùng xục đào bới, không phải để trả lời câu hỏi dân giã trên, mà họ lùng sục, đào bới để xem giữa núi có quân lương, quân khí gì của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng chôn dấu không?

Mãi đến những năm gần đây, các nhà nghiên cứu vật lí cho biết không phải chỗ nào đặt chân

đến cũng đều phát ra âm thanh. Chỉ có khoảng đất rộng chừng 1000 thước vuông, ở cách chùa 200 thước về phía Tây, may ra mới nghe kêu "thình thình". Càng đi về phía có giếng đào sâu 20 thước, âm thanh càng vang, chắc có lẽ do "thùng rỗng kêu to"...

Mặt khác "Thình Thình" là một quần thể giàu có về động vật, có thể tạo thành một "vườn bách thú nhân tạo", hấp dẫn, đón mời du khách ngàn phương đến chiêm ngưỡng trong thập kỉ tới, đó là điều ai cũng ao ước.

NÚI RĂNG CƯA

Trời đất bây giờ chỉ có "Mặt ngây" quyền thế, ông nói như sấm, thở như gió, nhìn tới đâu, muôn loài tỉnh thức. Tuy tính tình nóng nảy, nhưng ông rất bao dung với trăm họ. Dưới sự cai quản của ông, mọi sinh vật sống với nhau trong khuôn khổ lớn bé, dưới trên nề nếp, hòa thuận, yên ổn từ đời này sang đời khác.

Người xưa truyền lại: "Mặt ngây" chỉ có một nàng công chúa độc nhất, thích săn bắn, đua thuyền. Chí phiêu lưu, tài cung kiếm có nhiều chàng công tử phải tránh xa. Sắc đẹp nàng lộng lẫy, khiến các thần chết mệt.

Sau những ngày săn bắn khắp trên sườn đồi, nàng sai tùy tùng khiêng những thú vật bắt được, về dâng lên vua cha. Người hết sức vui mừng trước tài thiện xạ của con gái cưng. Nhưng sau đó, Người sai "Thần số mệnh" cải số cho thú vật sống lại.

Chúng vật mình mấy cái tựa hồ vái lạy Người và chạy thẳng vào đại ngàn. Tiếng chân đạp lên lá mục, cành khô vang lại, như ẩn tiềm sự thách thức đối với sự bất lực của nàng công chúa kiêu căng độc ác.

Dù tức bực, nàng vẫn không dám trái ý phụ vương. "Những con vật tới số kia, đừng hòng thoát khỏi tay ta". Nàng thót ngay lên lưng ngựa định đuổi theo, nhưng rồi nàng sợ kinh động, đành dừng lại, sai người gọi thần mưa và thần sấm đến.

Sau khi nghe ý định của nàng, hai vị thần mê muội càng ghen ghét nhau, càng cố nhắm mắt thi tài. Thần mưa ra sức phun nước, thần sấm cố tình nổi giông sét. Suốt ba ngày đêm liền, cây ngã, đá nghiêng, trời tối tăm mù mịt. Nước lênh láng. Trong ánh chớp lòe, người ta chỉ còn thấy bốn ngọn núi ở hướng Tây ngày càng nhỏ dần. Đó là núi Chóp Vung, núi Cà Đam, núi Pa-Góc và một núi nữa chưa có tên.

Công chúa "Mặt ngây" bỏ ngựa sang thuyền, lăm lăm cung nỏ, nhằm hướng bốn ngọn núi kia thẳng tới, quyết tóm cổ cho kì được những con thú xấc xược. Vì sợ cha mà né con, hơn nữa, nhờ có sắc đẹp lộng lẫy nên tới đâu nàng cũng được các thần

núi nghinh tiếp trọng thể. Nàng bèn cho quân gia lùng sục trên thác, dưới hang, nhưng chẳng thấy con thú nào có mang dấu tích hạ sát của nàng.

Không biết có thật lòng với nàng không, mà Thần núi nào cũng nói với nàng cùng một giọng thân tình, gần gũi:

- Thưa công nương xinh đẹp nhất trên thế gian! Những con thú kia đâu phải thuộc loại quí mà chúng tôi phải giấu giếm, để cho người đẹp, lại là con gái của "Mặt ngây" quyền thế, phải nhọc công tốn sức.

Và, cuối cùng các Thần núi đều chỉ sang dãy núi không tên:

- Chính mắt chúng tôi đã thấy Thần núi bên cạnh đang chăm sóc vết thương cho những con thú vừa sống lại trở về.

Thế là lập tức nàng quay mũi thuyền vút sang phía dãy núi không tên. Những con thú khổ sở trên đó, nhìn thấy bóng nàng, vội vùng dậy chạy trốn.

Thuyền còn ở ngoài xa, đã nghe tiếng quân gia của nàng gọi lớn:

- Hỡi thần núi, hãy mở cửa ngay để nghênh đón con gái "Mặt ngây".

Thần núi đáp:

- Hỡi nàng công chúa, con gái của "Mặt ngây" uy quyền, nếu nàng gọi đúng tên ta, núi sẽ tự mình mở cửa, bằng không, hãy mau tìm lại đường về.

Nghe đến đó, công chúa hiểu rằng - Một khi núi chưa có tên, thì làm gì Thần núi có tên mà gọi đúng. Vì vậy, nàng đành quay thuyền về cầu thỉnh vua cha.

Quì trước "Mặt ngây", công chúa ca ngợi cảnh đẹp một vùng núi non hùng vĩ, tuyệt vời của ngọn Chóp Vung, Cà Đam, Pa-Góc.

Sau đó, chuyển sang các câu chuyện thần bí của dãy núi không tên. Cuối cùng, nàng đòi vua cha đặt tên cho hòn núi ấy.

Vua cha bằng lòng. Nhưng ông muốn trước khi đặt tên, phải được tận mắt, biết rõ thực hư, rồi mới làm theo lời thỉnh cầu của con.

"Mặt Ngây" cùng con gái, vẫn trên chiếc thuyền của công chúa, theo sau là đoàn thuyền hùng hổ cung tên. Nghe tin, thần núi không tên cho đóng kín các cửa núi, mặc cho tiếng gọi mở cửa

mỗi lúc mỗi dồn dập. Rõ hơn hết là tiếng thét cüa công nương.

- Hỡi thần núi, hãy mở cửa ngay. Phụ vương ta đã đến.

Thần núi đáp lại:

- Đừng khéo lừa ta. Phụ vương nàng cũng phải gọi đúng tên, ta mới mở.

Nói đoạn, thần núi quay lại hạ lệnh cho quân binh:

- Ở đời này lắm kẻ cậy quyền ỷ thế bề trên mà hãm hại sinh linh và cả muôn loài ở tận hang cùng núi hiểm, có khi chỉ vì những sở thích riêng tư. Tất cả phải coi chừng.

Đến lúc này, "Mặt Ngây" nổi giận. Ông bỗng thấy uy quyền tối cao của mình đã bị xúc phạm. Vốn tính nóng nảy, ông gầm lên như sấm:

- Hỡi thần núi kia, ta sẽ không bao giờ đặt tên cho ngươi, vì ngươi dám khinh mạng ta. Ngươi hãy nhìn ba mũi thuyền sắt kia. Chúng sẽ xuyên thẳng nơi ngươi đang đứng...

Tức thì, ba chiếc thuyền, mũi bọc sắt, từ phía sau tiến lên, xuyên qua đỉnh núi, để lại ba đường lõm sâu hệt như ba cái răng cưa. Từ đó về sau, tuy "Mặt Ngây" không đặt tên, nhưng bà con xa gần đều gọi dãy núi đó là núi "Răng Cưa".

NƯỚC SUỐI TIÊN

Ở đầu nguồn sông Tang, có đôi vợ chồng sống với nhau đã qua bao mùa rẫy, bao vết dao hằn trên cây cột nhà, bao nhiêu lần tết mùa, tết năm họ vẫn chưa có đứa con để nối dòng.

Không còn hi vọng sinh con được, họ cố gắng làm lụng nuôi nhau và giành dụm cho tuổi già.

Ngày ngày, chồng vào rừng phát rẫy tỉa lúa, trồng mì, cõng của về, vợ ở nhà nuôi heo, gà. Cảnh nhà ngày một cô quạnh. Họ ước ao mình trẻ lại may ra mới kiếm được chút con. Hằng ngày họ khấn cầu "Mặt Ngây" cho trẻ lại để sinh con nối dòng.

Một hôm, ông lão vào rừng đốn củi đến chiều tối mà chưa thấy về. Sốt ruột, bà lão định đi tìm thì bỗng thấy một thanh niên chừng mười tám đôi mươi cõng gùi củi nặng vào sân. Bà lão hỏi thì anh ta cứ khăng khăng bảo anh là chủ nhà này. Bà lão

một mực không tin. Thấy người lạ nói đến cái gì trong nhà cũng trúng cả, bà lão mới nghi hoặc nữa:

- Tại sao ông trẻ lại như vậy?

Người đàn ông bấy giờ mới vỡ lẽ ra rằng mình đã trẻ ra thật, mà không biết. Ông kể lại chuyên đi đốn củi, trưa nắng xuống tắm dưới suối và tự nhiên thấy mình khỏe hơn nhiều.

Vợ chồng ông mừng rỡ và tin rằng ước mơ của mình đã trở thành sự thật. Ông chỉ cho bà đường đến con suối lạ kia để tắm.

Sáng sớm hôm sau, bà lão ra đi, ông ở nhà chờ mãi không thấy bà về. Sốt ruột quá, ông vào suối tìm vợ. Đến nơi, chẳng thấy vợ đâu, chỉ thấy một cô bé bảy tám tuổi đang khóc mếu máo vì không nhớ được đường về.

"Suối Tiên" bắt đầu có tên từ đó.

Theo LÊ NHƯ THỐNG
(trong truyện cổ Cor)

CÂY THẦN BRIN

Xưa kia, từ đồng bằng đến rừng núi, cây thần "Brin" che hết ánh sáng mặt trời. Không ai trồng trïa gì được. Muông thú cũng phải sống ngột ngạt, mong sao cảnh ấy không còn nữa. Nhưng khi hành động thì chỉ còn có họ nhà Kiến kéo đến. Họ nhà sóc nghe tin cũng đến đòi được nhập cuộc. Trước khi đi, chúng cúng thần "Ha-Val" một con chó.

Kiến "Hơ-Nghen" cầm đầu, kiến đỏ và sóc kéo quân theo sau. Cây Brin to đến nỗi sóc chạy quanh bảy ngày, bảy đêm mới giáp vòng. Ban ngày, kiến, sóc điều binh khiển tướng cố sức cưa, chặt, đến đêm nhựa cây ứa ra kết liền da thịt lại như cũ. Chặt hết ba năm, ba tháng mà cây Brin vẫn cứ trơ ra.

Họ nhà Kiến phải cúng cho "Ha-Val" mười con chó nữa, mới chặt đứt được cây. Nhưng cây không ngã tới đất, vì có dây "Tun-ken" níu lại. Cây "Tun-Ken" rất ác. Mỗi rễ của nó, từ trên trời cắm

xuống đất, đụng vào lá là ngứa ngáy, lở loét chân tay, chẳng ai dám lên dứt dây.

Cuối cùng có một con sóc nhỏ đứng ra nhận làm việc đó. Trước lúc trèo cây, nó lấy tấm "A-Tấc" quấn chặt vào người, lấy bông khô nhắt vào tai, để khỏi nghe tiếng cây đổ và tiếng đe dọa của hồn dây "Tun-Ken".

Khi cây Brin đổ, con sóc chạy rất nhanh và kêu to để các loài tránh xa.

Kiến "Hơ-Nghen" bây giờ bụng rất nhỏ vì khi chặt cây, nó không ăn gì cả, chỉ lo chuyển thức ăn cho đồng bọn, để công việc được mua chóng.

Cây Brin ngã xuống, người "Hra" (Kinh) hái hoa, người "Hreng" (Kà Dong) lấy trái, người Cua (Kor) húp nước canh cùng thần "Ha-Val". Cho nên người Kinh rất giỏi dệt vải. Người Cà Dong giỏi đan lát, thêu thùa Rơmon, gấm, khăn...

Từ đó người ta phân vùng: Người Cà Dong và Kor ở vùng cao, người Kinh về đồng bằng. Muôn loài vui vẻ sinh sống làm ăn dưới ánh mặt trời.

Theo truyện Cà Dong
của ĐINH XĂNG HIỀN

QUẾ THẦN TRÊN ĐỈNH CÀ ĐAM

Đất nào cũng mọc cây, nhưng lại hiếm nơi có giống cây đặc sản như cây quế. Quế thọ lâu. Có cây sống từ 80-100 tuổi. Tục truyền đồng bào Cor gọi những cây quế đó là "Thần Quế". "Thần Quế" rất khó tính. Vì vậy mà chỉ có Trà Quân, Trà Thanh, Trà Hiệp, Trà Phong... "Thần Quế" mới chịu ở.

Đồng bào kể rằng: Trước kia có nhiều ma. Từ khi "Thần Quế" đến, ma phải đi nơi khác.

Xưa ở đây, có một người con gái tên là Pơ-Lây ở làng A-Chi. Nàng xinh đẹp, hiền hậu, nết na. Cái chân, cái tay nàng rất khéo. Dân làng ai cũng thương.

Làng bên, có một thanh niên rất tài về cung nỏ, tên là Khơ-Chít. Khi lên nương, lúc xuống suối, gặp Pơ-Lây, chàng đỏ mặt. Cái bụng muốn dừng, cái chân lại đi mau.

Vắng Khơ-Chít, Pơ-Lây trông thấy mặt, để nói

với chàng cái hay, cái tốt, nhưng một hôm Khơ-Chít muốn hỏi Pơ-Lây làm vợ, thì nàng lại cúi đầu hồi lâu rồi đưa tay chỉ tận cánh rừng xa, nói:

- Khơ-Chít muốn Pơ-Lây được về ăn chung, ở chung, hãy đi nhổ đem về một cây gỗ to còn lá, còn rễ, thẳng như người Pơ-Lây.

Khơ-Chít cười âu yếm, rồi theo hướng của Pơ-Lây chàng chạy như gió vào rừng xanh tít tắp.

Pơ-Lây sung sướng nhìn theo cái chân người mình yêu cho đến khi ông Mặt trời đỏ lựng như than lửa trên đỉnh đầu, nàng mới cõng những ống nước về nhà.

Nghe tin Pơ-Lây xinh đẹp nhất vùng có người yêu, tên chúa rừng lắm trâu, nhiều ché liền sai bọn nô lệ trong nóc đến bắt Pơ-Lây về làm vợ hầu cho nó. Pơ-Lây thủy chung với tình yêu của mình. Nàng quyết chống lại cho đến hơi thở cuối cùng. Pơ-Lây hóa thành con chim Pơ-Lít (chim chèo bẻo).

Giữa lúc đó, Khơ-Chít đang còn lội qua bảy con suối, vượt qua chín ngọn đèo. Ông Mặt trời hết ngó, đến ông Mặt trăng cúi nhìn. Cứ thế, chàng đi đúng ba con trăng tròn, mới vác được cái cây mà Pơ-Lây đã ao ước trở về. Chàng tưởng mình sẽ gặp được

người yêu đang chờ đón chàng ở đầu buôn. Có ngờ đâu khi Khơ-Chít tới nhà, thì Pơ-Lây đã nằm yên dưới đất.

Sau khi trả được thù cho Pơ-Lây, Khơ-Chít đem cây trồng trên đỉnh A-Chi, bên dòng suối Khum trong lành nơi chàng đã gặp Pơ-Lây buổi ban đầu, tình yêu chớm nở. Cây gỗ chàng đã vác về - cây gỗ cho đến bây giờ không chỉ là mơ ước của riêng Pơ-Lây.

Trồng cây xong, Khơ-Chít chọn nơi cao nhất dựng nhà ở, để ngày ngày được nhìn thấy bóng cây mình trồng. Đỉnh núi cao đến 1.600 thước, đó là đỉnh núi Cà-Đam. Cây Khơ-Chít trồng to đến hai ba người ôm không xuể, đó là cây "Quế Thần". Đất A-Chi ngày xưa, chính là đất Trà Phong ngày nay. Nơi đây, tháng 11 năm 1965, đã diễn ra cuộc đọ sức quyết liệt giữa các dân tộc miền núi Trà Bồng, với 11 Tiểu đoàn Không vận Hoa Kì. Hơn 40 máy bay lên thẳng bị hạ tại chỗ, hàng trăm chiếc khác bị thương, mà phương Tây quen gọi là trận "Đỗ Xá - Nà Nêu". Hương quế Trà Bồng cùng chiến thắng kẻ thù xâm lược bay khắp bốn biển năm châu.

Nhân dân Trà Bồng rất yêu quý "Quế Thần", nhất là những cây quế cao niên. Vậy mà giữa lúc

chiến tranh ác liệt, năm 1963, nhân dân đã tự rạch da "Quế Thần", với tấm lòng thành kính, gởi ra tặng cụ Hồ một cái bàn - ngang hơn một sãi, dài ba sãi tay, để hương quế ngát thơm tới Hà Nội, nơi cụ ngồi lãnh đạo cuộc kháng chiến thành công.

Nhân dân vùng "Quế Thần" nói: "Bok Hồ thương người Kor, Bok muốn về thăm, có hương quế nó dẫn đường cho Bok".

GIAI THOAI CÂY QUẾ

Ngày xưa, ở vùng núi cao có một chàng trai tên là Quế, mồ côi từ nhỏ. Những đứa trẻ như vậy đều bị chủ làng bắt về nuôi, để sau này làm nô lệ cho mình.

Ba mùa rẫy qua. Mười con trăng tròn rồi khuyết. Quế thả trâu rông khắp núi rừng. Hang sâu vực thẳm, ngọn cỏ lá cây, ác thú độc xà, cả những lối mòn của con cheo, con nhím... Tất cả, Quế đều thuộc làu, như chủ làng thuộc làu đàn trâu của lão.

Một buổi sáng lùa trâu vô núi, Quế ôm choàng lưng trâu, vuốt sừng, sờ tai nó, rồi thủ thỉ: "Mày là con trâu đầu đàn, nhờ mày cây gai, hòn đá khỏi ăn cái chân tao. Tao thương cái lưng, con mắt mày... mà phải đi phải xa mày, vì ông chủ mày ác lắm..."

Con trâu quất đuôi chạm lên người, Quế nắm

đuôi. Trâu dừng lại ngúc ngắc cái đầu, phì phì lỗ mũi. Quế buông đuôi trâu, tụt xuống, quỳ trước cặp sừng nhọn hoắt: "Mày thương tao thì mày cứ đi thẳng cho đàn trâu, như lá rừng kia theo mày, đừng để con nào biết tao ở lại đây. Còn không, mày hãy xóc đôi sừng nhọn này vô bụng tao, để chủ làng không bao giờ còn đánh đập, bỏ đói tao nữa..." - Quế nói đến đó, òa lên khóc. Con trâu đầu đàn, cũng chảy nước mắt ràn rụa. Nó bước đi từng bước, lâu lâu nó mới quay đầu ngó lại.

Nhanh như chớp, Quế lau khô nước mắt, vượt qua bảy ngọn đồi, 3 con suối, lên triền núi cao hơn, dựng trại, đốt than, săn thú... Đêm đêm Quế đốt lửa rừng sưởi ấm giấc ngủ cùng cây cỏ đại ngàn. Quế mau lớn lắm. Càng lớn Quế càng khôi ngô, khỏe mạnh. Tay cứng như sắt. Mắt sáng như sao. Ai cũng bảo chàng là con của Thần Đá.

Một buổi sáng mùa hạ, Quế vào rừng lấy củi. Vừa lên khỏi dốc, chàng gặp ngay cô gái xinh đẹp đang ôm bụng kêu đau, tiếng nghe khản đặc, bên chiếc gùi đầy ắp măng le. Quế như nhớ ra điều gì, vụt biến đi. Một lúc lâu, chàng trở lại, vừa đưa cho cô gái một miếng vỏ cây da sần sùi, bên trong trắng nhớt, vừa dặn: "nhai nuốt, mau lên."

Cô gái làm theo lời chàng, nhưng sau đó nàng lại kêu to hơn trước. Tưởng cô gái bịnh nặng thêm, chàng lo sợ. Nhưng lại thấy nàng lắc lắc cái đầu, chỉ tay lên miệng, mắt nàng đánh xuống suối. Hiểu ý - vì quá cay, nàng xin nước uống, Quế chạy nhanh xuống suối, lấy nước cho nàng uống, rồi đưa nàng về trại của mình.

Khi hồi tỉnh lại, điều trước tiên là cô gái đòi phải tìm cho được cây đã cứu sống mình. Quế bằng lòng đưa cô gái lần theo lối mình đã qua. Hai người đi mãi, nhưng cây đâu chẳng thấy? Bỗng mùi hương thơm quần tới. Cô gái mừng rỡ, kéo chàng trai đuổi theo, mà gió lại mang hương bay đàng nào không biết? Hai người vẫn không dừng bước. Hương cây lúc xa, khi gần. Họ vẫn bên nhau cho tới khi mặt trời xuống núi.

Đúng giữa phút ngày và đêm giao nhau, cái cây ngát hương mà hai người đang tìm, đã hiện ngay trước mặt họ. Cây còn in rõ trên thân mình, dấu rìu chặt của chàng trai. Cây đã đứng giữa hai khe đá, không biết tự bao giờ mà ước đến hai người ôm không xuể. Họ sung sướng ôm chầm lấy cây, lấy nhau.

Tiếng mang tác, tiếng vượn hú, tiếng chim sà

xuống ngọn cây... Nhưng át đi tất cả là tiếng hổ gầm vang động. Cô gái giật mình quay lại, nhoáng một cái, con cọp tàu cau vằn vện cõng Quế vút qua sau khóm lau già ngã rạp. Nàng kinh hoàng ôm chặt thân cây, thét lớn "Quế! Quế ơi..." Tên chàng trai cứu sống mình, miệng nàng kêu không ngớt. Tiếng kêu thống thiết cho đến tận cùng cuộc sống của nàng. Máu tim nàng đã chuyển hết vào chỗ dấu rìu chặt, vỏ cây trước trắng nhợt, nay đã đỏ hồng.

Người cứu người. Cây cứu người. Sự sống vì con người đó, đã hòa quyện với nhau vào núi sông, cây cỏ. Từ đó, cái tên "Quế" của chàng trai dân tộc kia đã trở thành tên cây thơm thảo, bổ ích cho đời, như tấm lòng thủy chung của con người miền Tây Quảng Ngãi mãi tới mai sau.

VỀ MÔT LOÀI CHIM

Xưa có một đôi trai gái yêu nhau nên vợ nên chồng, nhưng không được mẹ chồng ưng thuận, vì nhà chồng có nhiều con heo, con trâu, còn nhà gái cơm rau, canh muối. Dù đói, dù no họ cũng nguyện suốt đời bên nhau. Khi ra ở riêng, hai người chỉ có hai bàn tay trắng và một cái nhà sàn.

Hàng ngày chồng lên rẫy trỉa ngô, trồng lúa. Vợ xuống suối bắt con cua, con ốc. Một hôm, mặt trời mới mọc chừng nửa quang sào, chồng đã chạy về gọi vợ:

- Em ơi, ở trên nương ngó xuống, anh thấy ruộng của Mí có nhiều người đang bứt lúa. Em ráng đi mót một ít về làm gạo nấu cơm ăn. Mấy hôm nay, sao cái miệng của anh nó thèm hột cơm quá mà! - Chồng nói xong, nuốt nước miếng đánh ọt. Vợ nghe thương quá, vội mang gùi đi ngay.

Đến khi mặt trời đứng bóng, vợ về, gùi nặng

trịch trên lưng: Dưới lúa, trên chuối xanh. Sẵn trời đang nắng, nàng rải lúa ra phơi. Vừa trở trăn hột lúa, nàng vừa nghĩ: "Không biết vì sao bà mẹ chồng bữa nay lại đến hỏi han rồi còn bốc lúa bỏ vào gùi nữa". Càng lạ lùng, nàng càng mừng: "Thế thì tối nay, chồng nàng được ăn bát cơm gạo mới thơm ngon...".

Hình như đứa con trong bụng nàng cũng mừng theo. Nó đạp mạnh vô hông nàng một cái. Nàng sung sướng. Thì ra mới lấy nhau đó mà đã qua một mùa rẫy rồi! Từ ngày có chồng tới nay, nàng mới vui thiệt. Một niềm vui thầm kín, đôi chim trên cành cây móc chó đang sú mồi cho con không hề hay biết.

Nàng quay đảo mãi mà lúa chưa chịu khô. Tuy lúa không theo ý nàng, tuy chồng nàng chưa được ăn bát cơm như nàng mong ước, nhưng nghe vợ kể chuyện mẹ hôm nay tốt bụng, đã đủ cho chàng sung sướng hơn cả cơm trắng thơm ngon. Đêm đó, hai vợ chồng càng thêm hạnh phúc. Hạnh phúc chưa từng có kể từ ngày họ yêu nhau.

Chỉ đến quá trưa ngày hôm sau, là nàng đã giã gạo xong. Trước lúc trút gạo vào nồi, nàng quay ra vườn hái mớ rau mưng, xuống suối cõng vài ống nước, rồi quay vội trở vô bếp. Nhưng rá gạo đã bay

đi đàng nào? Nàng tìm khắp nhà, khắp sân. Chạy sang nhà mẹ chồng, thấy tay mẹ bưng rá gạo, miệng đang túc gà... nàng thét lớn:

- Không được cho gà ăn gạo của tôi!

- Gạo này của mày? - Mẹ chồng lại thét to hơn - Lúa tao trên nương mày bứt. Tao còn vốc lúa sạch bỏ vô gùi mày nữa. Giã ra gạo rồi, mày cứ để ở nhà, thì tao phải sang lấy về, chớ gạo nào là gạo của mày?

Nghe mẹ chồng nói thế, nàng ôm bụng chạy về nằm khóc mãi cho tới chiều tối.

Chồng lưng gùi nặng, vai vác cùi trở về. Mới tới ngõ, chàng đã gọi vọng vào:

- Em ơi, cơm nấu chín rồi, mau dọn ra, anh đói cơm lắm!

Không nghe tiếng trả lời, chồng chạy vô thấy vợ đang khóc. Chồng hỏi. Vợ kể đầu đuôi câu chuyện, chồng xách rựa chạy sang nhà mẹ đẻ:

- Vợ tôi mót lúa, giã gạo, sao mẹ lấy gạo đem cho gà ăn?

- Lứa tao có bỏ hột nào đâu mà vợ mày mót? Vợ mày lấy lúa mà không trả gạo, gà đói, tao phải lấy gạo về cho gà ăn. Mày nghe lời vợ, bảo tao ăn trộm của nó phải không? Bà run lên như sợ một điều gì,

nhưng giọng bà vẫn khắc nghiệt - nếu muốn thấy cái thiệt, thì mày về vỗ vô bụng vợ hỏi: "Mày ăn cái gì mà cái bụng to thế?"

Người con trai nghe đến đây đỏ mặt, cãi lại mẹ:

- Cái bụng vợ tôi to, là nó sắp đẻ đấy, cơm gạo không có trong đó đâu, Giàng à... - Nói xong, chàng chạy về, lôi vợ ra đập lấy, đập để, bằng một khúc cùi to như bắp tay.

Nghe nàng dâu kêu khóc, mẹ chồng chạy sang, nói:

- Thôi mày có đập chết, nó cũng không nói thiệt đâu. Mày có mổ bụng nó ra mới thấy thôi mà!

Nghe mẹ chồng nói thế, không đợi con trai bà phải đau đớn làm theo. Nàng dâu tự rút con dao dắt trên vách nứa, rạch ngay bụng mình. Nàng ngã xuống, quằn quại, cùng cái bào thai thoi thóp. Người chồng chỉ còn kêu được mấy tiếng:

- Trong bụng nó hạt gạo không, hạt lúa cũng không, chỉ có đứa con của tôi thôi. Giàng ơi...

Mẹ chồng thấy vậy, ù té chạy về nhà. Người chồng bỏ đi vào rừng sâu, gào khóc đến khàn đặc cả cổ họng. Những đôi chim liền cánh nhau cứ vô tình đùa hót. Còn riêng chàng đơn độc, gục chết

dưới gốc cây rừng, hóa thành loài chim kêu hoài những tiếng kêu đứt ruột, từ hoàng hôn cho đến tờ mờ sáng. Đó là loài chim H'mư!

BÀU LÁC

Vùng giáp ranh giữa Bình Sơn - Sơn Tịnh, có cái bàu không lớn lắm, nhưng rất sâu. Về nguồn gốc bàu này mỗi người nói mỗi một cách, có khi các chi tiết khác biệt nhau rất xa. Nhưng tồn trung rồi "Mười ve vào một hủ" - Nói như các cụ thế cũng không đúng.

Ngày xưa ở đây xa sông nước, quanh năm đồng khô, cỏ cháy. Người dân ngụ cư tại đây, một năm chỉ đôi ba tháng đủ ăn, nhờ củ rau nhờ cha mẹ, lớn lên xiêu hương lạc quán.

Qua một thời, dân làng thấy không thể khoanh tay chờ trời. Họ bảo nhau đào ao lấy nước tưới ruộng. Gái trai trong thôn xóm kẻ cuốc người xuống, nhưng sờ đâu cũng đụng phải đá là đá.

Trong mười ngày đào tính đến ba bốn cái ao sâu hơn giếng, mà chẳng thấy nước nôi đâu cả, nhiều người bỏ về nhà đan lát, chạy chợ kiếm sống qua

ngày. Sang ngày thứ mười một, mọi người đang băng qua gò tranh bỗng nghe tiếng ai dội tới: "Nước dưới chân đó, đi tìm đâu cho mệt". Ngoảnh ra sau, thấy một ông già râu tóc bạc phơ, vượt lên đi thăng về phía trước.

Tất ca xáo động. Bọn trẻ kêu - "Bụt hiện lên giúp mình như trong truyện Tấm Cám anh em ơi!". Các bà cho đó là Thổ địa. Chỉ có Thổ địa mới biết được nước ở đâu. Còn mấy cụ lão nông tri điền bảo "đúng ông Thần Nông rồi".

"Ông nào thì ông, ta phải có nước" - Cả những người bỏ về, nghe nói cũng quay ra nhằm gò tranh đào cật lực. Họ dốc hết sức mình cả ngày đêm, nên chẳng bao lâu đã nghe hơi nước tự dưới bàn chân.

Đến nửa đêm thứ mười lăm, có người phát hiện một tảng đá chắn ngang giữa ao. Họ moi rộng xung quanh, thấy nổi lên hình con bò nằm nghiêng. Vì hăng hái, một trai làng đã đào quá mạnh làm cái lưng bò lẻo mất một miếng to. Khi bẫy được tảng đá, nước mạch phun lên mát tận mặt người.

Từ đó, bà con quanh vùng gọi là ao "Bò Lác". Nhưng thời gian đã san ao thành bàu. Lâu ngày, không còn ai nhớ đến chuyện con bò bị lác nữa. Người ta cứ gọi Bàu - "Bàu Lác" - Tiếng Quang Ngãi mới nghe giống như "Bò Lác".

HỐ CHÌNH

Đến chợ Chùa, vượt đèo Eo Gió, qua bến đò Ngọc Dạ, ngược lên thượng nguồn sông Vệ, ta thấy một dòng suối xanh, đang uốn mình qua Phú Khương - Hành Tín, bỗng gặp những tảng đá chắn ngang. Nước dồn lại lấy đà, rồi vọt khỏi mặt đá rộng, thả mình xuống vực sâu, tạo thành dòng thác bạc bốn mùa, như mái tóc của nàng "Bạch Mao tiên cô" dạt dào trước gió. Ngọn tóc trắng vừa nhúng xuống nước đã xanh dờn dợn, đó là "Hố Chình".

Nghe đồn rằng: Nơi hố sâu thẳm kia, xưa có một con Chình rất to, sống đã hàng bao thế kỉ. Đầu nó có ngọc, mắt nó vàng chóe. Đã nhiều lần bẻ câu, thoát lưỡi, nên bây giờ khôn thành tinh. Cứ hoàng hôn xuống là Chình nổi lên, há miệng như thèm khát những gì ở phía trên bầu trời. Nó tung mình lên, định vượt khỏi thác ao. Nhưng lần nào Chình cũng bị dòng thác mãnh liệt kia ném trả lại vực

thẳm, ngàn năm không tài nào thoát khỏi, để dân quanh vùng gọi nó thành tên - Hố Chình.

Hố Chình, một trong những cảnh đẹp ở Nghĩa Hành. Nhiều đôi bạn thanh niên nam nữ đã hẹn hò, gặp gỡ nơi đây, xoạc chân tới nước, với tay tận mây, thỏa thích vui chơi, tâm sự trên miệng Hố Chình. Đến lúc ra về với bao nhiêu luyến lưu không dứt. Theo lời các cụ quanh vùng trước năm 1945 kể lại, những cặp tình nhân từ xa đến, muốn thành vợ nên chồng, hãy đọc câu thần chú sau đây:

"Chình vàng, Chình vàng

Sống trong thác bạc

Có nghe hạnh phúc

Trên bờ sinh sôi

Thác bạc, thác bạc

Đổ xuống hố sâu

Suối chảy về đâu

Nhớ nguồn hạnh phúc

Hạnh phúc, hạnh phúc

Vượt qua thác ghềnh

Đừng như Chình vàng

Quay về vực thẳm..."

Nghe thế, Chình vàng nổi lên. Một trong hai người lấy cơm vãi xuống hố. Nó sẽ quậy đuôi, đớp mồi và như vậy đó là dự báo về hạnh phúc bền lâu của bạn.

HỒ NƯỚC LÀNG TRENG

Hồ nước làng Treng có tự bao giờ chẳng ai biết, chỉ nghe lời truyền lại rằng: "Ngày xưa, nơi đây là một bản làng trù phú của người H'ré.

Trong làng có vợ chồng Vu-Ta-Viên sống với nhau rất hạnh phúc. Khi người vợ sinh đứa con thứ ba được bốn tháng, nàng ra suối, vừa khỏa tay lên mặt nước, bỗng bên kia bờ xuất hiện hai chàng trai xinh đẹp đang câu cá. Những con cá Rói trắng trông ngon lành. Nàng đánh bạo gọi với sang:

- Ê, cá nhiều quá! Các anh quẳng cho tôi ít con thử nào?

Hai chàng câu cá đáp lại:

- Muốn con nào ngon thì cứ lội qua mà lấy đi thôi!

Thế là như có sức hút vô hình, nàng cứ nhắm phía hai chàng trai lội tới. Vừa đến nơi, tất cả đều

biến mất. Nàng chới với một lúc, rồi chìm dần xuống đáy suối.

Ở nhà chờ mãi không thấy vợ về, Vu-Ta-Viên bao ba đứa con cõng nhau đi dọc theo bờ suối, cầm một nắm chài và một tay lưới, quăng xuống các vũng nước mà khấn rằng: "Nếu vũng nước này có mẹ tôi, thì ông Giàng hãy cho nắm chài và tay lưới một cái chìm, một cái nổi".

Ba đứa trẻ đi gần hết ngày, đến vũng nước thứ mười, thì nắm chài chìm, tay lưới nổi thật. Những đứa con gọi mẹ. Tiếng khóc của đứa con thứ ba nghe thật thảm thiết. Một lúc lâu, vũng nước sâu xoáy bùng sôi sục. Những súc cây to như cái nhà trồi lên ngụp xuống và người mẹ hiện ra giữa ngổn ngang sóng nước.

Thấy người thiếu nữ xinh đẹp, lũ trẻ sợ hãi. Khi nghe tiếng nói thân thuộc, ba đứa con mới biết đó là mẹ mình. Bầu sữa mẹ ngọt lành dành cho đứa bé thứ ba, còn hai đứa con lớn, mẹ cho ăn không thiếu thức gì.

Lần nào ra suối về, Vu-Ta-Viên cũng thấy ba con mình vui vẻ, không đòi ăn uống gì. Muốn biết sự thực, một hôm, Vu-Ta-Viên lần dò theo gót ba con, núp trong bụi gần mé suối. Thấy rõ mọi điều,

chàng trở về nhà trước, chờ lúc các con ngủ yên, mới đem dây gai sợi to ra bện một tấm chài thật chắc, rồi cột chài vào hai con trâu đực lớn.

Các con đi tìm mẹ, chàng đánh trâu theo. Núp gần bờ suối như hôm nào, đợi đến khi ba con ăn bú no nê, chàng mới quăng chài trùm lên đầu vợ và thúc trâu kéo lên hẳn trên cạn. Nàng bối rối báo cho chồng biết là chàng Ta-Uyn giàu sang, đẹp trai ở dưới Thủy cung đã rước nàng về làm vợ. Hiện giờ nàng không thể sống trên cạn quá nửa ngày.

Nghe vợ nói, Vu-Ta-Viên liền ngã một cây to, khoét thành chiếc thuyền độc mộc. Hàng ngày chàng xách nước đổ vào, để cho vợ được sống trên cạn với ba con.

Ba ngày sau, các loài rắn lũ lượt kéo đến hỏi về người vợ xinh đẹp của cha chúng. Vu-Ta-Viên trả lời:

- Không thấy ai cả, ở đây chỉ có vợ và con tao thôi!

Chúng lặng lẽ kéo đi, nhưng ngày nào cũng có một vài con rắn trở lại hỏi. Lần nào cũng bị Vu-Ta-Viên vung gươm đuổi đi. Sau ba tuần trăng, một con trăn khổng lồ xuất hiện, lên tiếng:

- Hỡi Vu-Ta-Viên, ngươi hãy trả lại người vợ xinh đẹp cho ta?

Vu-Ta-Viên đáp:

- Mi là kẻ cướp vợ người, với lưỡi gươm linh này ta sẽ bằm mi ra trăm mảnh. Hai bên tình địch quần nhau đất bay, cây ngã. Càng về sau Vu-Ta-Viên càng đuối sức. Vừa gượng dậy, chàng bị con trăn yêu quái kia trườn tới, quật mạnh cả người vào đầu địch thủ.

Ba đứa trẻ tưởng cha chết, khóc rống. Vợ Vu-Ta-Viên từ trong thuyền đứng lên, bứt một sợi tóc đưa cho đứa con lớn, mang đến bảo cha cột vào chuôi gươm. Ngay phút đó, thanh gươm tỏa ra một luồng ánh sáng kì lạ. Chàng thấy mình khỏe mạnh hẳn lên.

Tay chàng nhấc bổng thanh gươm, chặt con trăn ra từng khúc. Khắp núi rừng dậy tiếng túc chinh, múa hát. Ba đứa con chạy lại bên cha. Nhưng vợ Vu-Ta-Viên vẫn ở trong thuyền đầy nước. Chàng buồn phiền hỏi:

- Không còn yêu thương nữa hay sao, mà nàng không đến với chồng con sum họp?

Vợ chàng đáp lời:

- Không. Nếu chàng chưa chặt con trăn kia ra đủ trăm khúc, ném lên đúng trăm ngọn núi cao, chúng ta còn phải xa nhau mãi.

Ngay lúc đó, con trăn được phân ra đúng trăm khúc. Vu-Ta-Viên chỉ lấy ba khúc ném lên ba ngọn núi cao gần nhất. Còn bao nhiêu khúc nữa đem đổ hết xuống sông.

Thế là chỉ trong khoảnh khắc, ba khúc trăn trên ba ngọn núi cao kia đổ xuống tìm kết lại với những khúc trăn khác ở dưới nước. Tất cả vùng đất trù phú sụp lỡ. Buôn làng chìm xuống thành hồ nước mênh mông.

Từ đó ai ngang qua hồ nước làng Treng ở xã Sơn Kì, huyện Sơn Hà đang lúc trời trưa nắng, nhìn xuống, cũng thấy cảnh làng mạc trù phú của thời đã qua, còn đọng lại dưới đáy hồ nước xanh.

HẠT VÀNG TRONG ĐẤT

Có một cụ già người Kor cứ chăm chắm đào sâu vào lòng đất, chốc chốc ông lại lẩm bẩm một mình: "thế nào rồi cũng có". Nhưng cho đến trước lúc chết, ông cũng chẳng tìm thấy được gì.

Khi ông kiệt sức, quị xuống chân rừng, bà con cùng nóc mời thầy cúng ma đến, ông khoát tay:

- Già đào sâu vào lòng đất, không phải vì bị ma ám, mà do cái bụng già tin... tin... cái tình của hai anh em nó như vậy, làm sao mà không có ...

Và, ngay giữa giờ hấp hối hôm đó, ông mới bắt đầu kể cho con cháu nghe câu chuyện về Dớt và Lé:

Ở dưới chân núi Cà Đam có đôi vợ chồng nghèo lấy nhau lâu lắm, nhưng tới khi đầu bạc, răng rụng vẫn chưa có con cái gì. Thần núi thấy thế, bèn tâu lên "Mặt Ngây". Chẳng bao lâu người vợ có mang

song thai. Sau ba năm, bà mới sinh được hai đứa con trai. Đó là Dớt và Lé.

Sinh con xong, cha mẹ lìa đời. Hai anh em nhờ rau củ của bà con trong nóc. Lớn lên, em đi chăn trâu, anh vô rừng lấy củi. Em bắt ốc mò cua, anh bắn chim săn thú. Kiếm được miếng gì lạ, anh cất giành cho em. Tìm được thức gì ngon, em đợi anh về.

Dớt có gia đình trước em. Vợ anh là một cô gái nhà giàu có. Cậy thế giàu, chị dâu thường tiếng nặng, tiếng nhẹ với em chồng. Không phải vì ghét chị dâu, mà lo cho anh vất vả, nên Lé nói với chị:

- Hồi trước anh Dớt chỉ có em thôi. Bây giờ anh Dớt đã có chị. Anh chị nhiều cái miệng ăn, thì phải lấy của trong nhà nhiều hơn, còn cho em ít, để em ở riêng?

- Thì cứ chia ba phần đều nhau, mỗi người một phần - Chị dâu bằng lòng cho Lé ở riêng.

Chẳng bao lâu, vợ Dớt sinh con đầu lòng. Đứa trẻ đau yếu luôn. Thêm miệng ăn, lại thêm miệng thầy, miệng thuốc, nhà Dớt càng túng thiếu. Năm đó núi bị động, Lé chẳng dám đi sâu vào rừng. Củ mài, măng nứa cũng không đủ bữa, dù Lé chỉ một thân một mình.

May mùa rẫy năm đó gieo sớm. Mới hụt ăn non tháng, lúa trên nương đã ươm vàng. Thấy thế, em vội ngắt bông, vò hạt để kịp giúp anh. Anh cũng tranh thủ gặt lúa sớm để giúp em. Hai người nghĩ như nhau, làm như nhau, nhưng họ đều giấu nhau.

Đêm đến, em cõng những gùi lúa sang đổ vào bồ nhà anh. Đêm đến, anh cũng cõng những gùi lúa sang đổ vào bồ nhà em. Hai người cõng cho nhau suốt đêm, mà hai bồ lúa hai nhà vẫn đầy. Đến khi nghe gà gáy sáng, ai cũng ráng sức cõng một gùi cuối cùng cho thật nặng. Nửa đường mệt lử, hai người gục xuống bên lề, cạnh nhau, ngủ thiếp đi lúc nào không biết. "Mặt Ngây" mở mắt, Dớt và Lé mới nhận ra nhau. Hai anh em ôm nhau khóc, khóc mãi cho đến khi thân xác họ hóa thành hai tảng vàng khổng lồ.

Sáng dậy, vợ Dớt không thấy chồng đâu, chị cõng con sang nhà Lé. Giữa đường thấy hai cái gùi còn đó, bên cạnh chồng và em đã hóa vàng, chị quì xuống khóc thảm thiết. Chị không ngờ tình anh em ruột thịt của Dớt và Lé là vàng, mà chị đã từng vung vãi, phung phí. Nỗi ân hận từ trong lòng trào ra mắt chị, giọt xuống, tảng vàng tan thành từng dòng cám vụn chảy ra sông, ra suối, chìm sâu

xuống lòng đất. Còn hai mẹ con chị lại hóa thành những tảng đá trơ vơ bên đường.

Câu chuyện này của ông già Kor gần trăm tuổi, kể từ hồi trước cách mạng 1945. Lúc ông vừa đào xới, vừa lẩm bẩm: "thế nào rồi cũng có" đó, thế mà bây giờ có thật. Có cả buôn làng đất nước, trong đó có cái tình anh em ruột thịt của Dớt và Lé ngày xưa còn để lại.

Chẳng biết câu chuyện cảm động, mà ông già Kor gần 100 tuổi, kể từ hồi trước Cách mạng 1945 đó có thật hay không. Chỉ biết rằng hiện nay người ta đồn rằng vùng rừng núi này có chứa một mỏ vàng với trữ lượng lớn. Và còn quí hơn cả vàng kia là tình anh em ruột thịt của Dớt và Lé ngày xưa còn để lại ăn sâu vào trong tập tục - suy nghĩ của những người dân miền núi chân chất. Họ cùng nhau sống và lao động, xây dựng nên những bản làng đẹp như chỉ có trong các chuyện cổ tích...

HAI CON YÊU CỬA NAM THÀNH QUẢNG NGÃI

Thành Quảng Ngãi là một khoảng đất rộng, có độ cao hơn mặt bằng Thị xã Cẩm Thành một ít. Thành được xây từ thời Gia Long mới lên ngôi, do hai kiến trúc sư người Pháp thiết kế. Trong bản thiết kế, thành có bốn cửa chính, nối qua bờ hào bằng chiếc cầu cuốn gạch bắc ngang. Nhưng đến lúc hoàn chỉnh, người ta chỉ thấy thành có ba cửa. Việc thành Quảng Ngãi không có cửa Nam, một vài thức gia bổn địa cho rằng:

Quảng Ngãi là đất tích phát, chờ bộc lộ xuyên tâm theo "địa lí càn khôn" nên nhà Nguyễn chủ trương lấp cửa Nam thành Quảng Ngãi, để người Quang Ngãi luôn hướng về kinh đô, tôn thờ nhà Nguyễn.

Bế Nam môn, còn cửa Bắc mở qua Thiên Ấn, nhưng đã có sông Trà Khúc cắt ngang. Văn phong

Thiên Bút, Đế nghiệp Thiên Ấn không thể nhập môn. Đông và Tây môn nằm ngay hướng mặt trời lặn, mọc, tạo ra đường xuyên tâm (lưỡng nghi), cắt ngang đồ hình "Bát quái", lộ rõ hai cung "Chấn" và "Đoài" như hai anh em. Có gì chăng nữa, cũng chỉ là huynh đệ.

Nhà Nguyễn còn cho mở từng ô vuông (tứ tượng) theo "thông hành địa dịch". Ngoại vi thành là hình đa giác, quanh hào có vòng cung bao bọc, phía trên cửa Tây có đình Chánh Lộ, phía dưới cửa Đông có đình Ba La, phía Bắc Trà Khúc có đình Châu Sa. Tất cả đều nghiêng về phía Bắc trục lộ "xuyên tâm" qua hai cửa Đông, Tây, giữ thế chân vạc cho triều đình.

Không biết người Pháp có muốn phá thế chân vạc của Nam triều hay không, nhưng trong nội thành từ ngày đầu họ đã dựng đồn khố xanh trấn thủ, xây đồn khố đỏ ngoại thành bảo vệ. Ngoài ra, họ còn cất Tòa Công sứ và các cơ quan thống trị như: Dinh Án Sát, Tuần Vũ, Lãnh Binh... vây quanh Hoàng cung.

Chánh tướng Lê Trung Đình và sau này, Nguyễn Thụy trong phong trào khởi nghĩa từ Văn Thân đến Duy Tân đã kéo quân vào chiếm thành

Quảng Ngãi, với dụng ý: "Chủng hoạn cứu nạn" theo kế hoạch:

"Nam bế, Bắc khai, Đông-Tây hợp,

Chấn-Đoài trực diện phá xuyên tâm".

Có điều lạ là khi nhà Nguyễn xây Hoàng cung, chủ đích để cho vua chúa ngang qua ngự giá. Nhưng từ đời Gia Long đến Bảo Đại vi hành qua Quảng Ngãi, chưa bao giờ bước vào Điện ngự. Từ đó, thiên hạ đồn rằng: - Hoàng cung nội thành Quảng Ngãi có yêu quái lộng hành.

Chuyện hai con yêu cửa Nam thành Quảng Ngãi, có người kể lại: Giữa lúc thành Quảng Ngãi đang xây, quân lính bắt phu sưu dịch, không cần biết khách qua đường hay là dân sở tại. Khi thấy hai chàng trai từ Bình Định mới ra, vừa vào trong quán nước bên đường, họ cũng bắt luôn.

Sẵn tiền lận lưng, hai chàng trai vội đưa hết cho tên đội suất coi phu, nhờ giúp đỡ. Không ngờ tên này lấy tiền rồi tránh mặt. Tên đội suất khác đến hỏi tiền, hai chàng phải tin về cho vợ mang tiền ra. Khi thấy vợ hai chàng đều ngon mắt, tên đội suất tìm cách rề rà, để có thời gian vớ được cả hai thứ.

Bất ngờ, viên lãnh binh đi tuần đêm quanh thành. Đến cửa Nam, soi đèn vào một túp lều tranh, bắt được hai nàng đem về trại tra hỏi. Tên đội suất biết thế nào rồi mình cũng bị lộ tẩy. Hắn chạy báo ngay với hai chàng trai Bình Định là vợ của họ vừa ra, đang bị hãm hiếp. Hai chàng chạy theo hướng chỉ của tên đội suất, đến lôi vợ ra và mắng nhiếc tên lãnh binh thậm tệ.

Vì bị sỉ nhục, tên lãnh binh rút gươm chém ngay hai chàng. Hai người vợ quá đau thương cũng đập đầu vào đá chết theo chồng.

Câu chuyện khủng khiếp bắt đầu trong đêm, kết thúc cũng trong đêm, tưởng chừng như chẳng ai hay biết. Nhưng ít lâu sau, khi cửa Nam thành đang xây, tự nhiên đổ sập xuống, làm chết nhiều người, trong đó có tên Đội suất.

Tên Đội suất lừa đảo ban đầu, nay yên tâm trở lại coi phu xây cất cửa Nam thành lần thứ hai. Cửa Nam thành vừa xong, sấm sét lại nổi lên đánh sập lần nữa. Tên Đội suất lừa đảo kia bị tàn phế suốt đời, không có thuốc nào chữa lành được.

Sau đó, tên Lãnh binh xuống trực tiếp đốc xuất công việc xây thành lần thứ ba. Ngay từ đêm đầu chuyển đến, y vừa nằm xuống đã thấy hai người

đàn bà đến đòi phải trả đầu cho họ. Ám ảnh đó đã làm cho tên Lãnh binh phải rời khỏi nơi này.

Về sau, một viên quan người Pháp đến. Hàng đêm, ông ta bí mật tới xem cửa Nam thành. Có người bảo - ông ta đi tìm vàng trong mã Hời - người khác lại nói - ông ta đi rình hai con yêu. Một hôm giữa trưa, viên quan Pháp đang ngồi xem sách, bỗng thấy hai người đàn bà hiện ngay trước cửa. Ông vội lấy súng ra thì họ biến mất.

Đến tối, trước khi đi ngủ, ông cũng thấy lại cảnh hồi trưa. Ban đầu là hai người đàn bà nọ, sau đó là hai con yêu. Chúng nhe hai chiếc nanh nhọn xốc ngay vào người ông. Không còn chủ động được nữa, hai tiếng nổ từ họng súng trong tay ông vang lên chát chúa. Tiếp theo là hai tiếng rú ghê rợn từ ngoài sân vọng vào.

Khi các vọng gác xung quanh, có người chạy đến, thì thấy hai tên lính tuần đêm đang quằn quại trên hai vũng máu. Viên quan Pháp tức tối đến cực độ, ông tăng cường lính bảo vệ, tuần tra có mật hiệu, cho xây thêm các ụ súng, sẵn sàng nhả đạn (kể cả hai khẩu Thần công đại bác trước Hoàng cung), khi thấy "hai con yêu" xuất hiện. Ông cho

san bằng miếu thờ, lập ngay trường bắn và đội kèn Tây túc trực thổi điểm giờ suốt ngày đêm.

Ông còn cho mở ngay con đường vòng cung ở cánh Nam ngoại thành từ cửa Tây sang cửa Đông (nay là đường Lê Đình Cẩn - Nguyễn Nghiêm - Bích Khê), để nhân dân đi lại, vì ban đêm Pháp đóng kín cửa Tây và cửa Đông.

Mọi đối phó của người Pháp đối với "hai con yêu" cửa Nam thành không kết quả. Ngược lại, bao nhiêu tai họa cứ liên tiếp xảy ra đối với bọn thống trị. Đến nổi có những tên lính mới đổi tới ngày trước, sáng sau đã bỏ trốn biệt xứ, bất chấp cả lịnh truy nã của triều đình. Vì vậy đã có lệnh phế bỏ cửa Nam thành Quảng Ngãi. Một cây đa sum suê trên thành cửa Nam lấp kín, người ta bảo nơi đây là chốn đi về, nghỉ ngơi của "hai con yêu". Mãi đến thời vua Hàm Nghi, hình bóng "hai con yêu" tự dưng đi dần vào lãng quên.

QUAN CHIẾU VƯƠNG

Người ta nhặt được một đứa trẻ lọt lòng quấn trong một manh chiếu, cách bờ sông Trà, gần chợ Cây Sung. Bà con đem nó về nuôi và đặt tên là "Bé Chiếu". Chiếu ăn nhiều, mau lớn. Nhưng càng lớn, càng khỏe, nó càng ngỗ nghịch, nhất là đối với những người "tai to mặt lớn" thời bây giờ.

Mùa bắp xong, nó rủ mấy đứa bạn chăn bò, chăn trâu, đi hun chuột đồng. Chuột đâu không thấy, chỉ thấy ngọn lửa bốc cao từ đống tre ngâm nhà ông Phú Hộ mới vớt lên, đợi làm chuồng heo.

Gia đình Phú Hộ đuổi bắt được đứa nhỏ nhất trong bọn, treo ngược nó lên cành sung trước ngõ. Chiếu bèn trở lại chịu thế chân cho bạn. Ông Phú Hộ tha thằng bé ra, đè cổ Chiếu đánh bốn chục roi nứt đít. Chịu đòn xong, Chiếu vô chợ, mua cháo lòng bà Bốn Mập, đút cho bạn ăn. Không có tiền, Chiếu cởi áo để lại.

Những cử chỉ hào hiệp, phóng khoáng thà chết chứ không bỏ bạn đó, đã làm cho lũ trẻ chăn bò, chăn trâu quanh vùng kính nể. Chiếu làm gì, bọn nó làm theo. Chiếu sai gì, bọn nó răm rắp tuân hành. Ban đầu thấy Chiếu, chúng nó vòng tay "bẩm quan" dần dần chúng nó "tâu vua".

Ông Phú Hộ đánh Chiếu sáng hôm đó, tối ngày hôm sau, đoạn đường trước ngõ nhà ông bị đào sâu xuống hàng thước, kéo dài cho tới nửa cây số. Ông Phú Hộ nổi mõ la làng xóm, bắt Lí hương sai tráng đinh lùng bắt cho được Chiếu. Nhưng không thấy bóng một đứa mục đồng nào lai vãng. Có người báo "lũ nó đang theo thằng Chiếu đắp thành, cách chợ xế về phía Tây Bắc chừng một dặm". Khi ông Phú Hộ dẫn gia đình tới nơi, thành đã cao gần lút đầu, đá cuội từ trong thành ném ra vun vút.

Nghe tin này, ông Cả Sáu lắm trâu ở gần núi Long Đầu, nhân đi Sa Cần có chuyện, ghé lại chợ Cây Sung tìm bé Chiếu. Nhưng hễ động tới ông "Cả", ông "Bá", là lũ mục đồng không cho Chiếu xuất đầu lộ diện. Cuối cùng, ông Cả Sáu phải lên chùa Thiên Ấn mượn áo cà sa mặc vào, Chiếu mới chịu ra tiếp kiến.

Không biết ông Cả Sáu nói chuyện thế nào mà

ít lâu sau, người ta thấy bé Chiếu lùa đàn trâu trên một trăm con lên núi Long Đầu.

Đúng là trên núi dưới sông. Sông thì chảy xiết quanh năm. Núi cứ đứng bóng tròn trong lòng sông. Ở đây tha hồ bơi lội, leo trèo. Chỉ buồn là:

"Quan cũng ta, vua cũng ta".

Lính là ngàn núi, quân là trăm trâu

Bạn bầu nay ở nơi đâu,

Sao không một đứa theo hầu bên ta?"

Vả lại, ngày nào cũng như ngày nào, chiều đến là phai đi rèo, đi đuổi từng con trâu. Có lúc quá nửa đêm còn ở trong rừng rậm. Bây giờ thì Chiếu đã luyện được con trâu đầu đàn rồi.

Cuối mùa đông năm nọ, một hôm tối mịt đàn trâu mới về chuồng. Tới cổng, con đầu đàn đứng nhìn quanh "ngá ngọ". Ông Cả Sáu vừa ra kiểm lại, thiếu mất hai con nghé.

Thấy Chiếu cứ bình chân như vại, ông Cả quát tháo nặng lời. Chiếu nói: "Tui ghét tên Phú Hộ ở chợ Cây Sung, hay chửi đánh trẻ con. Ở đây, ông cũng như ông Phú Hộ, tui xuống sông ở luôn dưới đó cho ông coi".

Ông Cả Sáu cầm chiếc roi cày xông tới: "Ừ, tao

cho mày tự tử". Vừa đúng lúc hai con nghé từ ngoài mới chạy về, con trâu đầu đàn đuổi ở phía sau. Ông Cả Sáu từ từ hạ chiếc roi cày xuống. "Ngá ngọ" hai tiếng nữa, đợi Chiếu khoát tay ra hiệu, con trâu đầu đàn mới vô chuồng. Bữa đó, ông Cả Sáu mới rõ tài luyện trâu của Chiếu. Ông nghĩ: "Hèn chi, lũ trẻ mục đồng ở chợ Cây Sung đều tôn nó cả "quan" lẫn "vua" là phải".

Còn một chuyện hệ trọng nữa mà ông Cả Sáu chưa hề biết - Đó là Chiếu vừa phát hiện phía dưới núi Đầu Rồng có một con thuồng luồng khổng lồ. Lúc đầu hễ thấy bóng người là nó rúc đầu vào hang. Về sau nó đã quen hơi, bén tiếng, hễ lúc nào nghe tiếng chân Chiếu đạp xuống nước là nó bơi ra khỏi hang đón mừng, rồi cùng nhau đùa giỡn trên sông tới tối mịt mới rời nhau.

Đúng vào một buổi mặt trời tròn bóng, thuồng luồng đang luyện cho bạn cách lăn sát đáy nước, mới vừa ngước lên để lấy hơi, Chiếu bỗng thấy sau đám mây đen hiện rõ một người cỡi diều giấy đang nhìn xuống.

Hắn ta hết sức bất ngờ về sự tao ngộ giữa "địa linh" và "nhân kiệt"! Lập tức lão đáp diều giấy xuống, gọi bé Chiếu tới nơi hỏi tên họ, làng mạc,

sông núi. Lão nhận rõ nét "chân mệnh Đế vương" toát lên từ khuôn mặt vuông, cặp mắt sáng, đặc biệt đôi lông mày rậm đen của bé Chiếu. Và, con thuồng luồng kia chính là con "Rồng" còn non, đang đợi hóa "Long".

Lão bèn đưa ngay cho Chiếu một lá "đạo phù" và bảo đem dán trên trán con thuồng luồng. Lão hẹn ba năm sau sẽ trở lại và bé Chiếu sẽ được làm vua. Cho đến khi diều giấy khuất vào mây, bé Chiếu cũng chẳng biết lão chính là Cao Biền.

Đúng ba năm sau trở lại, Cao Biền thấy lời tiên đoán của mình không sai. Nếu cứ đà này thì "chân mệnh" sẽ là "nhân vương". Thêm "rồng" hội nhập, sức mạnh sẽ là "vô địch". Như thế, mưu đồ đoạt trị Giao Châu của người Tàu chắc chắn thất bại. Vì vậy, lão buộc mình phải giở phép thần thông triệt diệt cả hai - địa linh và nhân kiệt cùng một lúc.

Sau khi toan tính, Cao Biền (vừa là viên tướng lĩnh, vừa là tay phù thủy) liền đưa hai lá "đạo phù", được luyện nhập vào hai thanh tre to như hai mái chèo không lồ, bảo Chiếu buộc hai bên mang Rồng, để sức cản của nước làm tung bọt sóng lên cao cho vui, cho đẹp trong lúc Rồng bơi lượn.

Chiếu bắt tay vào việc ngay. Đúng là khi Rồng lướt nhanh, nước sông Trà dậy sóng. Sóng nước va vào bờ, va vào ghềnh đá, gây thành những âm thanh vang động suốt dọc sông Trà.

Bé Chiếu càng thích thú, càng thúc mạnh hai gót chân vào hông Rồng. Rồng lồng lên cao, khi rơi mình xuống sông, bị thanh tre phía mang bên phải đâm thẳng bụng, bé Chiếu ngã xuống, thanh tre bên hông trái Rồng xuyên ngay đúng tim. Máu Rồng trong họng trào ra hòa cùng máu bé Chiếu loang đỏ khắp mặt sông. "Long mạch" đứt, máu thấm sâu vào "địa mạch" tạo thành một vùng thổ châu rộng lớn. Từ Long Dầu, Thiên Ấn, Châu Sa, đến hòn sỏi cũng đỏ tươi.

Xác bé Chiếu sau ba ngày nổi lên, bồng bềnh trôi về bến cũ. Những bà mẹ ngày xưa lại vớt bé lên, đem chôn dưới chân thành, chính tay bé Chiếu cùng với lũ mục đồng đã xây lên ngày trước. Từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc, bé Chiếu luôn được gần gũi với bạn bầu và bà con quanh vùng chợ Cây Sung.

Từ đó, xóm dưới làng trên, mọi người đều tôn bé Chiếu là "Quan Chiếu Vương". Và ai cũng vô cùng thương tiếc một cậu bé sinh động, luôn muốn

làm việc lớn, mong mình hiển đạt, để đền ơn trả nghĩa cho những người đã bỏ công nuôi nấng mình, từ những ngày còn đang quấn chiếu...

VUA NAM CHIẾU TRÊN BỜ SÔNG TRÀ KHÚC

Giai thoại có tính chất dã sử này kể chuyện bé Chiếu làm Vua (tức vua Nam Chiếu), sinh trưởng trên bờ sông Trà Khúc, đã cử binh đánh đuổi quân Tàu khỏi đất Giao Châu, nhưng một thời gian sau đó đã bị Cao Biền đời Đường dùng gươm vàng "Trăm Long Trà Khúc" đâm lưng rồng, yểm long mạch Đế Vương, nên vua Nam Chiếu đã bị bắt và bị chém.

Câu chuyện xảy ra khoảng năm 862 trên bờ Trà giang một buổi trưa hè cách đây hơn 11 thế kỷ thời Bắc thuộc lần thứ ba, đời Đường bên Trung Hoa (618 - 907) khi miền Ấn - Trà nằm trong địa phận Giao Châu (tên nước Việt Nam thời đó) khởi đầu bằng tâm sự của một cô gái nghèo:

TÂM SỰ NÀNG THIỆU KHÔI:

Như mọi ngày, nàng Thiệu Khôi vẫn quảy đôi gàu nan ra sông Trà gánh nước vào lúc đứng bóng. Gặp tiết trời nóng bức nàng cởi quần áo xuống sông tắm mát, chẳng ngờ từ nước sâu một con rái to lớn lạ thường nổi lên, bơi nhanh tới nơi. Thiệu Khôi hoảng hốt, chỉ vừa kịp bơi tới bờ thì đã bị rái cá vật ngã trên mé sông, rồi hãm hiếp.

Nghe tiếng kêu cứu, đám dân chài từ trong xóm đến, mang gậy gộc, xum nhau cứu Thiệu Khôi và đập rái chết ngay tại chỗ trong lúc nàng bất tỉnh.

Ngay đêm đó, khi tỉnh lại, nàng Thiệu Khôi trằn trọc suốt canh dài, từ đáy lòng bỗng dâng lên niềm xót thương rái một cách lạ thường.

Trời tang sáng, nàng Khôi quyết định lén ra bờ sông tìm và chôn xác rái ở một địa điểm kín đáo dưới chân núi Long Đầu.

Thời gian trôi qua, tình thương của nàng Khôi

đối với rái càng thắm thiết thêm, nhất là khi bào thai trong bụng nàng mỗi ngày thêm lớn.

Cuối cùng, Thiệu Khôi đành kể hết sự thực cho cha mẹ nghe, thú nhận tình thương của mình đối với rái. Nàng xin phép cha mẹ cho mang hài cốt rái về lưu giữ tại nhà sợ mùa lụt đến nước lũ sẽ cuốn trôi xác tội nghiệp.

Nghe kể lại câu chuyện, người cha tỏ lời khen ngợi đức tính nhân từ và chung thủy của con gái, tin tưởng rằng đứa cháu sinh ra sau này ắt là một quí tử.

Được phép gia đình, nàng Khôi lén đến chân núi Long Đầu, hốt tất cả xương rái, bỏ vào mo cau. Nàng bó chặt mấy lớp, gói kỹ hài cốt rái treo trên giàn để được gần chồng hàng ngày khi lo cơm nước.

Rồi một hôm, nàng chuyển bụng, nở nhụy khai hoa sinh ra một cậu bé kháu khỉnh, khuôn mặt giống mẹ, thân hình giống cha, được sự săn sóc của cả gia đình trong niềm vui chung.

Thế là một đứa bé tên Chiếu được chào đời trên bờ Trà Khúc dưới núi Long Đầu trong một gia đình chài lưới nghèo nàn.

Vừa tròn tuổi, cậu bé đã biết chạy, thích ngâm

mình trong nước, đặc biệt biết bơi lặn rất sớm. Có lần theo nàng Khôi ra sông Trà tắm, bé Chiếu đã bơi ra ngoài sâu, lặn mất, khiến mẹ bé phải khóc thảm thiết vì tưởng Chiếu đã bị chết trôi. Thì, bỗng từ nước sâu, bé Chiếu trồi lên, lén bơi sãi vào bờ, ôm lưng mẹ mà cười, khiến nàng Khôi vừa hốt hoảng, vừa mừng rỡ trước sự ngạc nhiên tột cùng của đám dân chài vốn giỏi nghề bơi lặn.

Từ đấy, tiếng đồn lan ra và mọi người bắt đầu chú ý đến cậu bé kỳ tài, con của Thiệu Khôi.

Cuộc đời bé Chiếu trải qua một thời thơ ấu nghèo khổ. Gặp năm bão lụt, mùa màng hư hại, gia đình quẫn bách, mặc dù rất thương con nhưng nàng Khôi cũng đành gạt nước mắt, để Chiếu đi ở chăn trâu cho một nhà giàu bên làng đặng có gạo nuôi sống gia đình. Năm ấy, Chiếu đã lên mười.

Thời gian chăn trâu, hàng ngày Chiếu đã tụ tập lũ trẻ con trong vùng bơi lội, hụp lặn, tối ngày chia phe đánh trận giả với nhau.

Lũ trẻ phục tài, tôn Chiếu làm Vua, thay phiên vòng tay làm kiệu. Chiếu chỉ huy, kiệu đến đâu thắng đến đó, tài đánh giặc nổi bật giữa đám đông.

Suốt ngày Chiếu rong chơi, bày binh bố trận, đánh vùi với nhau đến tối mới thong thả dẫn trâu

về (trâu của Chiếu đã có nhiều đứa thay phiên giữ suốt ngày).

Càng ngày bọn trẻ chăn trâu theo Chiếu càng đông đảo. Hàng ngàn đứa trong làng và cả xã lân cận đồng tôn bé Chiếu làm vua. Chúng dùng gỗ đóng kiệu, mời Chiếu lên ngôi, kiệu khắp nơi. Quang cảnh thật oai vệ. Tiếng đồn càng lan ra từ làng, xã, đến phủ, tỉnh cũng nghe tiếng.

HỘI NGỘ GIỮA BÉ CHIẾU VÀ TIẾT ĐỘ SỨ CAO BIỀN

Vào thời kỳ bé Chiếu nổi tiếng ở miền Giao Châu, thì ở bên Trung Hoa, Cao Biền nhìn sao Bắc Đẩu sáng ngời, chiếu rực về phương Nam, nên biết rằng ở phương này phát Đế. Cao Biền liền tâu vua Đường (618-907) xin qua Giao Châu tìm long mạch để trấn, ếm.

Sang Giao Châu với chức Tiết Độ Sứ, nhưng Cao Biền để hết thì giờ lo nghiên cứu địa lý và tìm long mạch.

Đến xứ Giao Châu, Cao Biền say sưa nhìn phong thủy khác lạ, long mạch phát Đế rất nhiều, nên động lòng thèm muốn hưởng miền đất này để xưng Vương. Hắn không lo ếm sớm các long mạch, mà bỏ thì giờ chu du khắp nơi ngoài dãy Trường Sơn, vượt đèo Hải Vân, lần vào phương Nam, quyết tìm cho ra long mạch phát vương ở đây.

Cuối cùng, Cao Biền đã tìm ra manh mối hàm

Rồng phát xuất từ miền Trà Kiệu, dẫn mạch lên núi Chúa. Cuộc đất này có chín hình long và thế đứng như chim Phụng Hoàng, nên gọi là Cửu Khúc Hồi Hoàn. Cao Biền lại tiến sâu về Nam theo chùm sao Bắc Đẩu.

Một ngày nọ, họ Cao dừng bước tại miền Ấn - Trà, ngạc nhiên về dòng sông Trà Khúc và núi Long Đầu. Nơi đây cũng có Cửu Khúc Hồi Hoàn và hàm Rồng sâu thẳm. Cao Biền tin chắc phải xuất hiện nhân vật kỳ tài, ông quyết định lưu lại địa phương.

Sau thời gian dò hỏi trong dân chúng và đám chăn trâu đông đảo, cuối cùng ông đã gặp được kỳ đồng Giao Châu tức bé Chiếu.

Cao Biền được Chiếu kể lại: - "Khi lặn xuống nước sâu ở sông Trà phía tả ngạn, sát núi Long Đầu, tôi thường gặp một con vật kỳ lạ: mình dài, có hai sừng, mũi to và hai mắt sáng lớn như vừng trăng. Tôi hay níu những sợi râu và có lúc ngồi trên miệng nó. Đôi khi tôi lấy hai chân tréo vào sừng nó đưa qua đưa lại..."

Nghe đến đây, nhà địa lý kiêm Tiết Độ Sứ Cao Biền mừng rỡ, vội hối Chiếu dẫn về nhà cha mẹ em.

Trong câu chuyện với gia đình, có mặt nàng

Thiệu Khôi. Cao Biền đề nghị nhận bé Chiếu làm dưỡng tử, cung cấp vàng bạc, phương tiện cho Chiếu ăn học, hẹn ba năm sau sẽ trở lại, đích thân dạy dỗ em trở thành võ tướng.

Ca gia đình vui vẻ nhận lời, tin tưởng rằng nhờ dịp may hiếm có này, Chiếu sẽ có một tương lai tốt đẹp đúng với ước vọng của nàng Thiệu Khôi.

Sắp đặt công việc xong xuôi, dặn dò kỹ lưỡng, Tiết Độ Sứ Cao Biền từ giã gia đình bé Chiếu trở về Trung Hoa, tâu lên vua Đường rằng đã ếm xong rất nhiều long mạch ở phương Nam để trấn an nhà Vua.

Sự thật, Cao Biền vẫn chưa ếm long mạch nào cả. Hơn thế nữa, hắn còn tính toán dùng bé Chiếu mưu chiếm cuộc đất Ấn - Trà, để thực hiện mộng Đế vương cho chính mình và giòng họ Cao.

MÔNG ĐẾ VƯƠNG CỦA CAO BIỀN KHÔNG THÀNH

Quả đúng ba năm sau, Cao Biền âm thầm trở lại Giao Châu với mưu đồ chiếm huyệt Hàm Rồng.

Tới nơi, việc đầu tiên là đến gia đình nàng Thiệu Khôi thăm bé Chiếu. Lúc này bé Chiếu đã lớn khôn, trở thành một thanh niên vạm vỡ, khôi ngô tuấn tú, tinh thông võ nghệ, binh pháp.

Cao Biền bàn với gia đình Chiếu về lới hứa năm xưa và cho biết cần tìm cho được hài cốt của cha Chiếu để có việc cần thiết quan trọng, rèn luyện thêm cho Chiếu cách làm tướng.

Khi Chiếu hỏi đến hài cốt cha, nàng Thiệu Khôi buồn bã kể lại câu chuyện năm xưa và chỉ gói hài cốt trong mo treo trên giàn bếp.

Lần đầu tiên Chiếu biết nguồn gốc của mình, ôm mẹ khóc nức nở và xin phép mẹ được trao gói

hài cốt của cha cho nghĩa phụ với hy vọng nhờ Cao Biền chỉ dẫn sau này thực hiện mộng làm tướng.

Một hôm đúng giờ ngọ, Cao Biền bí mật dẫn Chiếu ra bờ sông Trà, đưa thêm một gói khác nữa, dặn Chiếu phải lặn xuống sông, đến chỗ con thú kỳ dị mà Chiếu thường giỡn chơi hàng ngày, bỏ gói của Cao Biền vào miệng thú, riêng hài cốt của cha Chiếu nhất thiết phải treo lên sừng thú. Điều này rất quan trọng, nếu làm sai sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Mà làm đúng theo lời dặn, thì Chiếu sẽ trở nên danh tướng về sau.

Tuân lời nghĩa phụ, nhưng với ý riêng, Chiếu lặn sâu dưới nước, bơi ngay đến chỗ con vật, gặp lúc nó há miệng liền lấy gói hài cốt của rái (tức phân phụ Chiếu) bỏ vào miệng Rồng. Sau đó mới lấy gói riêng của Cao Biền vừa trao treo lủng lẳng trước sừng rồi nổi ngay lên mặt nước, giả trình với nghĩa phụ đã làm y lời dặn. Cao Biền không giấu được nỗi vui mừng cực điểm, nói với Chiếu rằng:

- Một năm nữa em sẽ làm tướng, danh lừng thiên hạ, ta để thêm tiền bạc cho gia đình, em tiếp tục cố gắng học hành thêm tinh thông binh pháp, chờ ngày lãnh ấn giúp Công Hầu.

Liền đó, tức tốc rời Giao Châu trở về Trung Hoa, lòng sung sướng vì tưởng rằng mộng Đế vương rồi sẽ thành.

NAM CHIẾU PHÁT VƯƠNG

Nhưng viên Tiết Độ Sứ kiêm nhà địa lý tài ba của nhà Đường đã thua trí của thiếu niên Giao Châu.

Từ ngày gạt được Cao Biền, bỏ hài cốt của rái vào miệng Rồng, mỗi ngày Chiếu phát thêm trí thông minh và có những hành động phi thường: tự lấy tre làm gươm, chém vật gì đứt vật ấy. Chém trâu, trâu đứt làm đôi, đốn cây rừng dễ như chém chuối.

Hiện tượng lạ lùng này đã làm [illegible] phủ huyện chấn động. Và từ đó dân chúng từ mọi nơi quy tụ về, tôn Chiếu lên làm Vua, xưng là Nam Chiếu, với nhiệm vụ đánh đuổi quân Tàu ra khỏi đất Giao Châu.

Chưa đầy một năm mà vua Nam Chiếu đã thống lĩnh hơn 50 ngàn quân, chia thành 8 đội ngũ chỉnh tề, hùng hậu. Quận Nam Chiếu tiếng tăm lừng lẫy, đánh đâu thắng đó, nêu cao cờ chính nghĩa dân tộc

chống xâm lăng, khiến quân Tàu kinh hồn khiếp vía.

Thừa thắng, vua Nam Chiếu đuổi hết quân nhà Đường ra khỏi Giao Châu, truy kích quân Tàu tận Quảng Đông, Quảng Tây.

CAO BIỀN SANG GIAO CHÂU LẦN THỨ BA

Về Tàu, Cao Biền chờ đợi ngày phát Vương để sang Giao Châu xưng đế. Bỗng nghe tin Quảng Đông, Quảng Tây lọt vào tay quân Nam Chiếu (khoảng 862). Vua Đường hốt hoảng, họp triều thần, đòi Cao Biền đến hỏi duyên cớ.

Viên Tiết Độ Sứ năm nào hiên ngang, nay toàn thân run rẩy quỳ tâu:

- Quả thật hạ thần có ếm, nhưng có lẽ long mạch vì quá mạnh và nhiều nên phương Nam Vẫn còn phát Vương. Nay thần xin tình nguyện lãnh sứ mệnh đánh dẹp quân Nam Chiếu. Xin bệ hạ cho thần đúc một lưỡi gươm bằng vàng dài 20 thước, rộng 2 tấc, dày 5 phân, để ém núi và chém Rồng.

Vua Đường y lời tâu. Cao Biền phụng chiếu, liền kêu thợ giỏi đúc một cái ấn hình bát quái trên khắc

đạo bùa bằng chữ đỏ: "Tọa ấn bình sơn" (đặt ấn làm cho núi có linh huyệt trở thành bình thường không thể phát Vương được nữa). Còn lưỡi gươm thì khắc đạo bùa với câu: "Trảm long Trà Khúc" (chém rồng ở sông Trà Khúc)

Thế rồi, năm 862, Cao Biền lại sang Giao Châu lần thứ ba, dùng phép thuật, lên đỉnh núi Chúa đóng ấn, ếm bùa Rồng Quảng Nam (Cao Biền dùng bùa Lỗ Ban Thiền Sư điều khiển âm binh và cỡi diều giấy bay lên núi Chúa).

Ếm xong ngọn núi Chúa, Cao Biền thẳng vào miền Ấn Trà, đến tận gia đình, nơi mẹ vua Nam Chiếu ở.

Nàng Thiệu Khôi xiết bao vui mừng, thành thật kể lại cho ân nhân, nghĩa phụ của Chiếu giấc mộng thứ nhất.

Nàng kể rằng: "Thấy con trai làm Vua, cha nó - Thần Rái - hiện về liên tiếp mấy đêm dặn dò ân cần tha thiết coi chừng lâm nạn. Bắc Đẩu xuống, nên Nam Chiếu rơi đầu, mẫu thân sát hại, đừng có tin ai mà phá long mạch...".

Cao Biền nghe câu chuyện, lạnh cả người, nhủ thầm: Có lẽ Thần Rái biết ý định của ta mà báo mộng chăng? Quả thật bé Chiếu đã bỏ hài cốt cha

nó vào miệng Rồng, phỉnh gạt ta, long mạch đã phát quá linh, nếu ta không ếm thì việc dẹp quân Nam Chiếu khó thành. Chi bằng, giờ mượn tay mẹ giết con rồi ếm long mạch luôn thể.

Nghĩ suy xong, Cao Biền giả vờ trả lời nàng Thiệu Khôi:

- Điềm mộng tốt đó, bà đừng lo, chỉ có vài cận thần phản, nhưng Nam Chiếu đã có người che chở.

Thiệu Khôi tỏ ý muốn cho Nam Chiếu biết trước điềm mộng để đề phòng. Cao Biền lại trấn an và nhân đó bày mưu sâu:

- Bà hãy mua cho tôi một chiếc thuyền mới, cho người khiêng để trên bờ sông ngay chỗ Thần Rái chết. Tuyệt đối giữ kín, chờ đến ngày rằm, tôi sẽ trơ lại chỉ cho cách loại trừ những cận thần để con bà được thoát nạn, duy trì được ngôi Vương lâu dài.

ĐÂM LƯNG RỒNG, VÔ TÌNH SÁT HẠI CON

Y lời hẹn, ngày rằm Cao Biền đến trao cho Thiệu Khôi một lưỡi gươm nhỏ trên có vẽ nhiều đạo bùa chằng chịt. Cao Biền lại bảo nàng mang lễ vật đi theo lên núi Long Đầu.

Đến lưng chừng triền núi Long Đầu, khoảng uốn cong ra sát Bà Trà (phía tả ngạn) nơi tạo ra hàm Rồng (cửu hồi hoàn chính mạch), Cao Biền chỉ cho nàng bày biện lễ vật, đọc thần chú ý lời dặn không sót một chữ, rồi đóng lưỡi gươm xuống lưng núi thì tính mạng cho vua Nam Chiếu sẽ được bảo vệ an toàn.

Tưởng thật, với lòng thương con không bờ bến, nàng Thiệu Khôi nhất nhất làm theo.

Khi lưỡi gươm dóng vừa lút cán, nàng hoảng hốt la lên, té xỉu xuống đất, máu từ lòng đất phun lên từng vòi thấm đỏ cả sườn núi.

Cao Biền biết mưu sát hại vua Nam Chiếu đã thành liền bỏ mặc nàng nằm đó, chạy bay xuống bờ sông Trà, đẩy thuyền con bơi ra giữa hàm Rồng, họa bùa, đọc chú, rồi đưa gươm vàng cắm mạnh xuống nước.

Dòng Trà đang màu xanh um trở thành đỏ ối, máu tràn nhuộm đỏ cả một quãng sông rộng. Sau đó, họ Cao dùng hết sức mạnh sẵn có phóng mạnh lưỡi gươm "Trăm Long Trà Khúc" xuống hàm Rồng.

Thực hiện âm mưu chém Rồng sông Trà xong, Cao Biền tức tốc dẫn quân tiến đánh Nam Chiếu.

THẦN RÁI BÁO TIN MẤT NGÔI

Đang hăng say chiến thắng giặc Tàu, bỗng một hôm vua Nam Chiếu ôm mình vật vã đau đớn và truyền lệnh ba quân dừng lại, lui về thế thủ.

Toàn thể tướng sĩ đều ngạc nhiên. Một tướng lãnh tâu:

- Tâu Vương đế, trong lúc quân ta đương hăng say giết giặc dễ như chẻ tre, tại sao Vương chúa không cho tiến đánh quân Đường?

Nam Chiếu không trả lời, cứ tiếp tục ra lệnh lui quân. Liên tiếp một tháng nhà Vua mê man, biếng ăn, biếng ngủ, như người mất hồn. Việc quân bê trễ, binh lính không người chỉ huy như rắn mất đầu, hàng ngũ dần dần rơi vào cảnh hỗn loạn.

Cho đến một hôm nghe Cao Biền cử binh mã tiến đánh, tướng sĩ tâu xin nhà Vua cho nghênh chiến. Nam Chiếu lắc đầu và than: "Vận ta đã mạt rồi, cần gì chiến đấu nữa?"

Các cận thần nghe vậy thất kinh đồng tâu:

- Chẳng hay Vương đế truyền vậy là có ý nghĩa gì?

Vua Nam Chiếu mở mắt lưng chừng mà rằng:

- Liên tiếp mấy đêm nay ta nằm mơ thấy cha ta - Thần Rái - hiện về báo mộng : "Mẹ ngươi giết nhà ngươi vì nghe lời Cao Biền, đã cắm gươm xuống lưng Rồng. Chính Cao Biền đã chém đầu Rồng giữa dòng Trà Khúc, nên ngôi Đế vương của ngươi bị mất. Nay mai ngươi sẽ bị họ Cao chém đầu - Ta đau lòng lắm!".

"Trọn ba đêm, cũng những lời nói trên vẳng mãi bên tai. Ta biết mình hết thời. Thôi các khanh tướng hãy cho giải tán binh lính về quê làm ăn sinh sống với vợ con, để ta ở lại đây chờ chịu chết..."

Nghe Vua truyền vậy, toàn thể tướng sĩ quỳ tâu:

- Chúng tôi từ ngày phò Chúa đến nay, sống chết có nhau. Bệ hạ đã từng đưa dân tộc khỏi ách đô hộ nhà Đường, đem giang sơn về chung một mối. Nay Vương sắp lâm nạn, chúng tôi nỡ nào bỏ đi cho đành. Một lần cuối xin Vương cho chúng tôi tiến đánh với quân Cao Biền, liều chết một phen.

Vua Nam Chiếu cảm động, chấp thuận cho quân tướng đánh trận cuối cùng và khuyên binh sĩ sau đó về nguyên quán làm ăn với gia đình. Vua tôi từ biệt, chỉ còn có ông Đội Hầu (ông này theo phò vua Nam Chiếu từ lúc mới khởi Vương nghiệp, được tin yêu cho hầu cận, nên gọi là Đội Hầu).

Vua Nam Chiếu có dặn rằng: "Sau khi ta bị chém, nhà người hãy mang đầu ta về quê quán mà chôn, nên chú ý một điểm: khi mang đầu ta đi, giọt máu thứ ba rơi ở đâu, thì chôn ta ngay nơi đó". Dặn dò xong, vua Nam Chiếu lên cơn sốt run rẩy nên Đội Hầu và mọi người vội khiêng nhà Vua vào cung.

PHÚT CUỐI CÙNG CỦA VUA NAM CHIẾU

Quân Cao Biền tiến đánh dữ dội. Quân Nam Chiếu thua liên tiếp nhiều trận (sự thật thì vua Nam Chiếu chỉ thuận cho đánh một trận rồi giải tán, nhưng vì quân sĩ quá trung thành nên quyết tâm chiến đấu lâu dài).

Kết cuộc, Cao Biền bắt được vua Nam Chiếu. Trước giờ hành hình, họ Cao hỏi Nam Chiếu:

- Nhà người đã không nghe lời ta, quyết chiếm mạch Đế vương, bây giờ trước khi bị chém đầu còn muốn điều gì?

Vua Nam Chiếu buồn bã nói rằng:

- Thôi ta đã mạt vận, nhà ngươi đã dối gạt mẹ ta và phá được mạch Đế vương rồi. Trước khi chết ta chỉ muốn một điều: cho người Đội Hầu này đem đầu ta về lại quê hương để mẹ ta trông thấy, chỉ

có bấy nhiêu lời, ta chết vì dân tộc ta, nhà ngươi cứ giết đi.

Cao Biền nghe Nam Chiếu nói vậy giật mình, suy nghĩ: "Việc ta chém đầu Rồng có ai hay biết đâu, thế mà Nam Chiếu lại rõ. Kể ra nó tài thật". Cao Biền y lời thỉnh cầu cua Nam Chiếu.

Giờ hành quyết đã điêm. Đầu vua Nam Chiếu rơi xuống lăn trên co, máu từ cô phun lên cao thành từng vòi, ngay Cao Biền cũng giựt mình kinh hãi.

Theo lời dặn, Đội Hầu quỳ xuống ôm đầu vua Nam Chiếu gói vào tấm vải điều, rồi lên đường quay về quê hương miền An - Trà.

Trai qua một cuộc hành trình lâu dài đầy mệt nhọc, vừa đến Cô Cò, làng Thanh Quít, thuộc Điện Bàn (Quang Nam) thì giọt máu thứ ba nhỏ ra. Đội Hầu nhớ lời vua, liền đào đất chôn Nam Chiếu ngay tại chỗ, dựng miếu thờ Vua ở làng giáp Nam Cổ Cò. Đội Hầu ở luôn tại đây, ngày đêm lo hương khói phụng thờ.

Riêng Thiệu Khôi, một chiều khi nghe con bị giết, nàng chết ngất, tỉnh dậy, nhớ lại sự việc đã xay ra, mới dần dần hiểu rằng Cao Biền đã lợi dụng mình để ếm huyệt long mạch phát Đế của Nam

Chiếu. Vô tình nàng Khôi đã giết đứa con thân yêu của mình và Rái mà không hay biết.

Kể từ đó, ngọn nước sông Trà chảy đến núi Long Dầu, xô vào mõm đá cuồn cuộn nổi sóng, có tiếng ồ ạt như Thần Long giỡn nước. Mùa mưa nước xối chảy ra đỏi ối (màu đỏ đất sỏi), nên dân địa phương bảo nhau đấy là máu Rồng, bị Cao Biền chém đứt đầu chảy ra.

(Nguyên trong NON NƯỚC XỨ QUẢNG
của PHẠM TRUNG VIỆT)

HẮC XÀ

Vùng núi thoai thoải trước mặt làng Vĩnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, có những bãi đá lô nhô, toàn một màu đen nhánh. Ai qua đây cũng thấy lạ, dán mắt vào đó. Bãi đá đen này đã thật sự gợi trí tò mò của con người bao nhiêu thế hệ về nét đặc biệt, cấu tạo địa chất toàn vùng về bãi đá này, cho đến nay vẫn còn lưu truyền một truyền thuyết:

Từ xa xưa, cả vùng này là biển. Dưới đáy biển có một con rắn to. Gặp ngư dân mắc nạn, rắn khoanh tròn lại như cái ghe thúng, đưa vào tới tận bờ. Còn đối với những thuyền giặc cướp từ ngoài biển vào, thì rắn lại trở thành tảng đá khổng lồ cứ va vào thành thuyền, làm cho thuyền gỗ gãy lái và phun nọc độc ra làm cho chúng phải tháo lui. Bà con xa gần kính trọng gọi là "ông Rắn" hay "Rắn Thần".

Vì đã nhiều phen quân lính thuộc quyền bị

"Rắn Thần" làm thuyền đắm, người chết không ít, nên Cao Biền ở từ xa đã đem lòng hồ nghi. Y dùng pháp thuật (bấm độn) biết "Rắn Thần" là oan hồn của những người phu bị quan cai trị thời Bắc thuộc lần trước, bắt lặn xuống mò ngọc, lấy của quí tận đáy biển, bị chết mất xác, nay kết tinh lại để báo thù.

Sau khi nắm rõ mọi hoạt động của "Rắn Thần", Cao Biền dùng tà thuật tha thuốc độc đúng dòng rắn đi. Và, y lấy bùa yểm ngay cửa hang rắn ở. Một mặt rắn uống nhằm thứ nước có lẫn độc dược. Mặt khác, rắn bị "linh phù" của y làm tổn thương đến can phế...

Trước khi chết, "Rắn Thần" quằn quại, óc ra nhiều cục máu bầm đen rải khắp một vùng. Dần dần về sau biến cạn thành gò, chỗ máu "Rắn Thần" rơi đọng lại trở thành bãi đá đen nhánh.

Người xưa cho "Rắn Thần" là "Rồng", nên có người gọi bãi đó là "Long Xà". Nhưng có người căn cứ vào màu đen nhánh của đá, thì quen gọi là "Hắc Xà".

HÒN NGHÊ

hay

(CON TRÂU NƯỚC HÓA ĐÁ)

Tục truyền rằng:

- Tại vùng đất ven sông chợ Mới trù phú ở Tịnh Hòa, có thời đã xuất hiện một vị tướng lĩnh đủ phép thần thông màu nhiệm, bảo vệ dân lành.

Ông thường cỡi trên lưng một con trâu nước to, hai sừng nhọn, chia ra trước như hai mũi giáo. Da nó đen nhánh như sơn.

Lúc nào có giặc cướp từ ngoài biển lén vào, vị tướng mới xuất binh nhập trận. Con trâu nước bơi đến đâu, thì bọn giặc ở đó chỉ còn là mồi ngon cho cá.

Bấy giờ nước ta đang dưới thời Bắc thuộc. Cao Biền gioi địa lý, lại có tài "hô phong hoán vũ". Tuy ở xa, nhưng y bấm độn biết được vùng đất này có

dấu hiệu chẳng lành cho nền thống trị "bất khả xâm phạm" của nhà Đường. Vì vậy, y lập tức tìm mọi thủ đoạn giết chết vị tướng.

Từ đó, người dân ở đây bị giặc cướp biển vào vơ vét, giết chóc, kêu trời, trời không thấu, kêu đất chi nghe sóng thét gào. Còn con trâu nước mất chủ, nó cứ đứng im tại chỗ nhìn ra biển cả, cho đến khi toàn thân hóa đá.

Ngày nay, hễ nghe ai hỏi về truyền thuyết "Hòn Nghê", các cụ già ở Tịnh Hòa, đợi khi nước thủy triều xuống mới chỉ tay ra mỏm đá ven sông Chợ Mới nói:

- "Chỉ còn con trâu nước đã hóa đá đó thôi".

LA HÀ THẠCH TRẬN

Thực hiện âm mưu bành trướng xuống phía Nam của nhà Đường - Trung Quốc, Cao Biền một lần nữa lại hạ diều giấy xuống ven sông Trà. Hắn mỉm cười nham hiểm trước mạch máu đỏ rỉ ra từ miệng Rồng. Cao Biền đến tận làng Vĩnh Sơn, ngạo nghễ ngắm bãi đá đen, nơi "rắn thần" trước kia đã chết vì tay hắn. Hắn không quên trở lại Tịnh Hòa, đích thân cưỡi trên lưng con Nghê đá của vị "Thần sông" để lại cho dân làng sau khi bị chính hắn sát hại.

Cao Biền chốt lại thật kỹ những kết quả mà hắn đã đạt được trước kia, trên đất "Núi Ấn - Sông Trà", rồi bắt tay vào nhiệm vụ mới, mà vua Đường đã giao cho. Hết xuống Châu Sa, lên Thiên Ấn, hắn lại vào Liên Chiểu, ra Hà Nhai... Qua mấy mươi ngày đêm, hắn vẫn chưa tìm ra nơi nào vừa ý.

Một buổi chiều tàn, mệt mỏi, con diều giấy đang trên cao, bỗng tụt xuống, Cao Biền bất chợt thấy

một luồng sáng kỳ lạ vụt lên. Hắn hãm diều chậm lại, hạ cánh, đặt địa bàn trên mặt đất, ngay nơi vừa xảy ra hiện tượng bất thường, rồi phá lên cười săng sặc, như vớ được vàng. Đúng là một địa cuộc! Một địa cuộc trời cho trên đất La Hà - mảnh đất xưa thuộc huyện Chương Nghĩa. Đông Nam có "Long Phụng". Đông Bắc có "Thiên Bút". Cách trung tâm "Cẩm Thành" vừa đúng tầm tấn công - đi chưa thấm mệt, chạy vừa lúc hăng.

Ngoài tài năng quân sự của mình, Cao Biền còn cậy vào sức mạnh tà thuật sẵn có. Hắn dùng đạo phù sai đá, thiến cây, bài binh, bố tướng thành một "trận đồ bát quái" tại đây. Nơi nào voi, nơi nào ngựa, súng thần công, đại bác đặt đâu? Quân lương, quân dụng đặt đâu? Muôn vạn tinh binh chủng loại nào nhiều ít, lớn nhỏ đâu đó, rõ ràng. Tất cả đều bằng đá. Nơi đỉnh cao là viễn vọng đài. Nơi đất trũng là hầm trú ẩn.

Đây là một "Trận đồ bát quái" tốn nhiều trí lực, công phu, minh chứng cho tài thao lược của Cao Biền, nên hắn đã dồn toàn bộ sức lực vào đó, không phai một tháng, một năm mà là công phu tu luyện cả một đời... Hắn tuyệt đối tin tưởng rằng với

"Trận đồ bát quái" này, hắn sẽ giáng một đòn quyết định, nuốt trắng Giao châu.

Sau khi sắp xếp đâu vào đấy, Cao Biền lại cưỡi diều giấy xem xét lần cuối. Hắn rất thỏa mãn về mọi bố cục trận chiến của mình. Có thể nó là "ăn chắc như gạo đồ vào nồi".

Chỉ còn cần thời gian để biến hóa (hư hóa thật, đá hóa người) nữa là đất Giao Châu sẽ nằm trong tay hắn. Cao Biền bắt đầu bày trò hưởng thú hoan lạc. Hắn cho bắt hàng trăm cô gái, rồi chọn một, trước là làm thiếp hầu, sau sẽ là "thần giữ của" cho hắn.

Cô gái được hắn chọn lần đó tuổi mới độ trăng tròn, thơ ngây. Nghe nói Cao Biền tài hoa, nàng rất tò mò, thích thú. Lụa là, gấm vóc ngọc vàng đã tôn nàng đẹp tựa Tây Thi, Điêu Thuyền. Cao Biền không chê nàng chỗ nào được. Nhưng có một điều đột biến, ngoài ý muốn của Cao Biền là hôm đó cũng chính là lần đầu tiên cô gái 16 thấy kinh.

Cao Biền muốn to ra mình là kẻ lớn, kẻ cao thượng kiêu "Tàu" xưa, nên vờ tỏ ra trân trọng điều bí mật thiêng liêng ấy của người con gái, mà đối với hắn, đã như "cá nằm trên thớt". Để bù lại sự sung sướng về nhục dục, hắn tự đền cho mình

bằng rượu ngon - một thứ rượu mà chỉ hắn mới có. Rượu đã say, tình chưa cạn, hắn nằm phơi bụng dưới cánh diều giấy mà hắn thường dùng như tấm màn dã chiến trên con đường "hoạn lộ" của hắn.

Đêm vắng. Trăng lưỡi liềm hé lên. Cảnh đá chồng đá, dưới bóng cây rậm rạp dập dờn, tranh tối, tranh sáng, đã đánh thức tâm hồn trong trắng, ngây thơ của người con gái. Chưa bao giờ mảnh đất quê hương nàng đẹp như hôm nay. Nàng rón rén bước qua người Cao Biền, trèo từ mô đá này sang mô đá khác, lên tận đỉnh cao của "Trận đồ bát quái".

Đúng giờ đã định, Cao Biền vùng thức giấc, định dùng tà thuật biến "hư thành thực, đá hóa người". Nhưng vừa đứng lên, hắn đã ngã quỵ xuống. Hư hoàn hư, không thể thành thật. Đá vẫn là đá - không bao giờ hóa được thành người. Phép thuật tà ma của Cao Biền đã vô tình bị phá tan tành bởi "uế khí" của người con gái đất Việt trắng trong. Mưu đồ xâm lược của hắn phút chốc biến thành mây khói. Cao Biền lồng lên, lùng sục khắp gốc cây, khe đá trên đất La Hà, nhưng không thể tìm ra bóng dáng nàng trinh nữ.

Một trận mưa đá đổ xuống, "trận đồ bát quái" quằn quại, chết đen vĩnh viễn trên đất La Hà. Trận mưa đá ngày càng to, càng dữ dội. Cao Biền

kinh hoàng, vội vã cưỡi diều giấy cao chạy xa bay, để lại cho người dân nơi đây trận cười dài qua bao thế kỷ. Hắn cũng đã để lại trên mảnh đất này một cái tên đầy hấp dẫn - "La Hà thạch trận".

LAY BAY NHƯ CAO BIỀN DẬY NON

Cao Biền từ phương Bắc xuống, qua Quảng Ngãi nhiều lần. Y nhận ra địa cuộc, nhân tài đất này đang trên đà tích phát.

Thực chất y là tên quan cai trị Bắc phương thời man dã. Cái thời mà người dân Quảng Ngãi xem y không hơn, không kém một tay "phù thuy" có đủ phép màu độc ác.

Mỗi lần y đến là mỗi lần Quảng Ngãi bị tổn thất về "địa linh" và "nhân kiệt". Qua truyền thuyết "Hòn Nghê", vị thần cởi con trâu nước ở vùng Tịnh Hòa, bị Cao Biền giết chết, chỉ vì sinh thời là vị thần đánh đuổi giặc ngoại xâm, trăm trận trăm thắng.

Trong truyện "Hắc Xà" bãi đá đen còn lại là vết tích sự tàn sát một con rắn thần, chỉ còn dân lành,

khi tàu giặc biển đi qua, hay lúc thiên tai bất kì xay đến.

Độc địa hơn là việc trảm "long mạch" ở Hàm Rồng trên sông Trà Khúc. "Bé Chiếu" và "con Rồng" đã bị y dùng tà thuật sát hại. Cuối cùng Cao Biền bài binh bố trận tại La Hà với mưu đồ cướp nước Văn Lang, nhưng uế khí người đàn bà đất Việt đã làm cho y tan vỡ mộng xâm lăng.

Vì vậy, Cao Biền hoảng sợ cỡi diều giấy bay vội về hướng Nam. Chưa qua khỏi địa hạt Chương Nghĩa. Y đã gặp một trận cuồng phong xoáy lốc từ lòng đất nổi lên bất ngờ, dữ dội. Tài năng tà thuật của y không còn điều khiển giữ diều thăng bằng được nữa. Chính cái ác của y gieo ra, giờ đây tự nó trèo lên, thôi tạt y chệch về hướng Đông Nam (nay là đất Long Phụng - Mộ Đức). Ông bà xưa kể lại cho cháu con rằng - "Cao Biền" đã chết vì trận cuồng phong này, sau khi y đã dỡ hết chân khí, sở trường của một tên xâm lược.

Các thầy địa lý của ta chê "Cao Biền" sai lầm khi cho bé Chiếu là "chân mạng" - Đối với trẻ mục đồng Chiếu vừa là "Quan" vừa là "Vua". Trong thực tế làm gì có chuyện đó. Bé Chiếu chỉ là "dự

báo", chứ đâu phải chắc chắn là tương lai Chiếu sẽ làm Vua?

Có người còn nhận định - "Cao Biền" chỉ thấy dòng lưu thủy Trà Giang nằm sát ngôi "Vương quyền" (Thiên Ấn), ám chỉ sự ngăn cách giữa "Quân Vương" và "sĩ khí", chứ y không thể biết được "chân mạng" đế vương của Quảng Ngãi không bao giờ tuyệt. Vì còn có câu: "Trà giang cửu khúc chuyển di địa tiền".

Dọc theo An Chuẩn - Kỳ Tân, An Mô - Long Phụng, xưa kia là cồn cát dài, có một cái gò nhô lên cao. Người ta nói đó là mả của "Cao Biền". Còn mả của "Quan Chiếu Vương" phía Bắc sông Trà. Mả Cao Biền ở cánh Nam Sông Vệ, là hai huyệt đạo xung khắc.

Người ta còn kể "Cao Biền" có nhiều đêm đã xuất hiện nguyên hình lên trên mộ, tức giận tay chỉ về hướng Châu Sa, thổi, thổi mãi lá đạo phù cho đến lúc toàn thân run bắn lên, trước hình ảnh Bé Chiếu trên ngai vàng chễm chệ. Y thất vọng ngã xuống, rồi tan biến. Đó là sự run sợ về những điều ác mà y đã làm. Vì vậy, nhân dân Quảng Ngãi mới có câu: "Lấy bẩy như Cao Biền dậy non".

TRUYỀN THUYẾT HÒN ÔNG

Sát bờ sông Trà Khúc về phía Nam, cách trung tâm Thị xã Quảng Ngãi chừng 4 cây số, nghiêng hướng Tây Bắc, có một quả núi đất nhỏ, thấp, hình dáng no tròn, xa trông như cổ tháp. Dẫn đến hòn núi này, có con giông cao không quá 10 thước, rậm rạp. Ngày xưa ở đây vắng vẻ, nổi tiếng là chặng đường nguy hiểm.

Theo thuyết "Phong thủy", hòn núi này tựa "trái châu", từ miệng "Rồng" nhả ra, cho nên có Long mạch tích tụ. Theo thuyết "Tân Bửu Địa" và dựa vào "Lý số", hòn núi nằm trên đường huyền cua cung "Thiên Bàn", làm trụ mốc thay thần bờ cõi của vùng Ấn-Trà.

Tổng trấn Nam-Ngãi vào đây chọn trái châu làm cứ điểm ổn cố quê hương, phát khai giòng tộc là thuận tình đại định của người xưa. Ông đứng trên trái châu mà định hướng "điếu dân phạt tội"

(vì dân mà trị kẻ phạm tội), với chủ trương: Tây bình, Đông trấn, Nam chinh, Bắc phạt.

Ngoài công tích "Sơn phòng trấn Man", ở Nam-Ngãi, Bùi Tá Hán còn tiến vào Phú Yên. Dấu tích ông còn lưu lại ở ngôi chùa trên núi là hai pho tượng gỗ mang ý nghĩa "Long thần định giáng", do vị Hòa thượng trụ trì chùa khắc để chốn thiền lâm.

Đang bình định ở Phú Yên, bỗng được tin trận Trịnh-Nguyễn giằng co khốc liệt, Bùi Tá Hán vì nghĩa cả anh hùng, quyết cử binh thần tốc ngày đêm ra Thuận-Quảng để giải nguy.

Khi ba quân khí thế đằng đằng tiến qua Quảng Ngãi, cũng là lúc Bùi Tá Thế đang bị các nhóm người Thượng chống lại quân Triều đình từ vùng nước cao xuống, uống máu ăn thề, sống chết phân công, Bùi Tá Thế đã hao quân, tổn tướng, mà không mở được đường máu.

Bùi Tá Hán vội dừng binh, bay ngựa thẳng tới Rừng Lăng, xuất hiện như giữa chốn không người, mặc cho bao tiếng hú gươm khua ngựa hý của đôi bên địch thủ.

Giữa cảnh khói lửa mịt mù, người và ngựa Bùi Tá Hán, không thấy đâu. Sau đó, người ta chỉ tìm

được một điêm huyết còn đọng lại và một mảnh nhung y của ông tại bìa rừng. Tương truyền rằng Bùi Tá Hán đã hiển Thánh ngay tại Rừng Lăng.

Câu: "*Nhân mã bất tri hà xứ khứ,*

Huyết y trường giữ thử bi lưu"

Tạm dịch:

"*Người lẫn ngựa đi đâu chẳng biết,*

Linh còn truyền điểm huyết áo nhung".

Đã in sâu vào lòng dân giả, khi nhắc đến công đức cua Bùi Tá Hán.

Chúa Nguyễn sau này cũng khen ông khi sống đã có lòng trung nghĩa, lúc chết lại được hiển linh. Ngoài việc lập đền thờ, phong chức "Thái Bảo", ông còn được gia phong "Khuông Quốc Tịnh Biên Thọ Đức Thượng Đẳng Thần".

Xuất phát từ lòng tôn kính thiêng liêng, bà con quanh vùng ghi nhận hòn núi đất thấp, nhỏ kia, được thêm vào chữ "Ông" để gọi là "Hòn Ông".

Và, khi nhân dân Quang Ngãi gọi "Hòn Ông" là đã tương nhớ đến công lao cùng sự hiển thánh của "Bắc Quân Đô Đốc Thái Bảo Trấn Quận Công Bùi Tá Hán".

HUY HA
XÍCH Y HẦU

Người ta còn tìm thấy hai pho tượng gỗ bên nhau, vị ngồi trên là Bùi Tá Hán, người đứng hầu bên phải là "Huy Hạ Xích Y Hầu". Vậy Huy Hạ Xích Y Hầu là ai? Tại sao lại được thờ chung với ông Tổ họ Bùi, tại nhà thờ ở Thu Phổ, xã Quảng Phú, thuộc Thị xã Quảng Ngãi ngày nay?

Huy Hạ Xích Y Hầu là người thuộc dân tộc Mường, ở Thanh Hóa. Họ "Cầm" (một trong 5 họ: Đinh, Quách, Bạch, Hoàng, Cầm) thuộc 5 châu: Thường Xuân, Như Xuân, Hôi Xuân, Lang Chánh và Ngọc Lạc. Năm châu này là căn cứ an toàn của quan cựu thần nhà Lê - Nguyễn Kim.

Khi Bùi Tá Hán nghe tin Nguyễn Kim phò Lê, ông liền tìm đến tận nơi tòng quân dưới trướng, được Nguyễn Kim trọng dụng cho ông quyền trông coi xứ Mường. Vì ngoài võ nghệ cao cường, ông còn

vô địch về tửu lượng, cả 5 châu Mường không ai địch nổi.

Tương truyền một hôm, nhân ngày lễ hội mùa, quan Châu mời Bùi Tá Hán đến chung vui với dân bản. Rượu ban đầu uống bằng tô, sau bằng còi. Vì lòng ham mộ tài năng, dân bản ai cũng muốn được tận tay đưa còi rượu mời ông. Không thể kẻ trọng người khinh, nên ông không từ chối một ai.

Đến lúc mọi người có mặt đều say mềm, nghiêng ngửa ra sân, ông vẫn bình tĩnh tiếp tục đón khách. Vò rượu mới vừa khui, vài cụ già từ xa vừa tới, bỗng dạt ra một bên, nhường chỗ cho một chàng Mường trẻ bước đến, ngang nhiên chận tay Bùi Tá Hán hỏi:

- Ông uống rượu không biết say, võ nghệ của ông có được như uống rượu không?

Nghe chàng Mường trẻ hỏi xăng xái, ông trả lời nhẹ nhàng:

- Rượu uống đã biết rồi, chứ võ nghệ đã thử đâu mà biết?

Chàng Mường vừa cười hố hố, vừa thách thức:

- Thì thử...

Bùi Tá Hán tức khắc đứng lên, hai người cùng

nhảy xuống sân quần thảo nhau một hồi lâu. Chàng Mường liệu thế không xong, bèn nhào vô, định xốc ngã ông xuống đất. Nhưng ông hạ tấn, hai chân trụ chắc như cây mọc rễ. Chàng Mường trẻ mồ hôi đổ ra như tắm mà không chuyển lay nổi, đành nhún mình vọt qua rào cây, mất hút giữa rừng đêm.

Bùi Tá Hán vẫn bình thường, vừa bước lên khỏi thang, quan Châu đã đón sẵn mời mọc. Ông lại tiếp những còi sừng đầy ắp rượu. Qua tâm sự của quan Châu, ông biết rõ - cô con gái của quan Châu vừa độ tuổi trăng tròn, rất nhiều chàng trai ngấp nghé. Nhưng hiềm vì trong Bản có một tên Mường ngang ngược, tuyên bố: "Nếu ai muốn hỏi đứa con gái xinh đẹp của bản Mường này, hãy bước qua xác ta, mới vào tới cổng quan Châu được". Đó là điều buồn phiền mà hôm nay quan Châu phải nhờ đến Bùi Tá Hán.

Bùi Tá Hán xem việc loại trừ những kẻ ngang ngược, bất chấp cả luật lệ, phong tục của bản làng xưa nay cũng là việc an dân cần thiết. Ông bằng lòng chấp thuận ngay.

Vừa sáng, quan Châu cho gọi tên Mường phá phách kia đến. Thì ra... đúng là anh chàng Mường

tre đêm hôm qua đã đọ sức cùng ông và bỏ chạy. Ông định dùng lời hơn lẽ thiệt khuyên bảo, nhưng chàng ta vẫn không chịu thua.

Suốt hai phần buổi, Bùi Tá Hán để cho chàng Mường tung hoành ngang dọc: cưỡi ngựa, bắn cung, đấu kiếm... Đến quá trưa chàng Mường mới chịu giơ hai tay lên trời, quỳ xuống xin tôn Bùi Tá Hán làm thầy và mong được ông chỉ dạy.

Gia đình quan Châu vô cùng hỉ hả và thưởng cho Bùi Tá Hán một con ngựa quí nhất của mình. Sau này con ngựa đó trở thành con "Thần mã" đã giúp ông trong trận chiến sử Rừng Lăng. Ông cảm tạ quan Châu và dân Bản, đưa chàng trai Mường đã được thuần phục về ban doanh, ra mắt Nguyễn Kim.

Chàng trai Mường, ngoài việc được tuyển chọn vào đội tiếp tế lương thực, quân nhu trên các vùng sơn cước, còn được xem như một cận vệ trung thành của Bùi Tá Hán.

Trương truyền, vào một đêm mùa đông, sau khi Nguyễn Kim tìm được con cháu nhà Lê là Lê Ninh, tôn lên làm vua, Nguyễn Kim triệu tập toàn bộ tham mưu họp bàn kế hoạch đem quân về Thăng Long. Đến khi mãn cuộc bước ra, các tướng lĩnh

vẫn thấy chàng trai Mường kia tay cầm đoản đao đứng gác, với bộ đồ vải màu chàm phong phanh. Nguyễn Kim động lòng cởi chiếc áo dạ hành, màu đỏ thắm khoác lên người chàng để chống đỡ phần nào cái rét cắt da. Từ đó "Huy Hạ Xích Y hầu" (người hầu mặc áo đỏ trên ban), đã trở thành cái tên quen thuộc với mọi người bấy giờ.

Nguyễn Kim qua đời, Huy Hạ Xích Y Hầu vẫn bên cạnh Bùi Tá Hán, theo Trịnh Kiểm, giữ vững ngọn cờ Cần vương "phò Lê diệt Mạc". Về sau, Bùi Tá Hán vào trấn thủ Nam-Ngãi. Trên đường vào Phú Yên, đến trú quân tại một ngôi chùa cổ trên núi, vị Hòa thượng trụ trì thấy Bùi Tá Hán và Huy Hạ Xích Y Hầu tài ba khác chúng, tướng mạo khác người, đã khắc nên hai pho tượng gỗ nói trên.

Đến thời Lê Hiến Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), có quan Đô Ty người quê ở Hòa Vinh, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi, đến cai trị Phú Yên, lên chùa viếng cảnh, bất chợt thấy hai pho tượng, ông bèn xin nhà chùa đem về Quảng Ngãi để phụng tự. Nhà chùa thuận ý ngay, bởi lẽ, Hòa thượng trụ trì chùa trước lúc viên tịch có nói: "Sau này ai là người đầu tiên xin di thỉnh, thì hãy bằng lòng...".

CÁ ONG

Dẹp yên các nhóm người chống lại quân Triều đình Bùi Tá Hán liền mở rộng vùng trấn qua đò Bẻo, đò Lâm lên miền Thượng nguồn Sơn Hà. Sau khi ổn định xong từ Sơn Linh (Gò Da) xuống đến Ruộng Khay, ông mới cho kết bè nứa về xuôi.

Có điều là khi quân lính đang chống chèo rầm rộ, bỗng người ta phát hiện có hai con cá tuy còn nhỏ, nhưng trên lưng gáy đỏ như mồng gà, mắt sáng như có ngọc, toàn thân vàng chóe, trông rõ nhất là khi gặp mưa lũ tối trời.

Cặp cá lạ cứ bơi trước mũi bè, tạo thành hai vệt sáng, như để dẫn đường cho đoàn quân của ông vượt qua ghềnh thác. Lúc bình lặng chúng lại lững lờ lượn hai bên hông bè đớp sóng, làm cho những người trên bè vui mắt, vơi bớt mệt nhọc. Có vài chú lính trẻ lấy sào đập đuổi giỡn chơi, chúng cứ quẫy đuôi theo mãi cho đến khi bè cập bến.

Từ đó, dọc sông từ Ngân Giang, Lộc Thọ đến Trường Xuân, Long Đầu, cặp cá cứ quẩn quanh lên xuống. Ban đầu ai thấy cá ngon lành cũng muốn tìm đủ mọi cách để đánh bắt. Có hôm, chúng sa lưới cua hai vợ chồng chài nghèo ven sông. Nhưng đến lúc gần như cầm chắc trong tay, thì búng một cái nhẹ, ca đôi cá vượt ra sông biệt tăm.

Một trưa hè nóng bức, Trấn Quận Công xuống sông tắm, hai con cá đã chực sẵn. Lúc ông vượt ra xa, chúng theo sát như đã bơi cạnh chiếc bè xuôi ngày nào. Đứng trên bờ nhìn xuống thấy rõ hai vệt sáng như mạn lưới bao bọc quanh người.

Khi lên bờ quay lại, Trấn Quận Công còn thấy cặp mắt cá dõi theo lúc lâu, rồi mới lặn khuất dưới dòng xanh. Ông hạ lệnh cho mọi người "bất khả xâm phạm" đến cặp cá vàng.

Không phai chi vì lệnh của Trấn Quận Công, mà còn vì cặp cá vào đúng lưới chài nào, rớ vó nào, thì người đó ca năm được mùa, đánh cá no đủ, nên không một ai có ý định đánh bắt cặp cá.

Cặp cá lượn quanh bờ xe nào, bờ xe đó ít gãy trục quay, ít lệch bánh... Năm nào cặp cá vào phía trong bờ xe, là năm đó có lụt lớn. Bà con hai bên bờ sông Trà lo dỡ bờ xe sớm để tránh thiệt hại.

Đến mùa lũ lụt, cặp cá dựa theo bè gỗ nào, thì hình như bè đó không trôi thẳng, mà cứ bình thường trôi tấp vào bờ, nếu không ở phía trên cầu Trường Xuân, thì cũng ở phía trên cầu Trà Khúc. Bà con đi vớt củi lụt được nhờ vào nguồn lợi này.

Đã một thời người dân vùng đất Bùi Tá Hán trấn giữ, truyền lại cho nhau: "Trên bờ công đức của ông tiếng tăm lừng lẫy bao nhiêu dưới sông cặp cá vàng của ông linh ứng bấy nhiêu".

Từ khi Bắc Quân Đô Đốc Thái Bao Trấn Quận Công Bùi Tá Hán hiển thánh, cặp cá Ông kia cũng biến đâu, không ai còn thấy nữa.

Đến cái chết của Trung Đẳng thần Bùi Tá Thế không ai rõ nguyên nhân, nhưng truyền thuyết lại gắn liền vào cặp cá Ong cho biết: Trong một trận giao tranh gần Rừng Lăng, Bùi Tá Thế sa cơ. Nhảy xuống sông Trà Khúc, cặp cá nọ đã nôi lên, kèm xác Bùi Tá Thế theo dòng xuôi ra biên lớn, rồi trôi dạt vào một hòn Đao, nay cho là đảo Lí Sơn.

Dựa vào đó, người ta đồn là mộ của ông Bùi Tá Thế ở Lí Sơn. Sự thực thì đã có người ra Lí Sơn

tìm hỏi mộ Bùi Tá Thế, nhưng cũng chẳng biết đâu!

Bùi Tá Thế mai một với thời gian, cũng như một thời dân chài đảo Lí Sơn còn có người thấy cặp cá Ông lượn lờ ven đảo.

COP ÔNG

Khi Chiêm Thành cai quản đất này, nghe nói trên núi Hó (Thiên Ấn), có năm con Cọp đi tu. Lúc Chiêm Thành bị diệt vong, còn ba con cọp. Đến thời ông Bùi Tá Hán trấn giữ, chỉ còn có một con cọp màu đen. người ta thường gọi con cọp này là "Cọp Ông"? Câu chuyện bà con vùng quanh núi Hó kể lại như sau:

Hồi ông Bùi Tá Hán vào trấn tại "Hộn ông", ông vẫn dùng đỉnh cao Thiên Ấn làm tiền đồn, quan sát vùng đồng bằng Sơn Tịnh, Bình Sơn và ven biển từ Cổ Lũy tới Sa Cần. Thời gian ở đây, Bùi Tá Hán đã thu phục được cọp đen. Lần nào ông đến, cọp cũng đón ngay từ dưới chân núi. Lúc nào ông đi, cọp cũng đưa ông xuống khỏi khe nước ở lưng chừng núi.

Một hôm Bùi Tá Hán từ phía Tây Quảng Ngãi về, người ngựa đều mỏi mệt. Cọp đón ông, ông vuốt nhẹ đầu

cọp mà rằng: "Nếu trời cho ta đuổi xong giặc, ta sẽ phong cho ngươi làm "Thần Hổ". Cọp đen quỳ xuống trước mặt ông, gật đầu ba cái, rồi phóng nhanh lên đồi tranh, giữa tiếng chuông chùa Thiên Ấn ngân vang.

Trời chẳng chiều người. Sau ngày "Trấn công Bùi Tá Hán" hiển Thánh tại rừng Lăng, cọp đen không bao giờ được phong "Thần Hổ", nhưng chẳng ai còn thấy bóng cọp đen xuống chân núi uống nước như thường khi. Thế mà đêm đêm, tiếng cọp vẫn gầm vang đỉnh núi. Người ta cho đó là tiếng khóc của cọp đen, tiếc thương người đã vắng.

Mãi đến thời Tả Quân Lê văn Duyệt, nhận sắc chỉ của Vua Gia Long vào trấn an ở "Tập Lãnh Hoàng Trung". Tả Quân hết sức khó khăn trước sự chống phá liên tục của người Thượng từ trên vùng Cao đồ xuống. Lê Văn Duyệt nhiều lúc đành chịu bó tay. Ông đã tìm đủ mọi cách để thu phục lòng dân, nhưng các nhóm người Thượng chống lại quân triều đình, đã cắt huyết ăn thề. Họ thề chết, chứ không nghe lời ông Duyệt.

Hồi đó, các dân tộc phía Tây "Tập Lãnh Hoàng Trung" có phong tục là kiêng, không một ai dám đa động tới vị "chúa tể sơn lâm". Người nào bẫy

được cọp, mà họ biết được, thì người đó phải ăn cho hết thịt, nếu không, phải chịu phạt trâu cho làng. Sau này, tục lệ được giảm nhẹ hơn - Người săn được cọp, phải ăn hết một xâu lòng, chiều dài của xâu lòng, đo từ miệng đến chân.

Nắm được điểm yếu của phong tục người Thượng, Lê Văn Duyệt hạ lệnh bao vây quanh núi Hó (Thiên Ấn), để bắt cọp đen mà một thời nó đã được ông Bùi Tá Hán thu phục. Ông Duyệt tính đến chiến pháp "đánh vào tâm lý" đối phương. Sau một thời gian bị săn đuổi, con cọp đen kia sa vào lưới cua quân lính Lê Văn Duyệt. Cọp đen, một loại cọp hiếm thấy. Đối với phong tục người Thượng thì hết sức kiêng kị loại cọp này.

Bắt được cọp đen rồi, Lê Văn Duyệt cho quân bí mật đưa cọp lên "Tập Lãnh Hoàng Trung". Sau đó ít ngày, khắp núi đồi nương rẫy nghe tin: "Chúa tê sơn lâm" đã tự ra khỏi rừng, nạp mình cho Tả Quân Lê Văn Duyệt. Ông Duyệt đang xẻ thịt "chúa tê sơn lâm" khao quân, trước giờ xuất trận.

Nghe được tin dữ, các nhóm người Thượng chống lại quân triều đình hoảng sợ, bỏ cung tên, dáo mác, chạy hết vào rừng sâu. Nhờ thế, "Tập Lãnh Hoàng Trung" thắng lợi. Khi được Vua Gia

Long thưởng công, Ông Duyệt tự nhận thấy trong chiến công mình, có cả cái chết của con cọp đen Ông Bùi Tá Hán. Để tưởng công, Ông Duyệt gọi con cọp đen đó là "Cọp Ông".

TRUYỀN THUYẾT VỀ ĐẢO LÝ SƠN

Năm ấy, trời nắng hạn kéo dài, rẫy lúa, rẫy bắp khô vàng, chết trơ dưới bầu trời hầm hập như trong lò lửa. Đất khô khốc nứt nẻ. Rừng như vừa qua một trận cháy lớn. Mắt già làng chưa bao giờ thấy, tai già làng chưa bao giờ nghe kể về hạn hán như thế này.

Làng Tali TaLót đã hết sạch cái ăn, phải vào rừng sâu đào củ mài, hái lá cây ăn cầm hơi. Con heo, con gà, con chim, con sóc trên rừng, con ốc, con cá dưới suối, cỏ cây ăn được mỗi ngày một hiếm dần. Những người già yếu sức, trẻ nhỏ sống thoi thóp, có người đã chết. Dân làng Tali Talot đang sống trong nỗi kinh hoàng, chờ sự trừng phạt của thần linh. Nhưng chủ làng Tali Talot là Đoong Đác Tố biết rõ nguyên nhân:

Đã bao mùa trăng rồi, Thần Nước không cho nước bay lên trời, nên không hạt mưa nào rơi

xuống cạ. Cúng trâu rồi mà trời vẫn xanh thăm không một hạt mưa. Ngày cũng như đêm, Đoong Đác Tố suy nghĩ mãi mà vẫn chưa tìm ra cách gặp Thần Nước để xin cứu dân làng.

Một hôm Đoong Đác Tố đang ngồi bên bếp đăm chiêu suy nghĩ, miệng ăn hết miếng trầu này đến miếng trầu khác. Một già làng đến nhà, sà xuống bên cạnh, nói:

- Đoong Đác Tố; Baba, con trai Thần Nước, đêm nào cũng lên vui chơi ở con sông Rabua. Ta nhờ nó được không?

Như một ánh chớp trong đêm tối, Đoong Đác Tố liền nảy ra một kế hay. Mắt ông sáng lên, khuôn mặt rạng rỡ ra. Ông bảo già làng:

- Ông hãy bảo các bếp trong làng vào rừng sâu, lên núi cao hái thật nhiều những cây thuốc độc về trộn với đất sét. Chúng ta sẽ thả thuốc độc xuống sông để giết con ba ba của Thần Nước, buộc Thần Nước phải lên nói chuyện với ta.

Thoáng một cái mà dân làng đã biết hết. Họ mang atêu, mang gùi vào rừng. Dân Tali Talot ném thuốc độc xuống sông Rabua. Ba ba, con trai của Thần Nước và các loài cá của lão chết phơi bụng trắng cả dòng sông. Nghe tin con trai chết, Thần

Nước đùng đùng nổi giận nhưng không thèm lên nói chuyện, chỉ cử người lên gặp Đoong Đác Tố đòi đền mạng con trai và thần dân của ông ta. Người của Thần Nước hiện lên ở sông Rabua nói to cho làng Tali Talot nghe:

- Hỡi Đoong Đác Tố! Hỡi lũ làng Tali Talot! Hãy dâng cho Thần Nước bảy con cá vàng, bảy cái chiêng to bằng con voi và bảy con gà lông cổ trắng để đền mạng cho con trai và thần dân làng Thần Nước.

Tiếng nói của nó dội vào vách núi cao, trở về ngọn đồi thấp, âm vang cả thung lũng Rabua và đến tai lũ làng Tali Talot. Đoong Đác Tố thả xuống sông bảy trái bầu khô đựng nước, bảy cái chiêng đan bằng nứa và bảy con gà đen chột mắt.

Thần Nước giận điên người, cho rằng Đoong Đác Tố hỗn láo, dân Tali Talot không sợ quyên uy của mình. Lão lại cử gà trắng lên đòi những cống vật như trước. Gà trắng đập cánh bên bờ sông Rabua gáy te te nói:

- Hỡi Đoong Đác Tố! Hỡi dân làng Tali Talot!...

Nhưng gà chưa dứt tiếng gáy đã bị dân làng đập chết và làm thịt ăn.

Thấy gà trắng đi không về, Thần Nước lại sai mang lên đòi cống vật. Nhưng con mang vừa tác một tiếng cũng bị dân làng bắn chết và xẻ thịt đem chia cho các bếp.

Lần này sông Rabua nổi sóng. Thần Nước kéo binh tướng, vũ khí tua tủa, dàn quân khắp dòng sông trước làng Tali Talot. Đoong Đác Tố và dân làng cũng giáo, ná trong tay, đứng đầy bờ sông Rabua.

Vừa thấy chủ làng Đoong Đác Tố, hai mắt Thần Nước lồi ra đỏ như hai đốm lửa, miệng gầm lên dậy sóng Rabua.

- Đoong Đác Tố! Sao mi dám cho dân làng giết con trai ta, giết gà trắng, giết cả mang cüa ta! Lũ làng Tali Talot phải trả nợ này bằng máu.

- Tôi muốn hỏi Thần Nước, tại sao suốt mùa rẫy này lão không cho một hạt mưa. Cây lúa, cây bắp cháy khô, không còn cái ăn cho mùa đến. Làng Tali Talot này sẽ chết. Chúng tôi đòi nước.

Thần Nước không trả lời, hô quân hò reo lao tới tấn công Đoong Đác Tố. Một khúc sông Rabua ầm vang, Thần Nước vùng dậy tấn công Đoong Đác Tố. Thần Nước hóa mây ùn ùn bay về bao phủ núi

rừng, che mắt kẻ thù. Đoong Đác Tố hô gió thổi mây tan đi. Thần Nước hô mưa đổ xuống như đá dội vào lũ làng Tali Talot. Đoong Đác Tố lại phun lửa thổi mưa đi. Thần Nước gọi hết thủy binh còn lại tham gia chiến trận. Bầu trời sông Rabua năm ấy tối tăm hỗn độn và mịt mù. Đất đá, cây rừng ngã nhào xuống sông tấn công thủy quái. Gió rít và nước gào...

Đoong Đác Tố lấy giáo bay đến đâm Thần Nước nhưng lão tránh khỏi. Lưỡi giáo lao vào núi, núi đá vỡ toang và sập đổ. Thần Nước dùng gậy thiêng đâm xuống đất. Mặt đất rung chuyển và vỡ tung ra, nước phun lên cuồn cuộn, cuốn tất cả đi. Đất làng Tali Talot trôi xuống sông Ta Ít, chảy ra sông Riềng, lao xuống sông Tang, xuôi về sông Trà Khúc và trôi ra biển cả.

Mưa gió tan dần, nước rút hết. Mặt trời hiện ra rực rỡ, soi sáng mọi vật và cây cối. Người Tali Talot hoàn hồn và thấy mình đang chơi vơi giữa bốn bề sóng nước mênh mông, xa lạ.

Ngày nay những tảng đá khổng lồ chông chênh bên dòng sông Rabua, những đồi núi nhấp nhô vùng cao Trà Bồng là dấu vết của trận giao tranh

dậy trời năm xưa giữa Đoong Đác Tố, dân làng Tali Talot với Thần Nước để giành giật hạt nước cho sự sống. Và phần đất làng Tali Talot trôi dạt ra biên là hòn cù lao Ré bây giờ.

(Trích TRUYỆN CÔ CO của VŨ HÙNG)

Nxb. Đà Nẵng 1992

HỔ VỒ ĐƯƠC VƠ

Tiếng đồn ở xã Liên Chiểu, thôn Kim Giao, tổng Cam Đức, huyện Mộ Hoa xưa có người con trai của ông Trần Văn Giáo, sức mạnh hơn người, văn hay, chữ giỏi, nhưng cha mẹ lại chết sớm.

Giữa thời Lê - Trịnh đàng ngoài, cũng như chúa Nguyễn đàng trong, ngày càng suy đồi, bạo ngược, người con trai ông Giáo ngao ngán trước thời cuộc. Anh bèn rủ bạn bè săn bắn cho khuây khỏa.

Một hôm chẳng may, trên đường đuổi theo con mang, anh bị lạc sâu vào vùng núi "Sa Lung", chỉ có cây cối um tùm và thú dữ. Đến cạnh bờ suối nước trong, anh định xuống rửa mặt cho mát, bỗng thấy phía bên kia suối xuất hiện một cụ già, râu tóc bạc phơ, đuổi theo sau là một con hổ vằn vện dữ tợn.

Ban đầu anh tưởng là con hổ vồ ông già. Nhưng khi ông già ngã ngửa, con hổ chồm tới, lập tức hai

chân ông đạp thẳng, con hổ nhào lui. Ông già tung người đuổi theo... Bấy giờ anh lại nghĩ là ông già đánh hổ. Về lâu sau, thấy hai bên quần thảo nhau, anh mới nhận ra là ông già đang "giỡn hổ".

Vừa lạ lùng, vừa kính phục, đợi đến khi ông đuổi con hổ chạy vào rừng xanh, anh mới đến gần xin bái kiến. Sau tìm hiểu tung tích ông già, anh vội sụp lạy và xin được thụ giáo.

Ông già đó là Diệp Đình Tòng, quê ở Vĩnh Thạnh (thuộc Tây Sơn tả đạo). Là võ sư làm quan trong quân đội thuộc quyền chúa Nguyễn, vì bất bình lỡ tay đánh chết viên tri huyện, sợ can tội sát nhân, nên ông dẫn gia quyến đến núi Sa Lung trú ẩn. Dần dần vợ con ông chết hết vì sơn lâm chướng khí, chỉ còn trơ trọi mình ông. Thú vui duy nhất của ông là "giỡn hổ", có chết với hổ cũng còn hơn sống cô độc khi tuổi về già.

Ông Tòng chấp nhận anh là học trò. Vài hôm sau, anh cáo từ về nhà sắp xếp tư trang, chuẩn bị sách đèn, để lên thụ giáo. Ở đây, thầy trò tự làm ăn nuôi sống, không gây phiền lụy đến ai. Chẳng bao lâu, anh đã học xong thập bát ban võ nghệ. Riêng môn đại đao là ngón sở trường, anh học rất thuần thục.

Qua ba năm rèn luyện, anh thành tài. Duy có điều đáng tiếc là khi anh thành tài cũng là lúc thầy Tòng trăm tuổi. Trước khi nhắm mắt, thầy dặn anh rằng: "Con về Vĩnh Thạnh, thử xem dòng họ Diệp có còn ai không. Nếu còn thì báo cho họ biết tin là thầy đã qua đời".

Sau khi thầy mất, anh lo chôn cất xong, về quê thăm lại nhà cũ, rồi đi vào Vĩnh Thạnh ngay. Họ Diệp không còn ai ở đó. Vừa lúc tiếng đồn ba anh em ông Nhạc, ông Huệ, ông Lữ là anh hùng hào kiệt, anh liền tìm đến tận nơi, xem rõ thực hư cho khỏi hoài công mến mộ.

Hai bên gặp nhau "nhất kiến như cựu", nên rất tâm đầu ý hiệp. Ông Nhạc dẫn anh đến thụ giáo thầy giáo Hiến. Nhưng thầy giáo Hiến đã nói ngay:

- Tuy có tài trí thông minh, nhưng không bằng thừa thế đúng thời. Tuy có tri cơ xuất chúng, cũng không bằng thời vận con người. Nay thời cơ đã đến rồi, còn thì giờ đâu nữa mà học với hành? Các ông về lo liệu đi!

Một hôm từ nhà ông Nhạc ra đi, anh qua quãng rừng Thuận Ninh, có một con hổ nhảy ra bất ngờ, vồ anh. Đang lúc nguy khốn, bỗng có một nữ võ sĩ ngang qua, xông vào đánh hổ cứu người.

Hổ quần thảo với anh suốt buổi, sức hổ đã yếu, giờ lại gặp nữ võ sĩ, võ nghệ cao cường, tay sẵn cầm gươm. Hổ không sao chịu đòn nổi, phải cút thẳng.

Anh vô cùng biết ơn. Mặc dù vết thương đang rỉ máu, nhưng không làm cho anh cảm thấy đau đớn, khi đối diện trước một người con gái chưa quen đã mến phục.

Nữ võ sĩ thẹn thùng hỏi danh tánh, quê quán, công việc hiện nay. Anh kể rõ đầu đuôi, sau trước và yêu cầu đưa ngay anh về nơi gia trang ông Nhạc. Nữ võ sĩ lắc đầu:

- Vết thương của chàng quá nặng, không thể xem thường, ở nhà em có sẵn thuốc dấu gia truyền, ráng chạy chữa vài ngày cho lành vết thương, rồi sẽ đưa chàng sang nhà ông Nhạc cũng chưa muộn.

Đáp lại thịnh tình nồng hậu của một người đã có công cứu tử, anh không dám chối từ.

Mấy hôm sau, ông Nhạc nghe tin anh bị tai nạn giữa rừng, được nữ võ sĩ cứu thoát và đã đem về nhà lo thuốc thang. Nữ võ sĩ đó là ai? Nguyễn Nhạc biết rõ. Ông bèn thân hành tới thăm. Hai người hết sức vui mừng, cảm động. Bùi Công, cha đẻ của nữ võ sĩ cũng ân cần đón tiếp.

Nhân lúc vắng người, anh đem nội tình giữa anh và gia đình ân nhân bày tỏ với ông Nhạc: "Bùi Công có nhã ý muốn tôi cùng con gái ông bà gầy duyên cầm sắc". Ông Nhạc nghe qua rất đỗi hân hoan. Ông sẵn sàng đứng ra đảm nhận vừa là mai mối, vừa là chủ hôn.

Đôi trai gái tài hoa đó, là Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân. Chuyện đời ai có ngờ đâu Trần Quang Diệu bị hổ về mà ngẫu nhiên được vợ. Thế cho nên trời xui đất khiến, hai vợ chồng đều là hai tướng lĩnh tài ba và trung thành với phong trào "Tây Sơn Tụ Nghĩa" cho đến hơi thở cuối cùng.

MẢ LŨM

Tương truyền thuở xưa, ông Tổ họ Trương ở Quảng Ngãi rất nghèo. Ông đã già mà còn phải đốn củi, vỡ đất để sinh nhai.

Trên vùng đất giáp ranh giữa Sơn Tịnh - Bình Sơn bây giờ, thuở đó có một cây đa tán rộng, rợp kín cả một khoảng trời. Hàng ngày đốn củi, cuốc đất mệt nhọc, ông thường đến ngồi dưới gốc cây đa để hóng mát, che nắng.

Ít lâu sau, cây đa bị sét đánh trụi trơ. Khi gốc đa khô, một ổ mối đụn lên to tướng. Thấy vậy, ông bèn đánh gốc cây đa lên bửa củi và san bằng ụ mối. Không ngờ ụ mối sập, lại bày ra một dãy ba chiếc thạp sành đậy kín. Ông mở ra xem thì toàn là vàng. Có một cái thạp trên mặt trải một tấm bản đồ và một tờ lụa có ghi chữ gì không rõ. Ông nghĩ: "chỗ này trước kia chắc có người ở, tất của này là

của có chủ". Ông vác ba cái thạp về cất kín và lâu ngày, ông quên bẳng đi.

Một hôm đang cuốc đất tỉa trồng, ông thấy có người lạ mặt qua lại. Anh ta nhìn trời, ngó đất, chốc chốc lại liếc sang ông. Đến ngày thứ ba, ông tìm cách bắt chuyện và hỏi ra mới biết:

Ông nội anh là người Tàu, qua buôn bán lâu ngày ở xứ này. Đến lúc gặp loạn lạc kéo nhau về nước, của cải châu báu ông còn chôn dưới gốc cây đa. Nhưng dấu tích ngày xưa đã bị chiến tranh và thời gian xóa sạch, chẳng biết đâu mà tìm? Bây giờ thì hết còn chút hi vọng gì?

Ông Tổ họ Trương im lặng đưa anh khách về nhà. Ông vào trong lấy một tấm bản đồ đưa so với tấm bản đồ của anh khách đang giữ. Hai tấm bản đồ đều bằng lụa, hai nét mực đều in nhau, ông nói:

- Lâu nay tôi biết của này có chủ, mà không biết chủ nó là ai? Hôm nay anh đúng là chủ, tôi giao nó cho anh.

Nói xong, ông vào xó nhà bưng ra ba thạp vàng giao cho anh khách. Vừa bất ngờ, vừa xúc động, anh khách xin tặng ông một thạp. Ông khoa tay:

- Nếu lấy, thì tôi lấy cả ba khi mới đào nó lên, chứ bây giờ lấy có một thạp để làm gì?

Người khách nài nỉ mãi, ông nhất quyết không nhận và vác cuốc đi thẳng ra nơi mình đang khai khẩn đất hoang, tiếp tục làm việc. Mấy ngày sau, ông Tổ họ Trương lại nhận được một gói bánh, mở ra, nhân bánh toàn là vàng lá, đúng như những lá vàng trong thạp hôm nọ. Ông cảm ơn, rồi bảo người mang bánh đến, đem về trả lại cho anh khách.

Khi nhận lại gói bánh, anh khách nghĩ: "Đúng là vàng bao nhiêu cũng không trả được tấm lòng tốt của ông già. Đúng là của có chủ không ai có quyền xâm phạm. Biết là vậy, nhưng không phải ai cũng làm được".

Anh khách đành quay trở về báo lại cho cha: "Ở đất Mĩ Khê, Quảng Ngãi có những con người như vậy, ta phải tìm cách nào để trả ơn ông già cho bằng được".

Cha anh đang là một đại thần trong triều Trung Hoa thời bấy giờ, nói với con: "Những người biết trọng lẽ phải, không tham vàng như vậy thật hiếm có. Họ xứng đáng được làm chủ trên mảnh đất của họ. Bây giờ con hãy trở sang bên đó một lần cuối

cùng nữa và làm theo ý cha đã vạch sẵn trong tờ giấy này...".

Mấy năm sau, ông Tổ họ Trương lại thấy người khách năm nào trở lại vào đúng nhà mình, đưa ra một nhã ý: "Trước kia ông đã trả vàng, không chịu lấy ơn. Nay cha tôi sai tôi sang để chỉ cho ông một địa huyệt tốt, đợi khi trăm tuổi. Của trước mắt không nhận, có nghĩa là ông muốn đê của đó về sau".

- Anh định chỉ cho tôi chỗ đất tốt để chôn hả? - Ông nói - Ai mà không chết. Đã chết là phải chôn. Cái đó thì được - Ông nhận lời.

Đúng hôm sau, ông khách dẫn ông đến một cây đa, cách cây đa cũ không xa. Anh vẽ một hình chữ nhật dưới gốc cây đa, trên đầu có tảng đá bằng, dưới chân có dòng khe chảy róc rách, rồi ghi những lời dặn trong tờ giấy đưa cho ông. Ông lại hỏi:

- Chết mà chôn theo cái huyệt này thì tốt, mà tốt ra làm sao?

- Nói về địa lý khó lắm. Nhưng nể ông tôi mới nói: "Một là chôn ông xuống sau ba năm thì mả phát, dòng họ Trương sẽ được hưởng "Tam đợi công hầu, nhứt đợi vương". Và cho đến "bao giờ

Bạch mã sang sông, thì dòng họ Trương họ mới không công hầu".

Ông Tổ họ Trương chết, con cháu làm theo lời dặn trong tờ giấy của ông để lại. Liền sau đó có trận gió lớn, cây đa ngã nghiêng, lá cành trùm lên mộ. Đặc biệt những cây cối xung quanh đều châu ngọn vào giữa mả. Hàng năm gió đưa, cành lá quét mả sạch bong, cỏ cũng không có chỗ để mọc, lúc nào cũng như vừa mới dẫy xong. Bà con quanh vùng quen gọi mả này là "Mả Lùm".

"Tam đợi công hầu" - Dòng họ Trương sau này có Trương Đăng Quế, Trương Quang Đăng, Trương Quang Đề (ba người làm quan to vào thời Nguyễn). Còn "Nhứt đợi vương" (tức một vua) Dư luận thì ám chỉ vào vua Tự Đức.

Trong các vì vua nhà Nguyễn, vua Tự Đức là một nhà vua hạ cố đến Quảng Ngãi nhiều nhất. Nhà vua này cho Trương Đăng Quế đưa bản doanh Tây Sơn xưa tại Phú Phong, về dựng lại nhà thờ họ Trương ở Mĩ Khê, cho khai núi Long Đầu, mở tỉnh lộ Trà Khúc - Mĩ Khê, trùng tu các đình, chùa như Chánh Lộ, Ba La, Châu Sa, Thiên Ấn... Nghe nói Chính vua Tự Đức đã nhận định về việc này như sau:

"Tôi sinh năm 1829, lúc đó ông nội tôi là Minh Mệnh đang trị vì phép tắc trong cung rất nghiêm ngặt. Một việc đánh tráo lộn sòng tày trời như thế, khó lòng có thể xảy ra. Mặt khác, cụ Quế lại là thầy học của vua Thiệu Trị - cha tôi. Nếu cụ có âm mưu như vậy thì cũng lạ. Cụ Quế còn là ông nhạc của chú tôi -Tùng Thiện Vương... Nếu có chuyện mẹ gà con vịt thì thật trái với tự nhiên".

Thế nhưng không ít người vẫn bán tín bán nghi, cho rằng chính Tự Đức là con của Trương Đăng Quế - Lúc đó là cận thần tin cẩn nhất của nhà vua. Sự thật ra sao, chắc hẳn không bao giờ có được một câu trả lời khẳng định.

Và mãi cho đến khi Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, không chấp nhận chánh phủ Pháp "Vi vương đảo quyền", thì nhánh sông Trà Khúc qua Mĩ Khê bồi, phía Ba La-Vạn Tượng lại lở. Đứng trên Thiên Ấn nhìn xuống thấy Bạch Mã chồm sang, giống hệt như con ngựa trắng sang sông tự bao giờ? Dòng họ Trương cũng hết làm quan cho chế độ phong kiến từ thuở ấy.

ĐỒNG MÔN KHÔNG ĐỒNG KHÍ

Lê Trung Đình - Tạ Tương là bạn đồng môn. Thầy đang dạy hai người là cụ Đông Chánh Lộ, nguyên Tham Tri Bộ Lại kiêm Bộ Hình, về hưu vào thời vua Tự Đức, được phong Đông Các Đại Học Sĩ.

Cụ Trương Quang Đệ, Tham Tri Bộ Hình, cùng thời với cụ Đông, còn đang làm quan tại triều đình. Có lần về quê ở Mĩ Khê, mời cụ Đông xuống chơi. Qua phút tâm tình về chuyện quan quyền, bỗng cụ Trương vỗ vai cụ Đông:

- Nghe đồn trong tay Ngài hiện có hàng chục môn đệ tài đức song toàn, không biết có đúng không?

- Dạ - cụ Đông khiêm nhường - tiếng đồn chín mười, sự thực cũng chỉ đôi ba là cùng, có điều là chưa được cụ để mắt tới.

- Thì ông cứ đưa xuống đây, tôi "sát hạch" cho.

Ngoài miệng nói là "sát hạch", nhưng trong bụng là một cuộc "kén rể đông sàng".

Thế là một buổi sáng, đúng lúc cụ Trương đang rít một hơi thuốc lào và chiêu một ngụm nước trà Tàu bốc hơi, Đình và Tương bước vào. Cụ Trương lấy ngay cảnh "Bình minh tại gia" làm đầu đề bài thi.

Lê Trung Đình ứng khẩu ngay:

- "Tức tưởi nước réo, ầm đạm khói mờ, ảo ảnh bình minh, bất an tiên cốt".

Tạ Tương không kém:

-"Minh nhật thiên quang, thủy ngân hạ mục, thùy vân bạch tốc, chân đạo tâm nhàn."

Cụ Trương gật gù, bắt hai trò đi qua đi lại nhiều lần, ngắm nghía kĩ, rồi mới cho về.

Bên trong cửa bôn mạng, lúc đó Trương Thị Kiều Kế, con gái cưng của cụ Trương không để lọt một cử chỉ nào ngoài mắt, một sự ứng đáp nào ngoài tai.

Vài ngày sau, cụ Đông xuống, cụ Trương nhận xét:

- Lê Trung Đình, khẳng khái, thông minh, nhưng đoản mệnh. Còn Tạ Tương, thì... tui... muốn

chọn nó làm con rể, nhờ ông nói sao cho thành thì nói.

Trường hợp quá đột ngột nhưng có phần kỳ ngộ. Cụ Đông không biết tính sao, cũng phải nhận lời.

Rời khỏi nhà cụ Trương, cụ Đông thẳng luôn lên Gò Lăng, trao tin mừng cho ông Tạ Công Đình, người chú ruột, vừa là người nuôi dưỡng Tạ Tương từ lúc nhỏ. Điều này khiến từ trong gia đình cho đến bà con thân thích chẳng ai dám tin cả.

Ngày về nhà chồng, cô dâu thấy mọi vật dụng đều đầy đủ. Gian phòng hạnh phúc cũng rất sang trọng. Duy chỉ có căn nhà của chú Đình và cái chuồng heo ở sau vườn là cũ kĩ, mục nát.

Hôm nào từ khe cửa bốn mạng nhìn ra, thấy Tương đẹp trai, thông minh bao nhiêu, thì giờ đây cô ngao ngán bấy nhiêu. Giờ động phòng hoa chúc, cô ra đứng ngoài vườn, và ngay sau đó, cô đòi về lại nhà cha mẹ đẻ.

Thấy có sự chẳng yên, ông Tạ Công Đình vội vã xuống báo với cụ Trương. Nghe qua, cụ Trương rút cây roi cá đuối, nói:

- Đây, anh cầm cái roi này về đánh nó chết cho tôi.

- Dạ, đánh con nhà quan, con không dám - Ông Đinh giữ cho khỏi run.

- Không dám đánh thì chém - Cụ Trương lại rút thanh gươm treo cạnh bàn thờ - Đây, anh cầm gươm này về chém cho đứt đôi nó ra, có sao tôi chịu - Tuy nói vậy chứ cơn giận của cụ Trương cũng bớt nóng dần.

Kiều Kế về khóc với cha, cụ Trương chẳng nói chăng rằng, xách roi và gươm ném trước mặt Kiều Kế.

Khóc chán, cô dâu lại xách nón về nhà chồng. Thấy thái độ Kiều Kế có nhiều thay đổi, Tương chắc mẫm, nửa đêm hôm đó tí tửng nhập phòng. Vừa tới cửa buồng, chàng đã thấy Kiều Kế đứng ngăn trước cửa nói:

- Đạo làm con là phải nghe lời cha mẹ, nhưng nếu muốn qua khỏi ngưỡng cửa trăm năm, thì hãy trình xem bằng cấp? - Nói xong, Kiều Kế lên giường ngủ cho tới sáng.

Lâu nay, Tạ Tương không thi cử được, vì nhà nghèo, mồ côi cha, lo giúp chú, giúp mẹ. Nay cớ sự

như vầy, sẵn chữ nghĩa trong người, chỉ cần xem lại là xong. Năm đó, đúng 27 tuổi, Tương đỗ Tú Tài. Và liên tiếp những năm liền, Tạ Tương qua khỏi tam trường, đậu Tam giáp đồng Tiến Sĩ, đệ nhất danh.

Nghe chuyện Tạ Tương lấy vợ dòng quan lớn họ Trương, thi cử đỗ đạt, lên quan trường, Lê Trung Đình bỗng nhớ lại cái thời học trò, hai đứa cùng xuống Mĩ Khê, tới nhà Trương Quang Để đối họa thi phú. Bây giờ vỡ lẽ ra đó là buổi "kén rể" mà mình là người thua cuộc.

Vợ chồng là chuyện duyên nợ, đâu phải được thua, nhưng việc ông Tham Tri Bộ Binh, dùng quyền lực của tiền, áp đặt con người ta lấy con gái mình là có phần quá đáng, Lê Trung Đình không thể chấp nhận.

Không phải từ chỗ đồng môn, kẻ được người thua, mà còn nhiều bất công khác trong xã hội quan trường, chính Lê Trung Đình là người đã từng "đắp chăn", nên mới biết chăn "có rận". Vì thế, Lê Trung Đình rời cụ Đông, theo thầy mới là cụ Nguyễn Duy Cung, tự nguyện bỏ con đường quan lại, nối chí thầy đứng lên dựng cờ nghĩa "Văn Thân".

GIAI THOẠI VỀ LÊ TRUNG ĐÌNH

Lê Trung Đình (tức Cử Đình), sinh năm Đinh Tỵ (1857), Tự Đức thứ 10, tại Sơn Tịnh. Tánh tình khẳng khái, thông minh, quảng đại. Sau mùa thu 1945, tên ông được đặt cho tỉnh Quảng Ngãi.Người dân xứ Quảng còn lưu truyền nhiều giai thoại về Ông.

Lúc còn là anh học trò nghèo, một lần đi ngang qua nhà ông Thám Hoa, thấy trong nhà đang giã đậu, ngoài sân cũng đang phơi đậu và có hai cô gái đang hái hoa lí. Đình giả vờ vô xin nắm đậu để vừa được ngắm cảnh, vừa được xem người.

Ông Thám Hoa nhìn Đình từ đầu đến chân và sau khi nghe Đình giới thiệu là học trò, ông nói:

- Tôi ra câu đối, nếu cậu đối hay sẽ được ăn đậu.

Câu đối như sau :

- Trong nhà giã đậu, ngoài sân phơi đậu, người xin đậu, ta cho đậu.

Đình lập tức đối lại rằng:

- Trên chị hái hoa, dưới em hứng hoa, đó Thám hoa, đây xin hoa.

Ông Thám Hoa rất phục tài và khen Đình khéo lựa cơ hội đúng lúc để tỏ ý của mình.

Một lần Lê Trung Đình đi xem hát hố. Các cô gái vây quanh cối gạo hát mời, hát ghẹo những chàng trai còn lảng vảng ngoài ngõ. Gặp phải trời mưa, Đình vừa bước tới, vô ý dẫm phải đám meo trơn, trợt té đánh oạch. Chưa ngớt trận cười chế giễu, các cô gái đã lên tiếng :

"Đến đây xem hát cho gần.

Cúi đầu bái lại trước sân làm gì?"

Đình ngượng quá! Mặt đỏ bừng, nhưng trấn tĩnh được ngay, vừa phủi lấm, vừa cất lời đáp lại :

"Đất đâu có đất lạ lùng

Đứng thì chẳng chịu, nằm cùng lại ưng".

Các cô gái đánh mắt nhìn nhau, im re như thóc.

Trong kỳ thi Hương, Trần Bá Võ học kém hơn Lê Trung Đình, nhưng lại đậu thủ khoa trước Đình

một bậc. Trên đường về, Đình đi lấn lên mấy bước, lấy quạt đập lên đầu Võ. Võ về mách với thầy, thầy nọc Đình ra đánh. Bị đòn đau, nhưng Đình làm nham đọc:

"Đầu thủ khoa năm ba dấu quạt,

Đít Cử Đình sáu bảy đường roi".

Cũng trên đường về, Trần Bá Võ chê Lê Trung Đình ngông, không biết giữ lễ. Đình chê Võ chỉ học gạo, chứ bất tài. Lúc đi ngang qua một ngôi chùa trời đổ mưa, hai người vào chùa núp, trông thấy một chú chim nhảy nhót trong mưa, rỉa lông rỉa cánh, Đình đọc ngay:

"Võ ỷ mạnh Võ ra Võ múa,

Võ bị mưa, Võ ướt sạch lông".

Võ im lặng. Tan cơn mưa hai người lại ra đi. Khi qua một ngôi đình, Võ trả đũa tức khắc:

"Đình ra sân, Đình đứng, Đình đừng,

Đình bị sét, Đình còn một cột".

Hồi còn ở làng Đình rất tinh nghịch. Một lần có viên quan Huyện cưỡi ngựa ngang qua bến đò trước trường, Đình lấy gai tre ngà đâm đít ngựa. Ngựa bất ngờ lồng lên, quan huyện ngã chổng quèo.

Quan Huyện tức mình, bắt Đình giữ lại, định quất mấy roi cho chừa cái tánh láu táu. Nhưng khi biết Đình là học trò, ông bảo sẽ ra câu đối, nếu đối được thì tha, còn không được là ăn đòn.

Quan Huyện đọc:

"Ông quan Ngọc qua bến đò Ngọc".

Đình ngập ngừng thưa :

- Dạ, "Ông" đối với "con" được không ạ ?

Quan Huyện gật đầu. Đình lại thưa :

- Dạ, "Ngọc" đối với "Vàng", "bến" đối với "bãi" được không ạ?

Quan Huyện cũng gật đầu, Đình bèn đọc một hơi :

"Con chó vàng ăn bãi cứt vàng".

Rồi Đình chạy tuốt vào lớp học.

Khởi nghĩa Văn Thân thất bại, Nguyễn Thân bắt được Lê Trung Đình, khi lính dẫn đi ngang qua chùa Ông (Khê Ấn), thấy pho tượng trước chùa, Nguyễn Thân bảo Lê Trung Đình vịnh tượng, Cử Đình cảm khái đọc luôn bốn câu thơ :

"Ông tọa làm chi đó hỡi ông,

Trơ trơ như đá cứng như đồng.

Giang sơn gìn giữ cho ai đó ?

Nước chảy đá mòn có biết không?".

Nguyễn Thân cố kìm sự giận dữ, sai lính dẫn Cử Đình về nhà mình. Nhà Thân có nuôi một con chim Họa mi trong chiếc lồng son rất đẹp. Thân không bảo, nhưng Cử Đình vịnh "chim Họa mi", đọc lớn cốt để cho Thân nghe :

"*Lầu son gác tía sướng mi không ?*

Kì thực ra mi phải ở lồng

Gạo trắng nước trong ai sướng nhỉ?

Mi ăn, mi nhảy, sướng mi không?".

Nguyễn Thân biết chẳng lay chuyển được Lê Trung Đình, bèn sai giết đi để trừ hậu hoạn.

ÁN SÁT NGUYỄN DUY CUNG

Khi nghe phong trào "Cần Vương-Văn Thân" ở Quảng Ngãi thất bại, hàng loạt chí sĩ yêu nước bị sa lưới, trong đó có Chánh tướng Lê Trung Đinh - học trò cưng của mình - Án Sát Nguyễn Duy Cung từ Qui Nhơn, định rút về huyện An Nhơn Bình Định, tiếp tục hoạt động. Nhưng bọn Pháp thống trị bấy giờ đã bao vây, thúc thủ, buộc ông phải "bức tử" ngay trong Bàn thành.

Trước khi thực hiện ý chí cao cả là thà chết, thề không theo giặc của một trí thức Việt Nam, ông đã cắn ngón tay viết một bức thư bằng máu gởi về Triều đình Huế và những người cùng hội cùng thuyền. Bức thư lời lẽ rất thực, tâm sự rất sát. Sức mạnh công phá đối với thực dân Pháp vô cùng mãnh liệt.

Nghe đồn rằng bức thư đó không về đến được

Kinh đô, vì mật thám, tay sai hết sức theo dõi và chúng đã giữ bức thư này tại Quảng Ngãi.

Sau khi đọc đi đọc lại bức thư, tên Công sứ Pháp cai trị Quảng Ngãi, đã cấp bách thảo kế hoạch triệt hạ hàng ngũ Văn Thân còn lại và báo cáo thành tích cua mình về Toàn quyền Đông Dương. Qúa nữa đêm, hắn mới buông màn đi ngủ.

Vừa thiếp đi, hắn bỗng thấy từ trong bức thư, một lưỡi gươm sắc kề sát cổ hắn. Máu ở cổ hắn chảy ròng ròng xuống chiếu hắn đang nằm. Hắn chồm dậy vò nát bức thư. Nhưng khi bật đèn sáng, thì ra không phải bức thư của Nguyễn Duy Cung, mà là bản kế hoạch triệt tiêu phong trào "Cần Vương" của chính hắn vừa vạch đã vụn ra trăm mảnh.

Hắn bàng hoàng đọc lại, càng đọc hắn càng run sợ, vì không những sức công phá của bức thư đúng như tiếng đồn, mà còn vì người viết ra bức thư máu đầy nghị lực đó, lại là người sinh ra trên mảnh đất Quảng Ngãi - mảnh đất mà hắn đang đứng không phút nào yên.

Sau đây là nguyên văn :

TÂM THƯ HUYẾT LÊ
Của Án Sát Nguyễn Duy Cung

Trộm nghĩ rằng :

Nước nhà lắm loạn, thà quăng thân vào nỗi khó nhọc để rõ công lao. Phận tôi thần bị nhục, thì sao lại vì chuyện mất còn mà đổi thay khí tiết. Phải sống cho hết đạo làm tôi, mới mong làm yên lòng đấng quốc chủ. Kìa Nam Chơn Khanh, vì cứu nguy cho nhà Đường đã cắt lưỡi để chống lại với Hy Liệt, Lí Thị Chế mong phò nạn Tống đành moi gan mà mắng Bá Nhan. Người xưa đã vậy, việc ngày nay cũng phải giống vậy mà thôi !

Tôi vốn là kẻ hèn làng Vạn Tượng, xuất thân là nhà nho nghèo của tỉnh Quảng Ngãi, may mắn theo đòi nghiên bút, lạm dự vào khoa danh. Trước được bổ nhiệm làm Tham Biện Sơn Phòng bốn năm, vừa rồi đây chuyển qua làm Án Sát Bình

Định chưa đầy ba tháng, thì kinh thành thất thủ, nỗi đau này xé nát tim gan.

Nghe Vua phải bôn đào, thù sâu kia phải nghiến răng nuốt giận. Do đó, dù nơi Cô thành tôi đã khởi nghĩa, muốn thu nhập nhơn tâm, kết mưu với quần chúng. Lại nghe ngoài thành đã hưởng ứng, nhưng muốn huy động lực lượng sấm sét của toàn dân và vận trù quốc kế. Những tưởng bên soái phủ cũng làm theo, ai ngờ tin tức vắng không !

Thế là vì tướng thần không hiệp lực, nên thành Bình Định đã tan tành. Tôi tự lượng tài hèn làm sao kham nổi kế hoạch lớn, đã muốn rút về An Nhơn cố thủ, nhưng lại sợ trái mệnh mà rời xa nơi trách nhiệm. Muốn phục hồi bản tỉnh để ngự phòng, tôi quyết quên mình đền nợ nước. Chẳng ngờ, bọn gian thần bán nước, đem đất đai dâng cho giặc, bác bỏ mọi ý nguyện Cần Vương, chống lại kháng chiến mà quay sang thỏa hiệp, mở cửa thành đón tiếp giặc Pháp.

Tôi bị giam giữ cấm cố, trước giặc uy hiếp tinh thần, sau đem mồi dụ dỗ, muốn tôi kết binh liên với chúng. Tôi thì thà làm qũy trung nghĩa, chứ nhất định không theo kẻ bội vong. Thề rằng dẫu chín phần phải chết cũng không từ. Mà có bị hãm

vào chảo sắt vạc dầu cũng không nao núng. Trường sử muốn liều mình với lưỡi dao, nhưng chết rồi nào ai biết, ở vào cái thế chẳng thể nào chung sống tất đành muốn chịu chết. Lấy tấm trung can nghĩa khí nhớ đến Vua mà lòng không thẹn chút nào, dám đem tráng tiết mà nêu danh đó là điều trong tâm sự hứa.

Mong rằng chư vị biết cho, những muốn dùng đao thương tự vận mà nỗi hùng tâm chưa nguôi được. Chỉ mong kêu gọi đồng bào hưng khởi ý chí Cần Vương thì nếu lòng trời còn tựa Hán, tất có tay như Quan Võ hưng Hán ở Đông Đô. Lòng người còn ứng theo, tất nhiên cho Tống Cao Tôn sẽ trùng hưng Nam Tống.

Việc trùng hưng sự nghiệp nước nhà tất nhờ trí tuệ của toàn dân. Việc khôi phục kinh đô là công lao của chư quí vị. Tôi có mấy lời tâm huyết gửi lại cho mọi người đều hay.

Cố trung liệt Nguyễn Án Sát, tự Duy Cung kính cáo.

Thành triều Tự Đức năm thứ 38, Ất dậu 1885.

NGUYÊN MINH *(dịch)*

Tháng 12, Giáp tí.

TẤM LÒNG MÔT HƯU QUAN.

Tạ Tương- Tam giáp đồng Tiến sĩ, nguyên Thượng Thư Bộ Lại, nhất phẩm triều đình Huế. Ông người Quảng Ngãi, làm quan qua 4 triều nhà Nguyễn. Ông là trung thần của ba đời vua yêu nước : Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Mặc dù Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết thất bại, Thành Thái bị lưu đày, nhưng ông vẫn một lòng tôn phò Duy Tân trong công cuộc chống Pháp. Từ chức vụ Thượng Thư, ông ra làm Tổng Đốc Bình Phú (1908), Tổng Đốc Nam-Ngãi (1913). Đến năm 1915 ông về hưu.

Từ Văn Thân - Cần Vương (1885) đến phong trào Duy Tân - Đông Du (1904), từ phong trào Khất thuế (1908) đến Việt Nam Quang Phục Hội (1916), cùng cuộc đời quan trường đối với ông, nay chỉ còn là dư âm. Trước mắt ông thời bấy giờ, lại xuất hiện một Trần Kì Phong, Trần Toại, Trương

Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm. Sau Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Công Phương bị bắt là Phan Thái Ất.

Phan Thái Ất và Nguyễn Bá Trác là đồng môn, đồng đạo, nhưng khi phong trào Đông Du - Duy Tân thất bại, Nguyễn Bá Trác chạy theo Pháp cầu quan, ra làm Bố chánh Bình Định, rồi Tuần vũ Quảng Ngãi. Còn Phan Thái Ất là Xứ ủy Trung kỳ tăng cường hoạt động cho Quảng Ngãi. Nguyễn Bá Trác rắp tâm phản bạn, định mượn uy danh của một hưu quan là Tạ Tương để đưa Phan Thái Ất vào tròng, hòng ngấp nghé chức Thượng Thư Bộ Hình đang trong tay của Tôn Thất Đàm.

Nghe đâu, một hôm Trác đến tư gia Tạ Tương, bàn bạc công việc theo sở định từ nhà. Nhưng Tạ Tương khéo léo lái câu chuyện quan quyền sang câu chuyện văn chương. Ông nhắc cho Trác bức "Tâm thư huyết lệ" của Án Sát Nguyễn Duy Cung, rồi tán tụng câu đối mà Tôn Thất Đàm tặng cho Trác nhân ngày lễ nhận chức Tuần vũ Quãng Ngãi :

- "Sóng Âu hải tràn lan, tràn Hương Cảng, tràn Hoành Tân, tràn Mã Lạp Nhĩ sơn, coi thường dạ sắt gan đồng, một mực giữ gìn dân với nước.

- Gió Nam phong thổi ngược, thổi Hồng Lô, thổi

Binh Bộ, thối Bàn thành cụ Bố, quen thói vào luồn ra cúi, đôi đường chen chúc lợi và danh".

Câu đối này Trác không dám dấu, phải treo lên, vì Đàm lúc ấy đang có quyền lực mạnh ở triều đình, mà Trác thì cầu cạnh để thăng quan tiến chức. Nay nghe Tạ Tương nhắc lại câu đối đó, Trác có vẻ ngượng ngùng, xin cáo lui.

Bất thình lình Phan Thái Ất đến, vừa thoáng bóng, Tạ Tương đã ra nắm tay Phan Thái Ất vào nhà, nhắc nhỏ một đoạn tại trường thi Bình Định năm xưa, dưới đầu bài "Tri nhơn thiện dụng" (biết người lành thì dùng). Ất hiểu ý nhớ lại trong đó có hai vế, bốn câu đáng chú ý :

- "Mạc luận dụng kì, vô dụng, nguyệt đê mê, Bắc khuyết Tử Phòng tiên.

- Vật đàm tri dữ, đông tri, Vân âm đạm, Nam dương Hàn Tín qui."

Nghe xong, Tạ Tương chỉ đường cho Phan Thái Ất ra khỏi vòng vây của Nguyễn Bá Trác.

Đến năm 1931, Phan Thái Ất bị bắt, dẫn vào trình diện Tuần Vũ Nguyễn Bá Trác. Trác bảo Ất khai, Ất cương quyết từ chối. Trác đưa giấy bút bảo Ất viết, Ất trực thị viết luôn bài thơ :

"Gương đời nhìn thấy cửa ca cung
Một cuộc dinh hư rất não nùng
Son phấn lá lay đào kép cũ
Nước non lã chã tống thiên chung
Gắng hơi so thử tài cao thấp
Bôi mặt nhìn nhau đứa nịnh trung
Uy thế lẫy lừng cơ nghiệp tạo
Bá vương rồi cũng phủi tay không !"

Có người cho là do bài thơ mỉa mai trên, cũng có kẻ bảo vì không nghe lời nhắc của Tạ Tương, mất cảnh giác, nên Phan Thái Ất bị Nguyễn Bá Trác bắt tù chung thân.

CHUYÊN ÔNG GIẢI NGUYÊN THUẬN PHƯỚC.

Ở thôn Thuận Phước xưa (nay là xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi). Có ông Phạm Văn Hoành, rất thông minh, học ít hiểu nhiều, nhưng mãi đến năm 31 tuổi mới thi đậu Giai Nguyên khoa Bính tý.

Người đương thời truyền lại rằng : Thuở học trò, bài vở Hoành chỉ liếc qua, rồi theo lũ mục đồng ra gò cưỡi trâu, thả diều, đánh trống...Thầy dạy thấy học trò mình cứ lêu lổng, không chịu học hành, nên sáng nào đến lớp cũng bị kêu lên đò bài, nhưng không ngờ bài nào Hoành cũng đọc làu làu. Về sau, thầy dạy kêu gã con gái, nhưng Hoành viện cớ còn phải theo đòi nghiên bút.

Hoành có tính dí dỏm, nhưng tinh nghịch, dễ thương nhưng nóng nảy, cái gì chướng tai gai mắt là anh chọc thẳng vào ngay. Anh rất ghét bọn quan

quyền cậy thế tham ô, những lạm của dân. Đó là nguyên nhân để giải thích cho đời sau hiểu vì sao Phạm Văn Hoành thi đỗ Giải Nguyên mà không chịu ra làm quan.

Một vài giai thoại về ông Giải Nguyên thôn Thuận Phước, được truyền lại sau đây :

VẠC ĐỒNG CÒ NHÀ

Hồi nhỏ đi học xa nhà, Hoành thường ăn cơm bữa ở hàng cơm gần trường. Trả tiền cơm tháng mà bữa nào anh cũng đói. Thức ăn thì cá chuồn đã mặn, còn dầm vào nước mắm nữa thật khó nuốt. No đói thôi không nói, đằng này cơm vừa khô lại vừa nhão nhoẹt. Hoành hỏi quán, bà chủ trả lời: là tại cái vạc nho cơm ít, tại cái vạc mỏng đít cơm khô, tại cái vạc miệng rộng cơm nhão... Mười lần hỏi là mười lần cái vạc mang tiếng chịu lời thay cho sự vụng về, hám lợi của chủ quán.

Hoành tức giận, kêu luôn mấy đứa bạn đến tìm cách trộm cái vạc đem ra đồng đập nát, rồi ném xuống ao. Không ngờ bà chủ quán hay việc, bắt Hoành phải đền. Anh nhận đền, nhưng đền bao nhiêu bà chủ quán cũng không vừa lòng, bà ta còn phát đơn kiện lên quan nữa.

Trên đường lên huyện, anh ngang qua quán đưa

hai con cò đến cho bà chủ. Biết thế nào bà chủ cũng không chịu, nhưng anh có cớ để cò ở quán và thắng lên huyện hầu quan.

Khi quan Huyện xử kiện. Hoành vờ vòng tay lễ phép thưa :

- Dạ bẩm quan, con đập bể một cái vạc, phải chịu đền đến hai cò, mà bà chủ còn kiện con cái gì nữa?

Bà chủ tức khí cãi lại :

- Dạ bẩm quan, vạc của con nguyên là vạc đồng kia mà.

Hoành được thể nhanh nhẩu đáp :

- Dạ, cò của con cũng đâu phải cò nhà, bẩm quan?

Đến đây, bà chủ nghẹn họng, còn ông quan Huyện lại phá lên cười, rồi kết cuộc :

- Cò của cậu ta cũng là *cò đồng* đấy !

ĐỐI XỨNG

Đúng hôm chủ nhật nghỉ học, Hoành lên chợ Huyện hớt tóc, bị dao cạo lẹm mất một tí da đầu. Đau quá mà tức sự vụng về của tay thợ thì nhiều, nên anh tống cho hắn một đạp nên thân, làm vung ca dao, kéo ra đường, rồi bỏ đi một mạch. Việc xảy ra như vậy, buộc lòng anh thợ cắt tóc phải kêu kiện lên quan.

Khi gọi hai bên đến xử, quan mới nhận ra bên nguyên đơn là người đã quen biết. Từ đó, quan có ý định tìm cách để bênh vực anh thợ hớt tóc. Nhưng không hiểu được thiện chí của quan, nên anh thợ cắt tóc cố cương lên không đúng lúc.

- Dạ, thưa quan lớn, con hành nghề hơn chục năm nay, dân làng quanh đây đều biết tiếng, vì con có thói quen là hớt tóc cho ai, con cũng xin lại một miếng da đầu để làm kỷ niệm.

Đến lượt quan hỏi Hoành. Anh vờ vòng tay lễ phép :

- Dạ, bẩm quan, thói quen của anh thợ hớt tóc như vậy, quan thấy thế nào?

Quan xằng giọng :

- Thói quen là là... thói quen, chứ thế nào là thế nào? Người ta chỉ vì thói quen thôi, còn anh lại đạp người ta một cái ra một cái. Dao kéo cũng phải vọt ra đường. Quả anh là người đáng tội.

Quan cố tình giảm nhẹ tội cho anh thợ quen biết thường cắt tóc quan không lấy tiền. Hoành biết ý, anh đáp lại rất thông minh :

- Dạ, bẩm quan, con cũng có thói quen là mỗi khi hớt tóc xong, con đều tặng lại người thợ cắt tóc một cái đạp, để anh ta nhớ đời.

Dù hết sức muốn bênh vực cho người mình quen biết, nhưng thói quen của Hoành đối xứng với thói quen của anh thợ cắt tóc đến nỗi không nhẹ hơn một phần nào, khiến quan Huyện phải xử phạt cả hai bên.

QUAN SỜ ĐẦU MÌNH

Hoành và An học cùng lớp. Hai cậu một hôm đem bài vở ra cãi lí với nhau để hiểu nghĩa từng chữ cho sâu rộng hơn. Ban đầu Hoành có chỗ được, chỗ thua, nhưng cuối buổi, An không trả lời nổi ba câu hắc búa của Hoành đặt ra. Anh nóng nảy với bạn :

- Đầu cậu như đầu cá chai - có ý nói cái đầu của An chỉ có sạn.

An tức giận nói lại Hoành :

- Đầu cậu chẳng khác gì đầu tôm.

Hoành hiểu ý, xông vào đánh An tới tấp. Nhờ An có chút võ nghệ, nên đỡ được nhiều miếng hiểm của bạn, rồi đi kiện đến cửa quan.

Cách mấy ngày sau, quan đòi cả hai cậu học trò lên hỏi:

- Hoành, vì sao đánh bạn có thương tích? Đây là nguyên đơn cüa cha mẹ trò Đinh Văn An.

Hoành trả lời :

- Dạ, bẩm quan, con chỉ nói đầu bạn như đầu cá chai, mà bạn lại nói đầu con giống như đầu quan.

An cãi lại :

- Dạ, bẩm quan, con chỉ nói cái đầu Hoành chẳng khác gì đầu tôm, chứ biết đầu quan thế nào mà nói giống đầu quan ạ?

Quan vẫn ngơ ngác hỏi :

- Đầu tôm là cái gì mà cậu đánh bạn đến như vậy? Còn cái đầu quan thì cơn cớ sao mà cậu đánh bạn, cậu nói tôi nghe thử nào?

Hoành biết quan đang đứng ngay tầm gậy cüa mình, anh liền phang thẳng :

- Dạ, bẩm quan, con tôm nào đầu cũng có phân đấy ạ.

Đến đây, quan nổi lên ấm ức ngang cổ hồi lâu, rồi thốt nhiên lấy tay sờ lên đầu mình.

HÔ QUỐC MẪU NGHI

Bà Võ Thị Đệ sinh trong một gia đình yêu nước ở thôn An điềm (xã Bình Trung, huyện Bình Sơn hiện nay), có chồng là Đoàn Như Thiện, đậu cử nhân, nhưng không thèm nhận bằng, ở nhà dạy học và làm thuốc. Ông Thiện thừa kế tài sản rất giàu có của tổ tiên để lại, tuy không tham gia hoạt động, nhưng ông Thiện cũng ủng hộ nhiều lúa gạo, tài sản giúp nghĩa binh Cần Vương do Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân lãnh đạo. Ông Thiện chết sớm, bà Đệ trực tiếp tham gia các phong trào vận động cứu nước tiếp theo.

Trong phong trào Duy Tân, tự tay bà kéo mái tóc dài, đen nhánh của mình, cắt ngắn và cổ động mọi người cùng làm. Nhà bà là chỗ lui tới, gặp gỡ của những người có tâm huyết với đất nước, dân tộc. Bà nuôi nấng, che giấu các nhà hoạt động cách mạng bị thực dân Pháp truy bắt. Tích cực đóng

góp tiền của ủng hộ phong trào đưa thanh niên xuất dương do cụ Phan Bội Châu bí mật tổ chức. Trực tiếp che giấu, nuôi nấng đài thọ cho Võ Quán, cháu gọi bà bằng cô ruột, và Nguyễn Bá Trác, một thanh niên có học, được người ta giới thiệu đến và nhờ bà giúp đỡ đưa ra nước ngoài.

Năm 1916, việc tập hợp nghĩa binh, chuẩn bị khởi nghĩa cần rất nhiều tiền gạo, vũ khí: Nhân ngày giỗ họ của dòng họ Đoàn, những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, mượn cớ ăn giỗ để cùng nhau bí mật hội họp bàn việc quân lương. Cuộc tranh luận trở nên sôi nổi khi bàn đến việc cử người "Biên lương sứ" lo toàn bộ việc tích trữ và vận chuyển quân lương. Mọi người đều đề cử bà vào ban chỉ huy phụ trách việc hậu cần quan trọng ấy. Bà từ chối vì sợ là đàn bà, đi lại khó khăn, không gánh nổi trọng trách, làm lỡ việc của muôn người. Không thấy ai có thể hơn bà, Cử Thụy, viên chủ soái cuộc khởi nghĩa vui vẻ nói:

- Bà thím nhận lời làm cho cái trọng trách "Hộ quốc mẫu nghi" để các bạn đồng nhân và thiên hạ nhớ chứ!

Bà nghiêm túc nói:

- Tôi chỉ sợ không gánh nổi việc lớn, nhưng nếu được mọi người tin cậy, thì già này cũng xin cố sức.

Chức danh trang trọng "Hộ quốc mẫu nghi" gắn liền với tên tuổi bà Võ Thị Đệ và thường được nhắc đến trong hàng ngũ nghĩa quân và các nhà cách mạng kể từ đó. Bà đem toàn bộ lúa gạo, bán tất cả những gì bán được, nộp vào kho chung. Bà đi khắp đó đây, có lúc mặc áo thâm, tay cầm tràng hạt, có lúc lại gánh hàng, có khi tay nãi giả bán hàng hóa, tơ lụa để vận động lương thảo. Nhà có ba con, ngoài Đoàn Triết con trai thứ, sung vào nghĩa quân luyện tập. Còn Đoàn Cổ con trai lớn, bà giao cho việc vận chuyển lương bí mật đến các nơi qui định. Con gái út 15 tuổi giúp bà ghi chép mọi thứ thu, chi.

Quân lương đã được chuẩn bị đủ. Ngày khởi sự cũng sắp đến. Không may chủ trương khởi nghĩa bị bại lộ. Kẻ thù bao vây, truy quét, tàn sát. Bà cũng bị bắt và bị liệt vào 10 người chỉ huy của phong trào. Cũng may, trước khi bị bắt, bà đã thủ tiêu kịp mọi giấy tờ ghi chép, nên thực dân Pháp chỉ cướp đoạt những lúa gạo, thực phẩm hiện có, chứ không biết được tên tuổi những người quyên góp và cũng không biết người chỉ huy quân lương.

Không có bằng cớ, sau ba năm liền giam giữ, tra tấn cũng không tìm được tài liệu nào, địch phải thả bà về nhà. Đau khổ vì nhiều đồng nhân, đồng chí bị xử tử, bị tù đày, thương xót con trai đầu bị đày ra Lao Bảo và mất tại đây. Con trai thứ còn bị giam giữ. Bà càng đau khổ hơn khi biết tin Võ Quán, người cháu duy nhất của dòng họ bà đã hoạt động cách mạng và đã bỏ mình ở nước ngoài. Và, Nguyễn Bá Trác, người đã được bà cứu mạng, đã phản bội, trốn về nước, ra đầu hàng địch và làm quan. Bà vẫn tích cực vận động và ủng hộ các tổ chức cách mạng như Hưng Nam Hội, Thanh Niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Khoảng 1930, Nguyễn Bá Trác làm Tuần Vũ Quảng Ngãi, nghe tin bà vẫn tham gia các phong trào cách mạng, mượn cớ đi hành hạt, đến nhà bà gọi là thăm nhưng cốt để đe nẹt. Trác vào nhà, ra vẻ thân quen, vào cửa, bước đến ngồi ngay trước mặt bà. Bà già vờ kém mắt, không nhìn rõ, hỏi:

- Ai đó?

Trác làm bộ vồn vã, không ra trân trọng, không ra đe dọa:

- Trác đây! Bá Trác đây! Hộ quốc mẫu nghi không nhớ sao?

Nghe nhắc đến danh hiệu thiêng liêng mà các đồng chí, đồng nhân, đều đã ngã xuống trao tặng trước kia, nhưng đau đớn thay, lại từ miệng một tên phản bội thốt ra. Bà giận đến tím ruột, nhưng vẫn cố giữ vẻ bình thản. Bà hỏi thăm Trác đã bôn ba những nơi nào, có gặp Võ Quán cháu bà hay không và như không biết gì chức vụ hiện tại của Trác, bà hỏi:

- Còn sự nghiệp của thầy thành đạt ra sao mà coi bộ mập mạp sang trọng quá vậy.

Trác lúng túng chưa biết đáp sao, Tên Thừa phái theo hầu không hiểu gì về quá khứ, cũng không thấy được ý nghĩa mỉa mai trong câu hỏi, lại thấy bà già này từ nãy đến giờ ngang nhiên coi thường quan trên của mình, vội đỡ lời và cố ý nhấn mạnh chức vụ của Trác:

- Hôm nay, quan lớn Tuần Vũ, hạ cố đến thăm bà đấy!

Bà ra vẻ ngạc nhiên nói :

- À, ra đây là ông Tuần Vũ, ông Tuần Vũ Trác! Lớn quá! ông làm lớn quá! Nhờ đâu mà ông làm lớn đến thế?

Mỗi lời như một mũi tên xoáy sâu vào tâm khảm Trác, nhưng Trác đành phải ngậm câm, không nói được lời nào. Bà rành rọt nói tiếp:

- Ông Tuần học rộng, biết nhiều chắc còn nhớ tích bà Phiếu mẫu nuôi Hàn Tín trừ bạo Tần để

cứu dân, an thiên hạ đấy chứ! Già này chi tiếc mình chọn không phải mặt để gửi vàng, bây giờ nghĩ lại thấy hổ thẹn quá!

Không ngồi được nữa, Trác đứng dậy, mặt tái mét, tay hơi run, bèn lên bước ra khỏi cửa. Tên Thừa phái theo sau nghe Trác lẩm bẩm:

- Bà già lẩm cẩm!

Khi bà Võ Thị Đệ mất, công đức của "Hộ quốc mẫu nghi" được ngợi ca trong nhiều đối liễn:

- Đào tận quần thoa lưu, bát thập xã thôn trung xuất nhân đầu địa.

- Túc vi phụ nữ giám, nhị thập thế kỉ hậu văn giá tác hưng. (Tìm hết trong hàng khăn yếm ở tám mươi làng xã, chỉ thấy một người xuất hiện. Nêu tấm gương sáng cho nữ giới của thế kỷ hai mươi làm giá noi theo).

- Xã hội hữu từ tâm, bác cổn hoàn qui hiền lão ấu.

- Môn phương tồn nghĩa khí, thiên thu hoài ức nữ anh thư. (Xã hội sáng từ tâm, tám mươi tuổi qua đời người mẹ nghĩa. Dấu nhà còn khí tiết, nghìn thu nhớ mãi nữ anh hùng).

TẤM LỤA MAY CỜ

Tương truyền, lúc còn là thanh niên ở với cha là Nguyễn Bá Nghi, quan đại thần tại trều đình Huế, Nguyễn Bá Loan đi học và là bạn bè thân thiết với Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp (con Tôn Thất Thuyết).

Lúc này bọn xâm lược Pháp đã chiếm xong Nam Kỳ, Bắc Kỳ, chiếm Đà Nẵng và chuẩn bị chiếm nốt Trung Kỳ. Triều đình Huế phân hóa thành hai phe, phe chủ chiến và phe chủ hòa. Nguyễn Bá Loan cho cha mình theo phái chủ hòa, mà đã chủ hòa tức là đầu hàng nên tranh luận gay gắt với cha, rồi bỏ sang nhà Đạm, Thiệp tâm sự.

Đạm, Thiệp đưa Loan vào ra mắt Tôn Thất Thuyết, được Thuyết nắm tay an ủi và giao cho mật kế. Loan mặt mày hớn hở, từ biệt ngay các bạn, quay về Quang Ngãi với quyết tâm xây dựng lực

lượng, sẵn sàng cùng các tỉnh nhất tề nổi lên đánh đuổi Pháp khi có lệnh.

Trên đường giục ngựa về quê, Loan ghé thăm Cử Đình và truyền đạt mật kế, cùng phân công. Đình phụ trách phía Bắc tỉnh, Loan phụ trách phía Nam tỉnh và liên lạc với Bình Định.

Loan về đến nhà gặp mẹ, trình bày ý định tụ nghĩa giữ nước. Mẹ Loan mừng rỡ vì thấy con biết làm nghĩa lớn, nhưng trước tiên phải có lá cờ nêu cao danh nghĩa. Tuy chồng làm quan to, nhưng nhà nghèo, bà phải nuôi tằm, ươm tơ để sống. Bà suy nghĩ rồi tháo khung cửi lấy tấm lụa đang dệt dở trao cho con và nói:

- Mẹ nghèo không có gì góp phần. Còn tấm lụa con đem đi may cờ. Cờ có nêu rõ chính nghĩa mới tập hợp được mọi người làm việc lớn. Cha con không có ở nhà. Con lớn rồi, việc gì phải, con cứ làm:

Loan xúc động, rươm rướm nước mắt, quỳ xuống thưa:

- Thưa mẹ, vận nước đang khó khăn, con đã lớn, mẹ cho phép con được làm những việc đáng làm, mẹ lại trao cho con lá cờ để tập họp anh hùng hào kiệt bốn phương. Thế là đủ. Mọi thứ khác con xin

tự lo liệu. Con xin hứa với mẹ, con của mẹ không bao giờ làm hoen ố lá cờ đại nghĩa này. Xin mẹ yên tâm!

Hôm sau, nhà riêng Loan đã thành doanh trại, đình làng thành trụ sở chỉ huy. Giữa sân đình, lá cờ nghĩa được giương cao. Lá cờ màu đỏ, thêu 7 chữ vàng: "Tiễu tặc, trừ gian, bình quốc loạn". Trong không khí sôi sục đánh Tây của cả nước, quan lính triều đình lại án binh bất động, mọi người chưa biết phai làm gì, nay có ngọn cờ tập hợp, mọi người cùng kéo về ứng nghĩa. Ca Lê Lân, Nguyễn Quý, những cử nhân võ, cũng có mặt dưới cờ.

Loan tuy còn rất trẻ nhưng mưu lược sắc sảo, võ nghệ cao cường, được mọi người tin phục, cử làm Tán tướng Quân vụ (tham mưu quân sự). Lê Lân, Nguyễn Quý được cử làm chánh, phó tướng chỉ huy đội Hương binh và Võ kiệt, ra sức tập luyện và mong chờ mệnh lệnh ở Kinh đô.

Ba tháng sau, được tin Kinh đô Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi xuất bôn và ra lệnh các nơi dấy nghĩa Cần Vương. Nguyễn Bá Loan bàng hoàng trước những diễn biến mới, nhưng

có sẵn lực lượng trong tay, Loan kéo quân ra giúp Lê Trung Đình chiếm thành Quảng Ngãi, ứng nghĩa Cần Vương. Nhờ lực lượng đã được tập luyện và sự phối hợp nhịp nhàng nên việc chiếm thành thuận lợi. Lá cờ đại nghĩa của Loan hiên ngang trong nắng gió.

Nhưng sau đó mấy ngày, Nguyễn Thân kéo quân đến. Không lường được ý đồ phản trắc của y, lại bị tấn công bất ngờ và dữ dội, lực lượng nghĩa quân bị tàn sát dã man, Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân, những người chủ soái của phong trào đều bị bắt, lực lượng nghĩa quân còn lại chạy tản mác khắp nơi.

Nguyễn Bá Loan trốn được ra ngoài, với lá cờ quấn tròn quanh cổ, cho người cấp báo với Án sát Nguyễn Duy Cung. Sau đó giương cao cờ giúp Bùi Điền, Đỗ Điệt do Nguyễn Duy Cung sai phái, đem quân từ Bình Định ra ứng cứu. Quân Bùi Điền, Đỗ Điệt cũng nhanh chóng bị quân Nguyễn Thân đánh bại.

Vòng lên phía Bắc, Nguyễn Bá Loan Lại giương cao cờ tập hợp lực lượng chiếm giữ miền Bắc sông Trà, cùng lực lượng nghĩa quân Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàng ở Quang Nam liên kết, yểm trợ cho

nhau. Nguyễn Thân lại kéo quân ra đánh bại, Nghĩa quân chạy tản mác, không tìm thấy Nguyễn Bá Loan ở đâu. Có người nói Loan đã hy sinh trong chiến trận, hai tay còn ôm chặt tấm lụa may cờ mẹ đưa...

Nhưng ít lâu sau, người ta thấy Nguyễn Bá Loan xuất hiện trên bãi bể Kỳ Tân, với lá cờ quấn ở cổ, lên ghe buồm vào Nam. Gần 20 năm sau, tuy không còn lá cờ quấn ở cổ nữa, nhưng Nguyễn Bá Loan đã quay về quê, sống hiên ngang trước kẻ thù, rồi cùng Lê Khiết lãnh đạo phong trào Kháng thuế ở Quang Ngãi.

Phong trào bị đàn áp. Nguyễn Bá Loan cũng như Lê Khiết đã ngã xuống, tô thắm thêm lá cờ bất khuất, giữ tròn lời hứa với mẹ ngày xưa.

PHƯƠNG THUỐC CHỮA BÁCH BỆNH

Muốn tỏ ra chăm sóc đến đời sống nhân dân và muốn lung lạc các nhân sĩ, trí thức trong tỉnh, Công sứ Dodey mời Nguyễn Bá Loan đến bản tòa, tỏ vẻ ân cần, thiết tha mời ông giữ chức trong Hội đồng Vệ sinh tỉnh. Dodey bảo:

- Nhân dân trong tỉnh nhiều bệnh tật lại quá nghèo khổ, thiếu sức khỏe sinh ốm đau, nay cần lập Hội đồng Vệ sinh giúp ngăn ngừa bệnh tật.

Nguyễn Bá Loan vừa tỏ ra tán thưởng, vừa ra vẻ ngạc nhiên nói:

- Quan lớn nhận xét phải lắm: Dân chúng tôi nghèo lắm, khổ lắm, đau ốm nhiều bệnh tật lắm! Nhưng cái Hội đồng Vệ sinh này thì làm được cái gì?

Dodey cố tỏ ra nhã nhặn, giải thích rằng Hội

đông sẽ làm thế này, thế kia, để giúp nhân dân ngăn ngừa bệnh tật. Nguyễn Bá Loan cười nụ, giọng từ tốn nhưng rạch ròi:

- Dân chúng tôi nghèo vì sưu cao, thuế nặng, khổ vì quan lại, Lý hương tham ô, cướp đoạt. Nghèo khổ nên sinh ra bệnh tật. Để ngăn ngừa bệnh tật không cần phải có Hội đồng nào cả, mà phương thuốc tốt nhất là ở quyết định của quan lớn thôi!

Dodey quắc mắt hỏi:

- Tôi phải làm gì?

Được dịp, Nguyễn Bá Loan giữ thái độ trầm tĩnh, nói thẳng:

- Chỉ cần quan lớn trừng trị bọn quan lại, Lý hương bất lương, bỏ xâu, giảm thuế để dân bớt đói khổ. Bớt đói khổ sẽ bớt bệnh tật.

Dodey biết mình bị lái sang hướng khác và ngạc nhiên về thái độ ung dung, bất khuất của một con người dám nêu thẳng yêu cầu đấu tranh cách mạng trước mặt mình. Đôi mắt xanh lè trợn tròn, nhìn đăm đăm vào Loan. Loan cười nhẹ, nghiêm túc nói nốt ý mình:

- Căn bệnh nặng nhất của dân tộc Việt Nam

chúng tôi hiện nay là bệnh mất nước. Người Pháp trả lại nước cho chúng tôi, đó là phương thuốc chữa bách bệnh đấy!

Cặp mắt Dodey hạ xuống, chớp chớp lộ rõ nét nham hiểm, khó hiểu, nhưng cố im lặng, giữ bình tĩnh tiễn Loan ra về.

ĐẢ THƯƠNG QUAN

Cử Cẩn, tức Lê Đình Cẩn, làm Huấn đạo Mộ Đức được ba tháng. Không chịu cuộc đời làm quan nô lệ, ông viết bài thơ tự thán:

"Con hầu mà cứ ngỡ là quan

Luồn đít thằng Tây tớ chẳng màng

Cân đai vứt sạch, về vui phận

Cấy cày, bè bạn với giang san"

Ông bỏ chức về nhà dạy học và giao du với các chí sĩ cách mạng. Bọn thống trị thực dân cho mật thám bí mật theo dõi. Nghe báo Cử Cẩn cất giấu tài liệu chống Pháp, Công sứ Dodey sai lính tức tốc đến khám nhà. Gặp lúc Cử Cẩn đi vắng, bọn lính lục soát khắp nơi, nhưng không tìm được một tài liệu nào.

Vài hôm sau về nhà, biết rõ sự việc, Cử Cẩn đến thẳng công đường Tuần vũ Lê Từ, hỏi:

- Tôi có tội gì mà quan cho lính đến khám nhà và đòi bắt tôi!

Lê Từ biết người làm cách mạng coi trời bằng vung, muốn né tránh, ra vẻ lịch sự, phân trần:

- Việc này chắc ở quan Công sứ. Tôi có biết gì đâu? Ông sang tòa Sứ hỏi xem.

Cử Cẩn đi ngay đến Tòa Sứ, thấy Dodey đang ngồi oai vệ giữa công đường. Cử Cẩn bước tới trước mặt, nghiêm giọng hỏi đúng như câu đã hỏi Lê Từ. Sau một phút ngạc nhiên, lấy lại vẻ nghiêm nghị Dodey nói như quát:

- Mầy không có tội à? Thế mấy hôm nay mày đi đâu?

Thái độ hách dịch của viên Công sứ Pháp đã thật sự làm Cử Cẩn nổi giận. Mặt ông đỏ lên, hỏi vặn lại:

- Thế còn ông, ông đi đâu mà tôi cũng thấy đi luôn?

Dodey vẫn giọng hách dịch, đáp:

- Tao đi có việc. Mày có quyền gì hỏi tao?

Cử Cẩn bóp chát lại ngay:

- À! Thế thì tôi cũng đi có việc của tôi.

Dodey quắc mắt, giọng đanh lại:

- Mày đi rủ người ta làm giặc, chứ có việc gì?

Cử Cẩn cười mỉa mai, nói thong thả, nhấn mạnh từng ý:

- A, a, ông chớ vội dùng quyền lực sớm buộc tội cho người. Còn thế nào là làm giặc? Kẻ cướp nước và người cứu nước, ai là người làm giặc, còn phải trao đổi dài dài đấy...!

Mắt Dodey đỏ quầng những máu, nhưng chưa có bằng cớ gì để buộc tội, đập mạnh xuống bàn như để trút bớt cơn tức giận, rồi thét lớn để giữ oai vệ:

- Lính, lôi nó sang giao cho Tuần vũ!

Tuần vũ cũng không có chứng cứ buộc tôi, đành phải để Cử Cẩn ra về, với lời khuyên ra về ân cần "Ông nhớ đừng đi đâu để Tây nó nghi"...

Nhưng Cử Cẩn làm sao không đi được. Vài hôm sau ông đi Sơn Tịnh về đến Bàu Giang thì gặp Công sứ Dodey, ngồi trên chiếc xe nhà, có người kéo, còn có thông phán, lục sự theo sau. Thấy Cử Cẩn, Dodey bắt dừng xe lại, bước xuống quắc mắt hỏi:

- Mày đi đâu?

Cừ Cẩn phớt tỉnh, nhổ nước bọt quay mặt đi nơi khác, không thèm trả lời.

Dodey tức uất, lao đến tát Cừ Cẩn một tát. Không chịu thua, sẵn gậy cầm trong tay, Cừ Cẩn phang cho Công sứ hai gậy liên tiếp như trời giáng. Dodey ôm đầu. Bọn tùy tùng áp lại bắt Cừ Cẩn đưa về tỉnh buộc tội "Đả thượng quan".

SỐNG ANH DŨNG, CHẾT HIÊN NGANG

Cử Sụy, tức Nguyễn Thụy, là một trong những lãnh tụ phong trào Duy Tân Quảng Ngãi. Cuộc khơi nghĩa đã được bàn bạc thống nhất cùng các tỉnh, mọi mặt chuẩn bị đầy đủ chỉ còn chờ đến giờ khởi binh.

Do sơ xuất của những người theo khởi nghĩa nằm trong hàng ngũ binh lính địch, chủ trương khởi nghĩa bị bại lộ trước một ngày. Kẻ thù ra lệnh phong tỏa khắp nơi, tước vũ khí tất cả binh lính người Việt, tập trung đánh vào những cứ điểm tập trung chủ chốt và lùng bắt dữ dội.

Chủ trương khởi nghĩa thất bại, các lãnh tụ phong trào lần lượt bị vây bắt hầu hết. Cử Sụy, chủ soái cuộc khởi nghĩa được nghĩa quân và nhân dân chuyền nhau che giấu. Thực dân Pháp và tay sai quyết bắt cho được người lãnh đạo chủ chốt cuộc

khởi nghĩa trong tỉnh. Chúng không từ một thủ đoạn tàn bạo nào, truy quét, khủng bố, đốt giết, triệt hạ cả xóm làng những nơi chúng nghi có Cử Sụy trốn tránh. Đồng thời chúng ra lệnh tịch biên gia sản và bắt giam mẹ Cử Sụy vào ngục.

Thấy không thể để nhân dân nơi mình ẩn núp bị tàn sát hết chỗ này đến chỗ khác và thương mẹ già cả phải khổ sở trong ngục tù, Cử Sụy than:

- Ôi! cơ trời chưa đến, vận nước đang suy, bao nhiêu bằng hữu lấy máu làm vinh. Ta đâu cưỡng được mà không lấy cái chết để giữ tròn đạo trung hiếu tiết nghĩa với đời!

Cử Sụy quyết định không trốn nữa, suốt đêm quay về quê. Sáng ngày hôm sau, Cử Sụy đến thẳng dinh tri phủ Tư Nghĩa đề đạt yêu cầu thả ngay mẹ ông ra và phẫn nộ bảo:

- Việc người nào làm người ấy chịu, bắt và hành hạ mẹ già người ta là cử chỉ hèn hạ!

Rồi nhìn thẳng vào mặt viên tri phủ, Cử Sụy bình thản, tiếp:

- Ông muốn lập công à! Cử Sụy đến cho ông lập công lớn đây!

Sau đó ông im lặng, không nói thêm một lời nào,

mặc cho người ta trói, mặc cho người ta giải lên tỉnh.

Trong cuộc tra vấn tại dinh Tuần vũ, Công sứ De Tastes vì nghe bắt được Cử Sụy mừng quá, cùng đến dự, hỏi Cử Sụy:

- Ông là người khoa cử sao không ra làm quan để hưởng bổng lộc, mà lại đi làm loạn để phải tù tội.

Cử Sụy nhìn thẳng vào mặt Tuần vũ Trần Tiến Hối, thong thả, rành mạch trả lời:

- Nếu tôi chỉ ham sung sướng ra làm quan thì tôi có thua gì ông Hối đây, nhưng tôi không tham vì còn nghĩ đến dân tộc tôi.

Rồi Cử Sụy quay sang nhìn thẳng vào viên Công sứ, nghiêm nét mặt nói:

- Ông bảo tôi làm loạn à? Chiến đấu cứu dân, cứu nước mà bảo làm loạn thì luân lý, đạo đức đảo điên, rối loạn tất cả rồi sao? Chẳng thế mà các ông mất hai hạt Alsace, Lovrain, các ông không chiến đấu để lấy lại, mà đem quân đi cướp nước người...

Viên Công sứ giận tái mặt, tát Cử Sụy một bạt tai thật mạnh, như muốn khoe khoang quyền lực để giảm bớt nhục nhã, rồi tiu nghỉu bỏ đi.

Tuần vũ muốn an ủi quan thầy, nhưng chưa biết phải làm gì, vội thốt lên câu chữ Hán buộc tội Cử Sụy:

- *Tặc tử thị tặc tử, gian hùng thị gian hùng.*

Cử Sụy nói như quát:

- *Kiến nghĩa bất vi, vô dũng. Xử tội nhân giai, đắc nhi tru.*

Bọn quan lại Pháp, Nam chịu khoanh tay bất lực trước thái độ hiên ngang, bất khuất của người chí sĩ, chỉ còn biết giam thật chặt, chờ ngày xử tử hình.

Trong những ngày chờ đợi ra pháp trường, Cử Sụy không ăn uống, nhưng nét mặt lúc nào cũng nghiêm trang, bình tĩnh. Trước khi ra pháp trường, Cử Sụy không thèm nhìn đến bữa ăn ngon thường lệ dành cho kẻ tử tù. Trên đường ra pháp trường, Cử Sụy hiên ngang đi giữa hai hàng lính áp giải. Đến cửa Tây thành Quảng Ngãi, Cử Sụy đọc hai câu cuối cùng:

Sinh Nam Việt, sinh tuyệt hư danh,
Tử Tây phương, tử tồn danh tiết.

Từ đó Cử Sụy im lặng, ngẩng cao đầu, nét mặt hiên ngang cho đến lúc đầu rơi khỏi cổ.

CÂU ĐỐI PHÚNG

Trước đây nhân dân Quảng Ngãi, lúc hội hè, đình đám, nhất là lúc trao đổi về thế thái nhân tình, thường đọc cho nhau nghe đôi câu đối:

- Ông vội đi đâu, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ vợ bỏ con, bỏ gánh hát, bỏ chùa chiềng, bỏ hưu bỗng, bỏ lộc điền, bỏ hết trần duyên rồi một kiếp.

- Tôi còn ở lại, còn trời còn đất, còn nước còn non, còn kẻ tài, còn người trí, còn anh hùng, còn hào kiệt, còn nhiều sự nghiệp với muôn thu.

Ai cũng khâm phục văn tài lưu loát nhất là ý nghĩa châm biếm và khí vị tự hào toát ra từ đôi câu đối trên. Nhưng ai là tác giả câu đối trên thì nhiều người không biết. Riêng các cụ nho học trong các buổi đàm đạo về thế sự thường gật gù tán thưởng với nhau và khẳng định:

- Hay quá, đầy đủ quá, chửi Nguyễn Thân,

không bỏ sót một điều gì. Còn ai vào đó nữa, khí văn đó là khí văn của Cử Cẩn.

Các cụ truyền với nhau rằng Cử Cẩn tham gia phong trào Kháng thuế bị bắt, bị kết án lưu đày chung thân. Bị giam giữ và ăn uống đói khát nên bị lao phổi rất nặng. Bọn thống trị phải đưa về giam ở nhà lao tỉnh. Mặc dù thân xác ông ngày một kiệt quệ, nhưng lúc nào ông cũng sống rừng rực hào khí. Khi nghe tin Nguyễn Thân chết, ông chép miệng, nói với mọi người:

- Đáng tiếc, thật đáng tiếc. Con sâu đó nó lại chết trước mình. Chưa kịp lấy máu nó mà rửa nhục cho non sông, nòi giống.

Rồi ông làm câu đối trên gửi đến để viếng.

Không biết câu đối phúng đó có đến được đám tang hay không, nhưng văn tài và khí phách Cử Cẩn còn truyền mãi đến ngày nay.

MẠCH NHA

Từ xa xưa, nói đến đặc sản Quảng Ngãi, người ta không quên nhắc đến Mạch nha. Nói đến Mạch nha là phải nói Mạch nha ở Thi Phổ. Dân gian Quảng Ngãi đã đúc kết: "Cá Bống sông Trà. Mạch nha Thi Phổ". Thi Phổ, vùng đất giàu lúa nhất, nhì Quảng Ngãi. Thi Phổ, cách thị xã Quảng Ngãi 17km về phía Nam. Nghề nấu Mạch nha khá công phu, tỉ mẩn, đặc biệt là phải vệ sinh sạch sẽ, khéo tay...

Người nấu Mạch nha đầu tiên, người ta nói là ông Phó Sáu, xã Đức Vinh, huyện Mộ Đức. Nhưng nguồn gốc Mạch nha lại từ câu chuyện Ông Giáo Bay đi học nấu Mạch nha ở "Gò cây Duối ". Một cái gò đất cao, nổi lên giữa cánh đồng lúa Thi Phổ. Mới nghe tới đó, ai cũng tưởng, ông Giáo đi qua học thầy Tây, thầy Tàu gì ở đâu, không ngờ Ông

Giáo lại đi học mấy đứa chăn bò ngoài "Gò cây Duối".

Số là hôm trước, bắc mạ xong, ông Giáo vác cây chổi đông đình về thẳng nhà, quên phức cái thúng còn dư vài bát mộng mạ. Nữa buổi ngày hôm sau, đi dạy về, ông mới trực nhớ, vội quay ra ruộng mạ. Vừa tới "Gò cây Duối" ông Giáo đã thấy cái thúng mình ở đó. Còn bên bụi cây "Chùm chày" đằng kia, thì mấy ông nhỏ đang dành nhau húp thứ nước gì mà trông ngon lành thế?. Ông dặng hắng một tiếng. Mấy đứa trẻ quay ra thấy ông Giáo Bảy, sợ quá, bỏ chạy tứ tán. Chỉ còn thằng Tý Sún cứng cắng, đứng run tại chỗ.

- Dạ, thằng Thường con bà Trà, nó nó... lấy mộng mạ của ông, nó nó... nấu ra nước, nó nó cho cháu húp có một chút thôi, ngọt ngọt như nước mía. Cháu xin húp húp thêm chút nữa, nó nó hống cho.

Nghe tới đó, ông Giáo Bảy tức cười quá, xách thúng quay về. Trên đường từ "Gò cây Duối" tới nhà, ông nghĩ đến sự thông minh của những đứa trẻ nghèo khổ, trên mảnh đất giàu lúa này. Ông đoán chắc, bọn nhỏ này sẽ ăn quen. Đang mùa mạ tháng ba, nhà nào mà không gieo mạ? Bọn nó thế

nào cũng hốt mạ của nhà ra nấu lấy nước húp chơi, cho mà coi. Nghĩ thế, ông Giáo cố tình theo dõi chúng suốt mấy ngày liền.

Quả nhiên, đúng phắp, trò nấu mộng mạ giải quyết được "công ăn việc làm" trong giờ rỗi của mấy đứa trẻ chăn bò, ngày càng hấp dẫn ông. Ông gần gụi, vừa dạy cho các cháu học chữ, vừa học chúng nấu mộng mạ. Một hôm thằng Thường nói ra ý nghĩ của mình: "Nước mía thắng ra đường non, bữa nay, mời thầy ra coi bọn em thắng nước mộng lúa thử nó có ra đường non không?"

Thế là đứng bóng trưa hôm đó, thầy Giáo Bảy cũng được nếm thử cái gọi là "đường non mộng lúa" của bọn trẻ chăn bò trên cánh đồng lúa Thi Phổ.

- Ngọt như đường, ngon thiệt - ông Giáo khen.

- Thầy cho lúa, bọn cháu ủ mộng, rồi nấu cho thầy ăn - mấy đứa chăn bò nói, ông Giáo Bảy hôm sau, cũng cho bọn trẻ một ang lúa. Chúng nó ủ mộng, rồi nấu được mấy bát nước cô đặc lại. Chúng nó nấu xong cũng mời ông ra ăn thử. Ông khen đặc, ngon ngọt hơn trước. Nhưng ông nói: "Một ang lúa, mà nấu ra chỉ được mấy bát "đường non" thế này, thì uống thuốc Bắc còn hơn".

Hồi đó, ông Giáo Bảy là người hay chữ nhất làng, lại có đầu óc doanh nghiệp. Nghe đâu, sau này ông đã tra cứu sách Tàu, đặt tên cho loại "đường non mộng lúa" này là "Mạch nha". Và ông cũng đã tìm ra cách nấu "mạch nha" bước đầu, có tính chất khoa học hơn.

"DON" QUẢNG NGÃI

"Don" nổi tiếng như mọi thứ đặc sản khác ở miền Trung. Dân vùng kia bảo "Don" là "Hến", dân vùng nọ nói "Dắt" là "Don". Nơi này thường gọi tên này, chỗ khác quen gọi tên khác. Có thể là như vậy, nhưng ở Quảng Ngãi nó không phải là "Dắt", cũng không phải là "Hến" mà nó là "Don".

Không biết tên gọi "Don" có từ bao giờ, cũng không biết có phải vì "Don" mang ý nghĩa là "Thon" (nhỏ lại) hay không, mà ở Quảng Ngãi có giai thoại về "Don" như sau:

Từ xa xưa trên đỉnh núi "Đắc-Tơ-Rôn", nơi phát sinh nguồn sông Trà Khúc chỉ thấy sương mù và băng giá, có một loài Ốc khổng lồ. Người ta phân biệt được Ốc với những tảng đá lớn, là nhờ Ốc có thể di chuyển được. Ở nơi đây, Ốc là nguồn thực phẩm chính của các loài vật mõm dài và mỏ cứng. Nhưng đối với chúng, muốn có cái để ăn không phải dễ vì bao bọc quanh mình Ốc là vỏ cứng, chỉ

có cửa miệng là con đường duy nhất để xâm nhập vào bên trong nhà Ốc.

Một mùa đông nọ, bỗng dưng Ốc luôn ngậm miệng. Các loài phục mãi nhưng không được. Đói quá, chúng bàn nhau nhờ lũ Kiến "Hơ-Nghen".

Lũ Kiến thay nhau rình rập, đợi Ốc mở miệng là xông vào đục khoét, vật Ốc ngã xuống... Từ đó về sau, Ốc thấy Kiến đâu là lăn cả người đè lên hòng nghiền nát chúng. Tưởng Kiến sợ, nhưng không một chú Kiến rụt rè. Cả nhà họ Kiến tin cho nhau. Tức thì hàng muôn, hàng ngàn con khác kéo nhau từng đàn, từng lũ tấn công đối thủ. Cuối cùng Ốc cũng không thể thoát chết được. Mỗi lần Ốc ngã xuống, Quạ,, Diều, Cò, Vạc... lại khua chiên, gõ trống ăn mừng.

Nạn Kiến "Hơ-Nghen" tràn ngập làm cho dòng họ nhà Ốc tan tác. Ốc bò lên cây, Kiến cũng lên cây. Ốc chạy xuống nước, Kiến cũng chạy xuống nước. Ốc to quá bò lỏm ngỏm, bày cả lưng trên mặt nước Kiến "Hơ-Nghen" bèn trèo lên lưng Ốc, tìm cách đục thủng vỏ rồi gọi chim muông đến hút sạch ruột.

Đang luống cuống, chưa biết cách nào để chống lại nạn Kiến "Hơ-Nghen". Bỗng có thần núi "Đắc

Tơ Rôn" vác một cái búa to tướng, chân nam đá chân chiêu đi qua. Như người chết đuối vớ được cọc, Ốc bò theo cầu cứu. Thần núi nói:

- Chỉ có cái búa này thôi, Ốc cần gì ta sẵn sàng.

Ốc nói:

- Chúng tôi chạy nạn, đã xuống hết cả dưới nước nhưng khốn nỗi là to xác quá, nước sâu mấy, lưng cũng thòi lên. Xin nhờ ông...

- Vậy thì dễ ợt... Thần nốc một hơi cạn sạch bầu rượu đang treo bên mình, mặt mũi đỏ lựng rồi ra sức vung búa. Tay búa không chừng, Thần đập nhát nhẹ, nhát nặng. Những con Ốc to tướng vỡ ra nhiều mảnh to, nhỏ không đều nhau. Vừa lúc trên núi "Đắc-Tơ- Rôn" mưa nguồn, mưa lũ đổ xuống, cuốn các mảnh Ốc vừa nát vụn ra xuống khắp đồng ruộng, ao hồ, kênh rạch...

Từ đó, trên đỉnh núi không còn những con Ốc không lồ như trước nữa. Bà con đi lưới, đi rập, tìm thấy ven sông, dọc suối một loại ốc nhỏ li ti, vỏ mong. Ban đầu, có người bảo đó là ốc con. Nhưng thần núi không bao giờ cho nó lớn nữa. Về sau người ta gọi nó là con "Don".

Vì xuất phát từ đầu nguồn nên "Don" dọc sông Trà Khúc rất nhiều. Người dân ven sông chuyên nấu "Don" bán. "Don" vừa là món ăn đặc sản, vừa là món ăn bình dân phổ biến ở Quảng Ngãi. Ai đến Quảng Ngãi cũng tìm "Don" ăn cho biết. Mới đầu ai cũng lấy làm lạ, chỉ có một bát nước đục đục và một "Don", kèm theo cái bánh tráng bẻ nhỏ bỏ vào bát... Thế mà ăn lại rất ngon, mát, bổ. Mới ăn, chứ đã ăn quen rồi thì đâm ra nghiện. Có những người Quảng Ngãi đi xa, chỉ mong được về quê nhà, ăn một bữa "Don" cho đã thèm, rồi lại ra đi...

HÒ HAY LẤY ĐƯỢC VỢ XA KHỎI PHẢI TRẦU CAU LỄ LÔC

Có một chàng trai quê Quảng Ngãi tên là Ba, sống bằng nghề buôn chuyến, thường qua lại bến đò Vu-Gia ở Đại Lộc, Quảng Nam. Anh thầm thương cô lái đò xinh đẹp, lại có giọng hò mơn man lưu luyến khách đợi đò.

Anh Ba nhiều lần muốn ngỏ lời, nhưng lại e thẹn, đành ôm mối tương tư. Một hôm, trước khi cất gánh trở về quê, xuống đò, nhân lúc vắng khách, anh đánh bạo thăm dò lòng người con gái qua nỗi nông sâu sông nước. Anh bèn cất lên câu hát:

- *"Đến Quảng Nam qua chuyến đò Đại Lộc*

Thả quang sào chưa tới đất, nào ai biết cạn sâu

Nước xanh lơ mà nước chảy về đâu

Đến khi mô nước cạn để quăng sào "Vu-Gia"

Đò ngang một chuyến lại qua

Chớ còn duyên nợ phải bảy ba thác gành

Gặp nhau chi kẻ Tấn, người Tần

Quảy gánh tình bên nặng, bên nhẹ lấy chi cân cho đồng

Bấy lâu nay sào đâu, đò đó qua sông

Đến bây giờ đò một nơi, sào một ngã, hỏi ai không thảm phiền?

Cô lái đò nghe động lòng - thì ra không phải lâu nay chỉ có anh Ba để ý, mà cô gái lái đò cũng chưa có dịp nói ra. Bây giờ đã đến lúc - Giữa sông nước mênh mông, nàng cất lên câu đáp lại:

- *"Lòng Vả dày, lòng Sung cũng rứa*

Tấn Tần xa, đâu bằng Hán Sở, Tống Phiên

Thôi thôi chớ có thảm, có phiền

Để em về Quảng Nghĩa chung duyên cùng chàng...

Thế rồi những ngày sau đó, khách sang sông không còn thấy cô lái đò đào tơ trên bến Vu-Gia. Người ta đồn rằng - Anh Ba hò hay đến nỗi nàng đã theo không anh về quê chồng ở Quảng Nghĩa.

Từ đó, con đò cũ cứ tháng ngày đưa khách sang

sông. Sông Vu-Gia vẫn một dòng xanh trong lững lờ trôi. Còn cô lái đò xưa đã cất giọng hò về bến sông xa...

NHANH TRÍ KHỎI TÔI

Nguyễn Tấn Chi người làng An Nhơn (Sơn Tịnh). Tuy nghèo, cả đời cuốc mướn cày thuê, nhưng văn hay chữ tốt, lại có tài ứng đối.

Năm đó, vợ chồng quan Kiểm, chánh quán ở Tịnh An, nhưng làm việc ngoài triều đình Huế. Lâu ngày ông bà về quê muốn nghe giọng hát hò, hát hố để sống lại một thời gian dân giã xa xưa.

Bà con trong xóm đi rước một số nghệ nhân tới nhà đối đáp cho ông bà vui lòng. Đêm đó Nguyễn Tấn Chi hát rằng:

"Giang sơn một nắm trong tay,

Mãi lo việc nước quên hay việc trào".

Lúc bấy giờ nông dân đang dấy lên phong trào chống sưu cao thuế nặng khắp nơi, quan Kiểm nghĩ rằng Tấn Chi hát như vậy là có ý ám chỉ cho tinh thần nổi loạn ở địa phương, ông quát to:

- Mày là loại dân đen tôi tớ, làm gì mà cũng lên mặt dạy đời, dời việc nước, rước việc dân? Lí trưởng đâu trói cổ thằng này lại trị ngay.

Các nghệ nhân sợ tím mặt mày. Cả nhà mở cuộc hát hò cũng còn miệng ăn hết miệng nói. Riêng Nguyễn Tấn Chi vẫn bình tĩnh trình trước quan Kiểm:

- Bẩm quan, con đâu dám nghĩ như vậy - Anh ngửa tay, một nắm chè tàu anh nắm sẵn, đưa ra trước mặt mọi người. Anh tiếp:

- Con nói "Giang sơn một nắm trong tay", đúng là cả nhà con chỉ còn một nắm chè tàu, nhưng vì quí mến vợ chồng quan lớn lâu ngày về thăm quê, nên con dấu vợ, quơ hết vào tay đem sang để pha nước hầu quan đấy ạ. Còn câu "Mãi lo việc nước, quên hay việc trào", là rõ ràng nước đang sôi trào ra, mà con tuân lịnh quan lớn, lo hát, nước trào đâu hay? Bẩm quan lớn cho phép con chữa lại thế này:

"Trà tàu một nắm trong tay,

Mãi lo hò hát chẳng hay nước trào".

Tiếng vỗ tay reo mừng của mọi người trỗi dậy, khiến quan ông cũng thấy có lí, bèn ra lịnh tha cho Nguyễn Tấn Chi.

LẤY GÌ ANH BUÔN

Gần Châu Ổ xưa, có anh Tám mới cưới thêm cô vợ bé. Được chị vợ cả bằng lòng, anh mới lễ lộc, cưới hỏi đàng hoàng, thế mà oái oăm thật! Ngay đêm tân hôn, chị vợ cả lại trở chứng nghiệt ngã - kê ngay giường gác trước cửa buồng.

Nằm bên trong đợi hoài, chán quá, bà Hai nhằm kẻ cửa nhắn ra với anh Tám rằng:

- "Sách có chữ:

Chiếu chiếu chăn chăn như lâm thâm nguyệt

Như lối Hạc băng

Thuyền đi em ghé bến chăng?

Bến đây lòng vời vợi khăng khăng đó thuyền".

Anh Tám, chồng mới cưới của bà Hai, cũng đầy vơi tâm sự:

- "*Phải chi tấm vách*

Anh đạp cái nó đổ nghiêng

Nghiệt ngã cho cái chòi canh của xã

Muốn lung liêng thật khó lòng

Nhớ thuyền, anh cũng muốn sang

Cực e một nỗi đi ngang qua mắt tuần".

Bà vợ cả đang cơn ghen, ngủ không yên, cất giọng tịt mũi:

- "*Chẳng buôn chẳng bán thì đừng*

Đã buôn, đã bán trình tuần rồi đi".

Biết phận là không dành riêng cho bà Hai được nữa, anh Tám đành xuống nước:

- "*Tiền lưng bạc túi có kì*

Trình tuần lép túi, lấy gì anh buôn".

THANG BOI ĐOI ĐI

Anh Cả xóm núi, có vợ đẻ. Người em vợ trẻ, đẹp hết cỡ, được chị cho gọi để nhờ chăm sóc cháu trong những ngày ở cử. Bình thường anh Cả rất đứng đắn. Nhưng vì vợ nằm ở buồng dưới, anh và cô em vợ lại nằm chỉ cách nhau một tấm vách mỏng, nên mọi động tĩnh cüa cô em vợ anh đều biết.

Anh hết sức đấu tranh với bản thân mình, nhưng cô em vợ xinh lại đối xử với anh dễ thương quá. Anh cầm lòng không đậu, đợi cả nhà ngü hết, mới lổm ngổm bò tới giường cô em vợ. Chị vợ đang ngáy kho kho, thế mà vừa nghe tiếng sột soạt, chị đã tỉnh như sao sáo, cất giọng:

- "*Đêm khuya gà gáy ó o,*

Hỏi chàng quân tử kia bò đi đâu?".

Người em vợ nghe chị hỏi, giật mình, biết điều

gì đã xảy ra, cô cũng vờ như vừa thức giấc, lên tiếng để chị an tâm:

- "*Đêm khuya gà gáy ó o,*

Của dì, dì giữ, ai bò mược ai".

Anh Cả "ăn vụng" bị "trật miếng", vừa tiếc, vừa tức, đành phải thực lòng với cả hai:

- "*Đêm khuya gà gáy ó o,*

Thằng Bòi thao thức giục anh bò anh đi ?"

Thực bụng rồi, câu chuyện sau đó thế nào, anh Cả cũng không nói cho ai biết nữa...

ƯU TIÊN CẢ HAI

Vùng ven sông Vệ xưa, có Trùm Nên hai vợ. Một đêm mùa đông lạnh lắm. Chăn bông ngày xưa chưa có, chỉ có "mền da". Anh đang bối rối, chưa biết ưu tiên cho bà nào?

Trùm Nên ra điều kiện:

- Bà nào hát vừa hay, vừa có lí, có tình, thì ưu tiên bà đó.

Bà Hai mau miệng cất giọng dỗ dành:

- "*Anh có thương em thì ngoảnh mặt vô trong,*

Sớm mai đi chợ em mua bún với lòng anh ăn".

Trùm Nên mừng quá, định quay mặt vô phía bà Hai, thì chị vợ cả níu lại, giọng hát nghe rất quyền thế:

- "*Đã thương em thì ngoảnh mặt ra ngoài,*

Mai sớm em dọn mật chấm khoai mài anh xơi".

Cả hai bà vợ đều hát hay, hữu lí, hữu tình, quan trọng hơn là ai cũng hứa sẽ đãi những món mà Trùm Nên ưa thích, lâu ngày chưa có ai mời.

Phân vân quá! biết làm sao đây? Trùm Nên vui vẻ:

- Thôi thì ... để tui ưu tiên cả hai vậy?

BÀI THƠ TỪ TÌNH

Đồn rằng Phú Bình xã có cụ Đồ văn hay chữ tốt, tính tình hiền hậu, trung thực... Trong xã, ngoài làng, ai cũng kính trọng, thương yêu. Vợ mất sớm, ông vốn ở vậy, dạy học trò, nuôi con.

Trong thôn gần cạnh nhà, có một người đàn bà góa chồng, đang độ hồi xuân. Nhan sắc bà cũng còn mặn mòi, dễ ngó. Có nhiều ông muốn xuống lên thì thụt, nhưng bà thấy tiếng tăm cơ ngơi của cụ Đồ là hơn cả, nên bà đem lòng khao khát.

Trước lời ve vản dịu ngọt của người đàn bà có dụng ý vụ lợi, cụ Đồ làm thơ khước từ như sau:

Thôi xin đừng nợ với đừng duyên

Vứt bỏ ngoài tai việc cảm phiền

Tuổi ngoại bảy mươi kề miệng lổ

Hơi đâu xuống ngựa với lên yên

Muốn vững thuyền tình tìm lái trẻ

Neo già néo nhẹ gió xiêu liền

Phận lão da dùn thêm gối lỏng

Động đào nhường bước kẻ tầm tiên.

Cụ Đồ đã vượt qua khỏi thường tình, giữ được phẩm giá của một con người đem chữ nghĩa dạy cho cháu con.

MĂT RỖ ĐỐI GIỎI CŨNG ĐƯỢC VÀO CUNG

Làng Trường Thọ có cô gái hát rất hay, vóc dáng đứng xa trông đẹp lắm, khổ một nỗi là mặt nàng bị rỗ. Một hôm đang hái dâu ngoài soi, gần đường lớn, thấy võng lọng nhà Vua, tiền hô hậu ủng, nàng bèn cất tiếng hát:

"Tai nghe vua ngự Hàm Rồng,

Cảm thương phận thiếp góa chồng bấy nay".

Không phải vì nội dung câu hát, mà là giọng hát thanh trong lả lướt, khiến cho người nghe phải dừng chân ngoái lại. Nghe tiếng hát có sức quyến rũ lạ thường, nhà vua sai lính xuống nương dâu gọi lên. Vừa giáp mặt, Vua hỏi:

- Có phai người vừa hát đó không? Nàng hãy hát lại cho ta nghe.

Đúng là giọng hát như chuông, xao xuyến ca

một khoảng trời, chưa từng nghe cung phi, mĩ nữ nào có giọng hát tuyệt vời như vậy. Vua phán rằng:

- Nghe người hát hay, ta cũng rất thích, nhưng ta càng thích người đối giỏi hơn. Nếu nàng cả hát hay, cả đối giỏi, ta sẽ lấy nàng làm vợ.

Cô gái nghe vua phán, cúi mặt xuống đất, có ý chờ nhà vua ra câu đối, vua đọc vế đối ngay:

- Rỗ chằng, rỗ chịt, rỗ chín phần.

Cô gái qùi thưa:

- Tâu đức vua, rỗ đối với an được không ạ?

- Được - Vua gật đầu, đỡ cô gái đứng dậy.

Cô gái liền đọc:

- An nước, an dân, an tám cõi.

Vua vẫn biết rằng tiếng Quảng, chữ "an" có nghĩa "bình an", cũng đọc như chữ "ang" là cái ang đong lúa. Nhưng nhà vua cũng rất phục tài người con gái đầy thông minh và gan ruột. Vua cho người đưa kiệu võng nàng về cung.

TÀI ỨNG ĐỐI CỦA ANH CÒNG

Đồn rằng ở Nghĩa Hành có anh gù tên là Bốn Thê. Tính nết anh rất được nhiều người cảm mến. Từ đứa trẻ cho đến cụ già, cả một vùng nơi anh trú ngụ đều khen giọng hát của anh tuyệt vời. Đặc biệt tài ứng đối anh Còng thì hết chỗ nói.

Trong xóm, có gia đình coi anh như con trong nhà. Ông cha, bà mẹ, được miếng ngon vật lạ gì đều nhắc đến anh. Cô con gái út của gia đình cũng vậy.

Anh nghĩ chắc như bắp, chỉ cần bắt nồi rang là nổ giòn. Một hôm, anh dại dột đem ngỏ lời cùng cô gái trẻ, không ngờ bị nàng hát, cự tuyệt:

"Đọt tre thoảng tiếng chim gù,
Lâm thâm mưa ướt, lấy gì bù cho khô.
Đừng lầm một bát vài tô,
Mà đưa giọng hát hồ đồ xẹo xiên.

Bao giờ cóc lấy được tiên,

Thì tôi mới vớ phải duyên anh Gù".

Biết mình lỡ dại nói rồi, nhưng đã nắm đuôi cọp, tha ra thì chết luôn. Nên anh kiên trì, đêm nào cũng sang hò hát. Có lúc hứng tình, anh hát rằng:

"*Trời trớ trêu sinh một anh gù,*

Để đêm nằm em nắm cái u cho đỡ buồn.

Bụi tre có cây thẳng cây cong,

Con người ta trẻ thẳng, già khòm biết rủi hay may.

Anh Gù mà hơn cả anh ngay,

Công việc cả ngày anh gánh em chơi".

Nghe anh Gù thật lòng, cô con gái thấy như mình nhẹ hẳn ra, nàng bắt đầu suy gẫm:

"*Nắm đuôi con rắn mối lên chùa,*

Xin ông Phật tổ một lá bùa phép Tiên.

Lưng gù em dán bùa lên

Nằm ngửa không đặng, em nằm nghiêng bên chàng".

Biết cô nàng đã lắm lao lung, anh Gù đêm nào

cũng không quên tấn công liên tục. Anh Gù đi hoài thế nào rồi cũng tới đích. Một hôm cô gái mới bày tỏ thật với chị em bạn:

"Các anh các chị ơi, xin chớ có cười,

Để cho em gá nghĩa với người gù lưng...".

CHÂN QUÈ CÒN ĐI HÁT HỐ

Đồn rằng ở Tư Nghĩa có anh Năm Tấn hát hố thậm hay. Chẳng may mưa bão năm Dần, cây đổ đè phải chân, nên anh đi khập khiểng. Tuy thế, Năm Tấn vẫn say sưa đi hát.

Một hôm đang trong chặng hát điếm, một cô gái độc miệng, lấy cái chân tật của anh Năm Tấn ghẹo cho thiên hạ cười chơi. Cô ghẹo rằng:

- *"Điệu nào hay bằng điệu hát hố, hát hò,*

Chớ vui gì một cẳng, anh còn cò nhót theo?".

Năm Tấn bất ngờ, tức giận tới đỏ cả mặt, anh đối ngay:

- *"Đêm nằm anh gác cái cẳng quẹo anh qua,*

Cũng bằng em đắp chiếu mền hoa bên Tàu".

Cô gái thông minh không vừa, một câu hát đuổi rất khéo vang lên:

- *"Mền hoa không bằng cái mo cau,*

Lượm lên tủ mặt cho mau mà về".

Tất ca những cô gái đang cầm chày giã gạo cười rộ lên, làm Năm Tấn càng nôi máu. Anh đem hết khả năng chống trả đòn quyết liệt, một thắng, hai vác mặt mo ra về thiệt:

- "Đốn liềm" cau không rớt tàu đâu
Anh lo "đắng kịp" để sắm bầu cho em
Điếm gì còn nữa điếm thêm
Chớ đừng "điếm lại", gạo ướt mêm phải đòn".

Đến đây không phai Năm Tấn thua chạy, mà cô gái nọ im ru, rút lui không một tiếng chào. Những cô gái khác còn lại, biết chàng què lịch lãm, nên lẹ làng bỏ điếm, sang giọng giao duyên tình tự...

MÙ MÀ HÒ GIỎI

Thị trấn Sơn Tịnh xưa có ông Cửu Sáu mù, nhưng rất giỏi hát, hò. Trong các đám hát hố, giã gạo, đạp đất, hay đắp nền nhà những đêm trăng, đã bao phen ông đã làm cho các cô gái chết điếng vì những câu hát hay đầy vẻ châm chọc.

Một hôm, ông Cửu Sáu xuống làng tìm đám hát. Vừa bước chân vô nhà có tiếng chày giã gạo, nghe tiếng cười khúc khích, ông biết có hai cô gái đang đứng trước cối giã gạo. Ông đoán chắc là hai cô con gái cưng cua bà chu, ông bèn cất cao giọng hát:

"Tui tới đây giã gạo cho bà

Cặp chim đang đậu đó của bà hay của ai?

Nếu của bà tui xếpná đuổi bay

Phải chim bên hàng xóm, tui giương cung ngay bắn liền".

Hai cô gái coi thường đáp lại:

"Lưỡng nhãn vô châu, thấy đâu mà bắn

Đạn nổ u đầu, trợn trắng mắt lên".

Tưởng đâu ông Cửu Sáu tự ái rút lui, ai ngờ ông bình tĩnh, đánh trúng yếu điểm của các cô gái:

"Lưỡng nhãn vô châu, ông bắn thuộc lòng

Họa may tên cắm trúng cái vòng chui vô".

Các cô gái con bà chủ mắc cỡ tím mặt, im bặt. Cối gạo còn lúa mà bà chủ phải bảo con tuôn ra vội, ông Cửu Sáu bỏ chày...

KẺ ĐÁNH BAI TRẦN HÀN

Tiếng đồn ơ một huyện phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi xưa, có Trần Hàn giỏi chữ Hán và nổi tiếng hát hố, hát hò.

Trên quê hương mình, Hàn không thua một ai, kê ca những cây hát cự phách từ phương xa tới. Vì vậy, trong các đám hát, bước vào là anh hát phủ đầu ngay, đối thủ coi như nghẹn họng, không trả lời lại được tiếng nào.

Vào một đêm trăng sáng tháng mười. tháng mười ơ Quảng Ngãi thường là tháng mưa lụt, hiếm có đêm trăng như vậy, anh đang ơ Cẩm Thành, nghe dưới bến Tam Thương tô chức hát hố ăn tiền. Bạn bè Hàn ru đi kiếm vài quan tiền uống rượu chơi. Bạn anh bao vợ đưa vài quan lận lưng, lỡ có thua thì chung cho người ta. Trần Hàn xua tay:

- Đi hát theo với Hàn, này th: đi không về có, cần gì?

Trần Hàn xuống bến Tam Thương, vào cuộc như vào chỗ không người. Những tay hát sành sỏi nghe Trần Hàn có mặt đều rúng động cả. Trong đó có cô gái trẻ, nhà ở ven sông Trà bước vô, mở lời hát chào.

Sau khi cô gái dứt lời, Trần Hàn tấn công ngay:

- Nước Tam Giang đêm trường lạnh giá
Anh hỏi bạn vàng đã tái giá hay chưa?
Trai thương vợ cũ, gái nhớ chồng xưa
Trần ai, ai để của thừa cho ai
Mình gặp nhau đây đâu phải như gái gặp trai
Mà chồng gặp vợ ta hãy dắt tay động phòng.

Trần Hàn chưa hết câu, bạn bè theo anh reo hò như được cüa. Phen này chắc chắn cô nàng thua đau. Không ngờ với trí thông minh và tài ứng đối nhanh như chớp, chọc thẳng vào yếu điểm của đối phương là Trần Hàn, vừa rỗ mặt, lại vừa chột mắt, cô gái nhẹ nhàng cất giọng:

- Ai bày chồng cũ vợ xưa
Tam Thương nước chảy nhớ chừa lội ngang
Trần ai gặp lúc cơ hàn
Rỗ đan mặt mốt xuống làng đổi khoai

Chị em ơi, xấn lại mà coi

Rỗ đan mặt mốt đổi khoai ai thèm.

Vậy là tất cả tưng hửng. Trần Hàn lần đầu bại trận. Đồn rằng anh không dám qua đò Tam Thương, mà trở lên Cẩm Thành, rồi thẳng luôn về quê ngay khuya hôm đó, không có một xu dính túi.

CHÀNG HỢM BỊ MỘT VỐ ĐAU

Vùng núi Ấn có anh Sáu Hơn, bị thọt chân bẩm sinh, làm nghề đan rổ, nhưng được cha mẹ để lại tài sản khá nhiều. Anh mắc phải thói hợm của, cậy giàu.

Một hôm đến đám hát hố thấy một cô gái tươi giòn, xinh xắn, anh cất giọng trịch thượng:

Em đà tới ngõ anh chưa?

Ngõ anh ngõ ngói mà chưa chạm rồng

Hai bên lê lựu trổ bông

Bởi anh chậm bước, em có chồng rồi thôi.

Đối thủ không phải vừa. Nàng đáp lại bằng những lời lẽ chát chúa, mỉa mai, với giọng hát thanh vang, rõ ràng từng tiếng:

Anh Sáu ơi!

Em đà tới ngõ anh rồi

Em thấy thằng xèo xẹo nó ngồi nó đan

Hai bên lê, lựu thẳng hàng

Ngõ anh ngói trát lộn vàng gướm chưa?

Nhắm khó địch nổi cái con nhỏ vừa đẹp gái, vừa hát giỏi, anh chàng Hợm của tìm cách chuồn ngay. Cả đám con gái vùng núi Ấn hôm đó được bữa cười no nê.

Sáu Hơn sẽ không bao giờ chịu thua, nhất định đám hát con trăng tới, thế nào anh cũng có mặt...

THUA HÁT BỎ QUÊ

Vùng Tịnh Hòa có anh Hai Ngọt rất nổi tiếng trong hội hát hò giã gạo. Trong khi đối đáp qua lại, Hai Ngọt thích đánh vào những chỗ yếu của đối phương để giành phần thắng.

Một đêm trăng, khí trời mát mẻ, giữa cuộc hát đang độ sôi nổi, trong đám con gái chỉ có chị Ba Kiêm là gan ruột mới dám đối địch với anh Hai Ngọt.

Ba Kiêm rất đẹp gái. Vì vậy mà cô nàng "già kén kẹn hom". Đến phút cuối, Hai Ngọt nhằm điểm yếu của Ba Kiêm, hát luôn:

Ruộng người ta cày cấy lăng xăng

Ruộng dì Ba sao bỏ thuộc,

Cho tôi cấy ba trăng một mùa?

Dì không cho,

Ngọt tui cũng cấy bừa

May trời ngó lại,

Được mùa tui cấy luôn?

Gặp chị Ba Kiêm lịch duyệt, đã có ý chuẩn bị đỡ đòn trước. Ba Kiêm biết rõ Hai Ngọt tên tục là Năng (Cửu Năng), tới nước này, dại gì không lôi ra mà trả đũa. Nàng dè dặt vì nín cười chứ không phải vì thẹn thùng, cất tiếng hát bình thản:

Bấy lâu nay chị mắc chứng đau răng

Nên ruộng bỏ thuộc, cỏ năng đầy bờ

Em có ngỏ lời, chị mới dám nhờ

Ngày mai có rảnh, cậy em nhổ cỏ, phạt bờ kiếm cơm.

Tiếng cười của chị em giòn như pháo. Hai Ngọt mặt xám ngắt, chửi tục một câu, quăng chày đi tuốt. Đúng là đi tuốt thiệt.

Người ta ở xóm trên đồn đại, cũng sau đêm hát đó, chàng bỏ nhà đi Nam...

PHẦN PHỤ LỤC

CA TRÙ

NGOẠN DU THIÊN ẤN

Văn đạo Ấn sơn đa tú khí
Ân cần kỳ độ dục cầu tư
Cùng giang sơn hò hẹn những bao giờ
Xuân tiết khéo tình cờ đưa khách lại
Minh nguyệt thanh phong như hữu đãi
Có đá, có cỏ, có cây, có chùa, có sãi
Cảnh Bồng lai còn mãi mãi giữa trần gian
Giá ba đề điểu nhất ban
Nước sông văn vắt tre ngàn xanh xanh
Lên đỉnh núi mình nghe nhè nhẹ
Mùi đạo chừng có lẽ hơn người chăng?
Hết khi khu đến chỗ thẳng bằng
Dừng chân đứng trông trăng đợi gió

Thành quách lầu đài xem rất rõ:

Này cầu Trà Khúc,

Này đồn Sơn Tịnh,

Này thành Quảng Ngãi,

Này phố Thu Xà,

Kìa hòn Thiên Bút xa xa

Này non Thiên Mã, nọ tòa Tam Thai

Ua? ... đã đến Phật đài rồi đó

Liếc mắt nhìn cổ tháp nguy nga

Kim quan nhất Xá lợi, quả sắt cửu Liên ba

Sừng sững đó mấy tòa Tam bửu tháp

Nghiệm không biết trải bao ba giáp

Mà rêu phong lớp lớp chữ lờ mờ

Hỏi ra vào buổi quốc sơ

Lê Vĩnh Thạnh còn trơ bia để

Tục cũng thế mà tiên cũng thế

Chỉ nghìn thu tiếng để mà thôi

Vào tam quan khối lỗi đã tiêu rồi

Nghe chuông mõ mấy hồi tinh cựu mộng

Này cổ miếu, bi đài, này nhà chuông, nhà trống

Cửa không mở rộng đón đưa người

Thẳng vào phương trượng nghỉ ngơi

Tăng can, du khách tỏ lời hàn huyên

Muối dưa âu cũng lắng mùi thiền

Đốn ngộ, chơn không, tâm liễu liễu

Vui trong tiệc có sư, có điệu

Cứu trí diệu giác tánh như như

Rằng xưa Phật bảo Thiền sư

Đến đây đào giếng, lập chùa, trồng cây

Chùa đã có mà nay Sư đã vắng

Giếng còn đây mưa nắng trơ trơ

Giang sơn tuy trải mấy cuộc cờ

Cảnh còn nhắc hồn thơ lai láng

Thơ rằng:

Dục tá từ hàng đăng bỉ ngạn

Vãng lai lạc quốc cựu thuần phong

Trăng trong gió mát vui lòng.

- GIÁO QUANG -

HUYỀN THOAI

SÔNG TRÀ KHÚC

Dải lụa xanh của nàng Tiên giáng thế
Tắm biển đông còn tung để lại đây
Mãi ham vui vì quyến luyến chốn này
Về tiên giới vội vàng quên thu nhận
Nàng là Chúa của nhành non lân mẩn
Thiên đình không nở giận một Tiên nga
Tội Tiên thiên mến tục bỏ cung ngà
Rơi lụa quý được dung tha chừa lỗi
Âu số hệ trần gian nay tiếp nối
Lệnh ban truyền cho vận hội khai nguyên
Hỡi thần tiên hãy chứng tỏ uy quyền
Để nhân loại xem phép màu Tạo hóa
Rồi thuở ấy ruộng đồng khô cây lá

Cả muôn loài chờ đợi với ước mong
Nỗi lo âu xâm chiếm vạn cõi lòng
Như có sự khác thường trên lẽ sống
Bỗng một hôm trời lên cơn thịnh nộ
Đất quay cuồng bão tố xóa không gian
Mưa tuôn rơi nước cuốn cả thôn làng
Vạn vật đắm chìm trong màn đen tối
Nhưng tội lỗi được trả bằng kinh sợ
Sau những giờ chống đỡ với thiên nhiên
Cảnh hồi sinh tái lập khắp muôn miền
Ôi kỳ diệu! dải lụa xanh biến mất
Từ Trường Sơn nước nguồn theo dòng lụa
Uốn quanh co lượn khúc chảy xuyên qua
Đời lấy tên lịch sử gọi sông "TRÀ"
Một trong bốn họ "ÔN, MA, TRÀ, CHẾ"
Được tô điểm bằng bút hoa tinh vệ
Dấu trời ban còn in để bên sông
Bến Hà Nhai lơ lửng áng mây hồng
Rồng giỡn nước tung tăng bờ giao cảm
Thời thơ ấu vào đêm trăng tháng tám

Kể cho nghe bà tôi nhắc đừng quên:

"Quê hương ta có Thiên Ấn vương đền"

"Ngôi Thiên Bút trổ danh nhân trung liệt"

"Kìa tịnh thủy có ao Sen linh kiệt"

"Mạch lưu ly, đây Trà Khúc Dương Trường"

"Quá Tam giang, mộng Đế nghiệp vấn vương"

"Kinh đô chiếm trọn tình thương dân tộc"

"Sóng Trà giang âm vang như gió lốc"

"Nước sông Trà vẫn ngọt với lòng ai"

"Đem tài trai xây dựng lấy kỳ đài"

"Hòa hợp triệu con tim đang rung chuyển"

Sông Trà Khúc thướt tha dòng lưu luyến

Tưới nhuần cho câu chuyện sống thời gian

Đấng Hóa công biến cải cảnh địa đàng

Cho Quảng Ngãi muôn ngàn năm tươi đẹp.

CẨM THÀNH, 1965
TẠ XƯỞNG

TRUYỀN THUYẾT VỀ CON SỐ KHÔNG (0)

Từ xa xưa lắm
khi con người biết đứng trên đôi chân
và giành đôi tay cho săn hái
biết quây quần
lấy hơi ấm từ lửa
những con số ra đời
người ta đếm từ một đến mười
cả sự sống bắt đầu được xếp theo trật tự...
Bỗng một ngày kia
từ đâu lù lù xuất hiện
chú số không (0)
cũng tự nhận mình là một con số
giữa bao nhiêu ngơ ngác, mỉa mai

giữa những hoang mang và kỳ thị...
Họ nhà số nhỏ to
Trề môi và chỉ chỏ
- Ồ, chú mày thật mỏng manh bé nhỏ
Ngoài: trống trơn
ruột: chẳng có chi
hãy cút đi!
ngươi đừng hòng nhập cư vương quốc số...
Chỉ là không (0), chưa được là bé nhỏ
con số không (0) im lặng cúi đầu
xin được làm con số chót, sinh sau
ở dưới đáy tận cùng vương quốc số
họ nhà Số rần rần phẫn nộ
đuổi số không (0) như đuổi một gian thần
lầm lũi ra đi...
tội nghiệp số không (0)!
Nhưng lạ chưa?
số không (0) vừa biến mất
sấm sét rền mặt đất
mây đen vần vũ bầu trời

rền rĩ khắp nơi
tiếng gầm rú của những loài ác quỉ
tanh tưởi bốc cao một luồng tà khí
cơn Hồng thủy tràn dâng, tất cả bị nhấn chìm

Vương quốc Số đảo điên
chỉ nháy mắt tiêu tan trong nước đỏ
không còn to, không còn nhỏ
không còn ít, không còn nhiều
bởi số không biến mất nên chẳng có số mười
không có số trăm, số ngàn... thì làm sao có một?

Trong hỗn độn, tan hoang
đấng thần linh xuất hiện
giữa một vòng tròn lớn
rừng rực tỏa hào quang:
- "Tất cả hãy nghe đây
Ta nói lời hệ trọng
sự ngu dốt và lòng thù hận
sẽ đưa ta đến thảm họa khôn cùng

có thể biến muôn loài tất cả chỉ bằng không (0)
Ta vì đời mang số không (0) trở lại
đã quá đủ dù chỉ một lần khờ dại
cũng tiêu tan cơ nghiệp của muôn loài
số không (0) chẳng là của riêng ai
Ta gửi số không (0) với hai điều kiện
To tát như trời, nhỏ nhoi như kiến
đều không chia được cho không (0)
Tất cả các ngươi dù lớn nhỏ vô cùng
khi nhân với không (0), đều bằng không (0)
tất cả".

Lời Thần linh có muôn ngàn phép lạ
Con số không (0) xuất hiện trước muôn loài
Vẫn độ lượng, bao dung, một vòng tròn trống
Vẫn khiêm nhường nhỏ nhoi
Vương quốc Số có một, có mười
có trăm, có ngàn và vô cùng của lớn
đã biến mất phút đao điên ghê rợn
lại ấm êm cơ nghiệp của muôn loài
Khi chú gà trống

cất tiếng gáy mang hình số không (0)

Từ cõi cao xa

Mặt trời cũng mang hình số không (0) xuất hiện

sáng trong và ấm nóng

Cõi đời lại tưng bừng sức sống

Từ tiếng gà...

Từ mặt trời...

Và, từ những số không (0).

HOÀI HÀ

THIÊN BÚT PHÊ VÂN

Dựng ngược giữa trời bút một cây
Chữ là hàng nhạn gió là mây
Sao vì chấm hẳn từng câu rõ
Trăng cứ khuyên lần mấy chỗ hay
Nước mực mưa chan nào có giậm
Cái ngòi gió thổi cũng không lay
Nghìn thu cao ngất hình còn tạc
Tạo hóa vì ai khéo đắp xây.

DIÊP TRƯỜNG PHÁT

THẠCH KY ĐIẾU TẨU

Những tưởng non sông tác chẳng già
Ai ngờ gành móm lại dơ ra
Chòm rong lém đém râu Bành Tổ
Chẹt đá nho nhe mép Tử Nha

Miệng súc phì phèo cơn sóng vỗ
Khăn lau quệch quạc đám mây qua
Hễ ai có hỏi xuân thu mấy
Từ có càn khôn đã có va.

TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ

SÔNG VỆ

Vệ giang phong cảnh đẹp từ xưa
Khiến khách qua đường thấy phải ưa
Dưới nước lại qua đôi chiếc xöng
Trên bờ lố nhố mấy cây dừa
Trước đường quan khách qua rồi lại
Ngoài chợ bạn hàng sớm lẫn trưa
Cảnh đã đẹp rồi còn đẹp nữa
Hóa công xây đắp mấy cho vừa.

BÙI PHỤ NGHIỆP

CỔ LŨY CÔ THÔN

Ngoạn du Cổ Lũy xiết bao tình
Xây đắp kìa ai lắm vẻ xinh
Chiếc lá thuyền trôi dòng nước biếc
Mänh thoi én liệng cuốn trời xanh
Chòm dừa bên bãi chim ca múa
Đợt sóng ven bờ cá giỡn quanh
Trên Ấn, dưới Trà, non nước ấy
Dư đồ một bức để truyền danh.

THANH VÂN

VẠN GÀNH HÀU

Chẳng phải là Cụm, chẳng phải Bàu
Xưa nay đều gọi Vạn Gành Hàu
Lao xao sóng vỗ hình xương ngạnh
Rong đám trơn tru giống vảy trâu
Rõ mặt trời Nam dầm búa sắt

Vừa tay ông Lữ bủa câu thau
Vật lành giành để trong non nước
Đến lúc triều canh mới biết nhau.

LÊ LƯƠNG TRI

CHÙA ÔNG RAU

Tẻ lắm ông Rau, ông hỡi ông!
Ông đi đâu mất bỏ chùa không
Hang sâu phó mặc bầy dơi ở
Vách trống khôn ngăn trận gió lồng
Nước vẫn nhuần lòng cơn nắng hạ
Cát đang vùi mặt ngọn triều đông
Có ai nối dấu tu hành trước
Đài cảnh còn soi rạng núi sông.

LÊ KỈNH

VÂN SƠN TÚC VŨ

Nhẹ chân dạo gót đảnh Vu Sơn
Bóng ác chen cây lá điểm vàng

Ngang mặt đập trời con sóng lượn
Nghiêng tai sân trỉ tiếng kêu vang
Xa trông Cống Tượng da xanh biếc
Nhìn lại Lộc Trường đá trải gan
Vui thú non tiên thêm nhớ nỗi
Nữ thần đâu tá vẫn mơ màng.

TÚ TÀI

HÒN ÔNG

Thợ trời khéo đúc cái Hòn Ông
Canh trí bày ra rất lạ lùng
Cây mọc tại thành vây bốn phía
Đất xây nên núi chất từng chồng
Nước trong cá lội ngời vi vẩy
Bóng mát chim nằm rỉa cánh lông
Giọt máu tinh trung còn để dấu
Ngàn năm bia tạc tiếng anh hùng.

TRƯƠNG QUANG HUY

PHÁC ĐỒ

THÀNH QUẢNG NGÃI

THEO KHOA ĐỊA LÝ

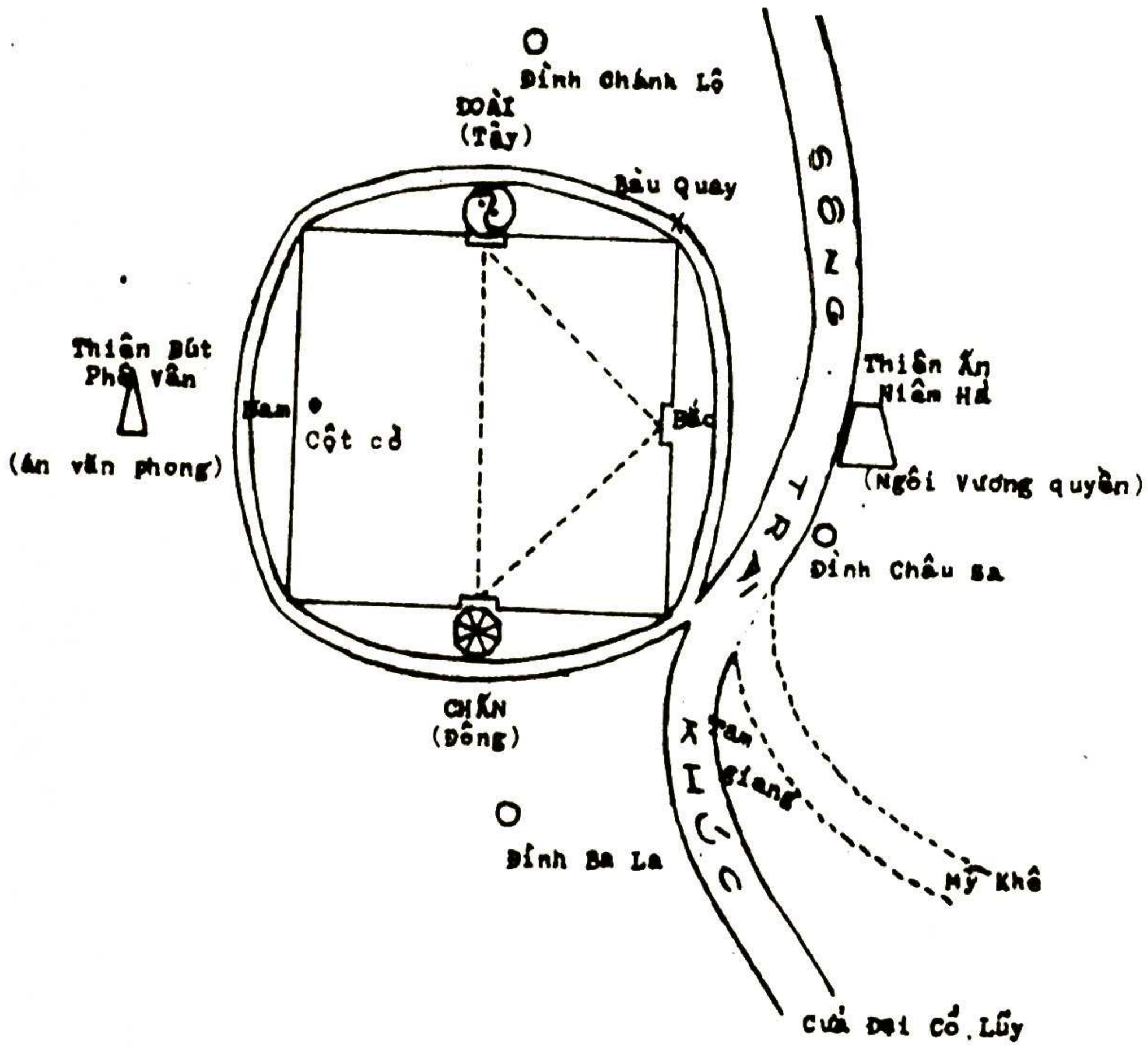

Qua Phác đồ trên, Phó bảng LÊ VĂN VỊNH đã có câu:

- Ấn sơn, Bút sơn, Ấn Bút trường lưu Chượng Nghĩa địa.
- Quảng Bình, Quảng Trị, Trị Bình thiên hạ Đế Đô thiên.

Có ý nói:

- Đất Quảng Ngãi, sông Trà xuôi chảy ngăn đôi Ấn Bút,
- Trời Kinh Đô, thiên hạ một phương giữ thế Trị Bình.

(Tư liệu của TẠ XƯỞNG)

MÔ CU

HUỲNH THÚC KHÁNG

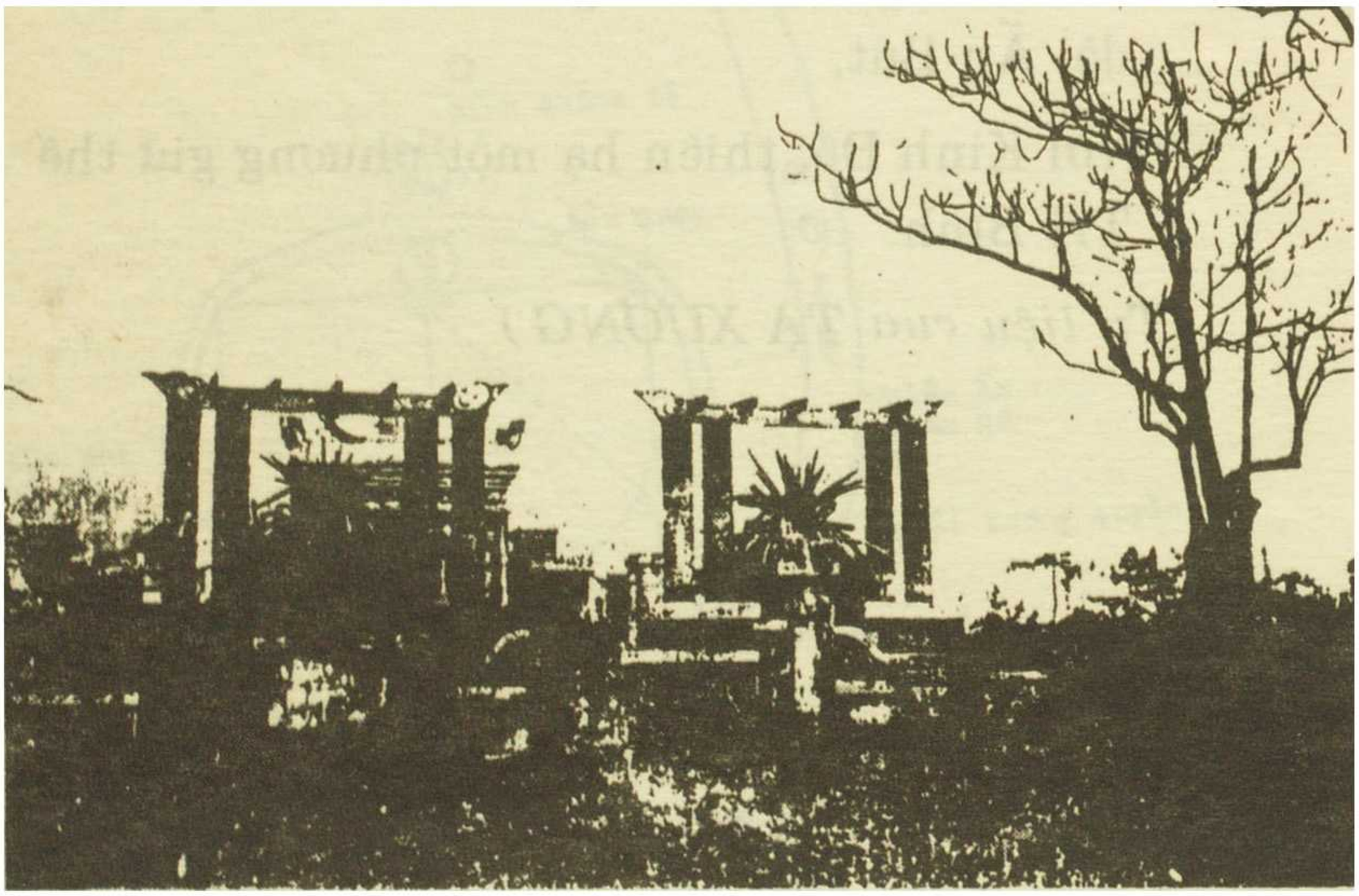

Mộ trùng tu lần thứ nhất năm 1957 trên đỉnh về hướng Tây Nam núi Thiên Ấn

(Ảnh tài liệu của TẠ XƯỞNG)

TAM QUAN THIÊN ẤN TỰ

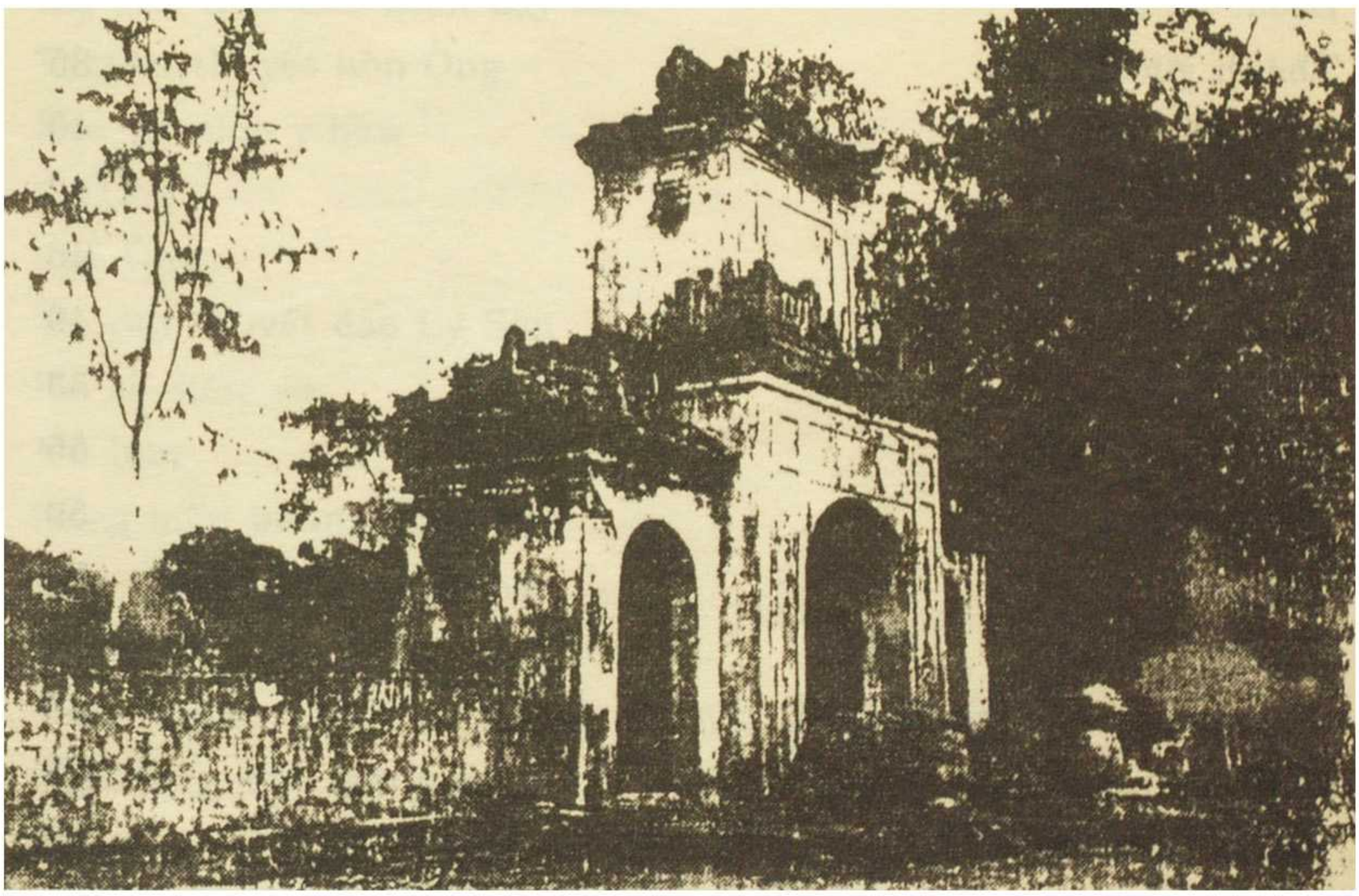

Một công trình Tam Bảo của ngài Ngũ Tổ HOÀNG PHÚC HÒA THƯỢNG, người Tư Nghĩa, xây dựng vào thời Duy Tân (1907-1915), thay cho cổng chùa khai sơn.

(Ảnh tài liệu của TẠ XƯỞNG)

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	G.S LÊ ĐÌNH KỴ	5
Vài nét về công trình	NGUYỄN MINH SAN	8
Giai lụa xanh sông Trà		20
Bảo lũ sông Trà		23
Ông Không Lồ		27
Dooát và Kor		31
Thanh gươm TàNọ		35
Tô đình thiên ấn		40
Chuông thần		43
Giếng Phật		46
Mộ cụ Huỳnh		49
Chùa Ông Rau		53
Núi Thình Thình		55
Núi Răng Cưa		59
Nước suối Tiên		64
Cây thần Brin		66
Quế thần trên đỉnh CàĐam		68
Giai thoại cây Quế		72
Về một loài chim		76
Bàu Lác		81
Hố Chình		83
Truyền thuyết hồ nước làng Treng		86
Hạt vàng trong đất		91
Hai con yêu cưa Nam Thành Quảng Ngãi		95
Quan chiếu vương		101
Vua Nam Chiếu trên bờ sông Trà Khúc		108
1. Tâm sự nàng Thiệu Khôi		109
2. Hội ngộ giữa bé Chiếu và Tiết độ sứ Cao Biền		113

3. Mộng đế vương của Cao Biền không thành 116
4. Nam Chiếu phát vương 118
5. Cao Biền sang Giao Châu lần thứ ba 120
6. Đâm lưng rồng vô tình sát hại con 123
7. Thần Rái báo tin mất ngôi 125
8. Phút cuối cùng của Vua Nam Chiếu 128
Hắc xà 131
Hòn Nghê hay con trâu nước hóa đá 133
La Hà thạch trận 135
Lấy bẫy như Cao Biền dậy non 140
Truyền thuyết hòn Ông 143
Huy hạ xích y hầu 146
Cá Ông 151
Cọp Ông 155
Truyền thuyết đảo Lý Sơn 159
Hổ vồ được vợ 165
Mả lùm 170
Đồng môn không đồng khí 176
Giai thoại Lê Trung Đình 181
Án sát Nguyễn Duy Cung 186
Tâm thư huyết lệ của Án sát Nguyễn Duy Cung 188
Tấm lòng một hưu quan 191
Chuyện ông Giai Nguyên Thuận Phước 195
1. Vạc đồng, cò nhà 197
2. Đối xứng 199
3. Quan sở đầu mình 201
Hộ quốc mẫu nghi 203
Tấm lụa may cờ 209
Phương thuốc chữa bách bệnh 214
Da thượng quan 217
Sống anh dũng chết vinh quang 221
285

Câu đối phúng 225
Mạch nha 227
Don Quảng Ngãi 231
Hò hay lấy vợ xa khỏi tốn trầu cau lễ lộc 235
Nhanh trí hỏi tội 238
Lấy gì anh buôn 240
Thằng Bòi đòi đi 242
Ưu tiên cả hai 244
Bài thơ tứ tình 246
Mạt rồ đối giỏi cùng được vào cung 248
Tài ứng đối của anh Còng 250
Chân què còn đi hát hố 253
Mù mà hò giỏi 255
Ke đánh bại Trần Hàn 257
Chàng Hợm bị một vố đau 260
Thua hát bo quê 262

PHẦN PHỤ LỤC

Ca trù ngoại Du Thiên ấn 264
Huyền thoại sông Trà Khúc 267
Truyền thuyết về con số 0 270
Thiên bút phê vân 275
Thạch ky điếu tẩu 275
Sòng vệ 276
Cố lũy cô thôn - Vạn gành hàu... 277
Chùa ông Rau 278
Vân sơn túc vũ 278
Hòn Ông 279
Phác đồ thành Quảng Ngãi xưa 280
anh: mộ cụ Huỳnh 282
anh: Tam quan Thiên ấn 283

Cùng tác giả:

- Hòn đá kim cương: Truyện ngắn - TB văn nghệ 1967.

- Anh hùng Dương Chí Uyên: Truyện ngắn - TB văn nghệ 1967.

- Đốm lửa núi Hông: Kịch thơ - Hội diễn sân khấu toàn quốc 1970 - Huy chương bạc.

- Ngã ba Đồng Lộc: Kịch thơ - Đoàn ca múa nhạc tỉnh Hà Tĩnh dàn dựng công diễn 1973.

- Những đứa trẻ không cô đơn: Tuyển tập kịch 1982 NXB Nghĩa Bình.

- Vị Thượng khách đến Paris về Hà Nội: Truyện kể về Bác Hồ giai đoạn 1946 - 1954, NXBTH Quảng Ngãi 1990.

- Quảng Ngãi quê hương tôi: Sở VHTTTT Quảng Ngãi 1991.

- Quan san nghìn dặm: Truyện kể về Bác Hồ NXB LAO ĐỘNG và BTH Tỉnh Ủy Quảng Ngãi 1994.

- Sẽ xuất bản: Truyện ký Nơi đi về những oan hồn trẻ dại

QUẢNG NGÃI
GIAI THOẠI TRUYỀN THUYẾT
của THẾ KY &HÀ THANH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TẠ HIỀN MINH
Biên tập : CAO CHU, HỒNG KHÁNH, HẢI HẰNG
Bìa : ĐỖ DUY NGỌC
Sửa bản in : NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG

In 1500 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Tại Xưởng in Ban Tư Tương Văn Hóa Thành Ủy. Giấy phép xuất bản số 16-94/XBNT-VHTT Quảng Ngãi, ngày 30-03-94. In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 1994

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi
DCN.000519

Giá : 12.500 đ